

LỊCH SỬ
TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG
CỦA ĐẢNG BỘ, QUÂN VÀ DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
(1954 - 2019)

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY BÙ GIA MẬP

BAN CHỈ ĐẠO

- Đồng chí Trần Quang Ty

Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy: *Trưởng ban*

- Đồng chí Phùng Hiệp Quốc

Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy: *Phó ban Thường trực*

- Đồng chí Lê Quang Oanh

Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện: *Phó ban*

- Đồng chí Nguyễn Đình Quyền

Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy,
kiêm Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện: *Thành viên*

- Đồng chí Phạm Hồng Khanh

Ủy viên Ban Thường vụ,

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện: *Thành viên*

- Đồng chí Lê Minh Việt

Huyện ủy viên,

Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện: *Thành viên*

**CÔNG TRÌNH KỶ NIỆM 10 NĂM THÀNH LẬP
HUYỆN BÙ GIA MẬP (2009 - 2019)**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
HUYỆN BÙ GIA MẬP - TỈNH BÌNH PHƯỚC

LỊCH SỬ
TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG
CỦA ĐẢNG BỘ, QUÂN VÀ DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
(1954 - 2019)



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BAN SỬU TÂM VÀ BIÊN SOẠN

- Đồng chí Nguyễn Đình Quyền

Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy,
kiêm Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện: *Trưởng Ban*

- Đồng chí Lê Hoàng Nam

Huyện ủy viên, Chánh văn phòng Huyện ủy: *Phó Ban*

- PGS. TS. Hà Minh Hồng

Giảng viên cao cấp trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: *Chủ biên*

- Đồng chí Phạm Ngọc Hùng

Huyện ủy viên, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân -
Ủy ban nhân dân huyện: *Thành viên*

- Đồng chí Trương Công Vũ

Trưởng Phòng Văn hóa - Thông tin huyện: *Thành viên*

- Đồng chí Lê Văn Tám

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy: *Thành viên*

- Đồng chí Lê Quảng Tuấn

Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy: *Thành viên*

- TS. Lưu Văn Quyết

Trưởng khoa Lịch sử trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: *Thành viên*

- TS. Vũ Quý Tùng Anh

Giảng viên trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: *Thành viên*

- TS. Vũ Quý Thu

Cộng tác viên trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: *Thành viên*

- Đồng chí Hoàng Thị Hương

Biên tập viên Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh:
Thành viên

Lời nói đầu

Huyện Bù Gia Mập là một trong 11 huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Bình Phước, tuy là đơn vị hành chính cấp huyện mới thành lập, nhưng địa danh Bù Gia Mập đã có từ lâu đời. Là huyện biên giới phía Bắc tỉnh Bình Phước, Bù Gia Mập có diện tích 1.061,16 km² và dân số 85.013 người⁽¹⁾. Từ đầu thế kỷ XX, nhất là trong thời kỳ chiến tranh giải phóng dân tộc (1945 - 1975), Bù Gia Mập đã dần trở thành địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về quân sự và an ninh quốc phòng; đặc biệt là trong khoảng hơn 60 năm vừa qua, nơi đây là địa bàn của nhiều diễn biến lịch sử phát triển của Phước Long - Bình Phước và miền Đông Nam Bộ, không chỉ trong hoạt động kháng chiến chống ngoại xâm, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ biên cương, mà còn là những chặng đường xây dựng, phát triển kinh tế xã hội, thực hiện những chương trình quốc kế dân sinh của Nhà nước, của địa phương.

Trong khoảng hơn 60 năm ấy (1954 - 2019), Bù Gia Mập từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, chuyển từ các K (mật danh của kháng chiến) thành huyện, từ các xã thuộc phạm vi hành chính của Phước Long đến chia tách thành huyện độc lập. Đảng bộ, quân và dân Bù Gia Mập vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ,

1. Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở ngày 1-4-2019.

chịu nhiều tổn thất, hy sinh về người và của, cống hiến nhiều trí lực và vật lực để ngày nay có được cuộc sống yên bình, Khang trang và phát triển. Mỗi người hôm nay và những thế hệ nối tiếp phải ghi nhớ công ơn của các thế hệ cách mạng đã hy sinh cho sự nghiệp và thành quả cách mạng mà chúng ta đang bảo vệ; những thế hệ cách mạng hôm nay và tương lai phải có trách nhiệm phát huy những thành quả ấy, viết tiếp những trang sử vẻ vang hào hùng ấy.

Ngay sau khi huyện Bù Gia Mập thành lập và trong suốt hai nhiệm kỳ đại hội Đảng bộ (lần thứ X và lần thứ XI), Ban Thường vụ Huyện ủy luôn quan tâm đến lịch sử và truyền thống cách mạng của Đảng bộ, quân và dân Bù Gia Mập. Để chuẩn bị cho kỷ niệm 10 năm thành lập huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo và tổ chức biên soạn công trình ***Lịch sử truyền thống cách mạng của Đảng bộ, quân và dân huyện Bù Gia Mập (1954 - 2019)*** để ghi lại quá trình từ khi cán bộ, chiến sĩ, đồng bào trên địa bàn Bù Gia Mập thực hiện đấu tranh thi hành Hiệp định Giơnevơ (1954), trải qua các giai đoạn phát triển, đến 10 năm thành lập huyện (2009 - 2019).

Công trình kế thừa các tư liệu lịch sử của Đảng bộ tỉnh Bình Phước, Đảng bộ huyện Phước Long và Đảng bộ thị xã Phước Long, lịch sử một số xã trên địa bàn huyện Bù Gia Mập. Nhiều tư liệu mới của Huyện ủy, UBND huyện và các ban ngành lần đầu tiên được đưa vào lịch sử. Bố cục công trình ngoài phần mở đầu và kết luận, có 4 chương, nội dung tương ứng với 4 giai đoạn lịch sử (1954 - 1975, 1975 - 1985, 1986 - 2009, 2009 - 2019); qua đó chấp nối những bước phát triển thành hành trình 65 năm đấu tranh và xây dựng, phát triển - đồng thời là quá trình hình thành và định vị những nét đẹp truyền thống, những bài học lịch sử quý báu. Phần phụ lục để lưu trữ và tra cứu những

thông tin quan trọng của lịch sử, truyền thống Đảng bộ, quân và dân huyện Bù Gia Mập.

Việc phục hồi được lịch sử đúng như sự thật không phải là dễ dàng, ngay cả việc sử dụng tài liệu thành văn và đối chiếu với tư liệu lưu trữ là công việc thường làm của người nghiên cứu khoa học, cũng chưa phải đã đầy đủ và hoàn toàn xác thực. Do đó viết lịch sử truyền thống của Đảng bộ, quân và dân huyện Bù Gia Mập không phải chỉ một lần là xong; lần đầu tiên này phác họa căn bản quá trình lịch sử và hành trình vận động của chủ thể lịch sử là quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương. Chắc chắn từ đây sẽ có thêm những tư liệu được bổ sung, những sự kiện và vấn đề được phát hiện mới về lịch sử Bù Gia Mập; công trình này chỉ mở đầu một hướng nghiên cứu về mảnh đất và con người nơi đây trong hơn 60 năm gần nhất mà thôi.

Đây là kết quả của sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Huyện ủy, cũng là sản phẩm của sự phối hợp các ban ngành đoàn thể, các cấp ủy Đảng và chính quyền huyện nhà; đồng thời còn là kết quả của sự hợp tác giúp đỡ của Khoa Lịch sử trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. Nhân dịp công trình hoàn thành và xuất bản, Ban Thường vụ Huyện ủy chân thành cảm ơn các cơ quan, đơn vị và cá nhân đã phối hợp, hợp tác trong thời gian vừa qua.

Mỗi trang sử hào hùng đều thấm đượm máu đào, mồ hôi nước mắt và công sức của bao người; mỗi thời kỳ lịch sử đều để lại dấu ấn chiến công, thành tựu và cả những điều suy tư trăn trở; tất cả đều đáng quý, đáng trân trọng, các thế hệ hôm nay và ngày mai không được lãng quên. Trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay, những kinh nghiệm của thực tiễn cách mạng hơn

60 năm qua đã và đang tiếp tục trở thành hành trang quý báu cho toàn Đảng bộ, quân và dân trong huyện trên bước đường đi tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; từ đó tô thắm thêm, viết tiếp thêm những trang sử mới.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ

Handwritten signature in black ink, consisting of a large 'C' followed by 'n' and 'w'.

Trần Quang Ty

Mở đầu

BÙ GIA MẬP

MẢNH ĐẤT VÀ CON NGƯỜI

Trong ngôn ngữ của cư dân người S'tiêng có từ “Bù Gia” (làng cỏ tranh) và từ “Bù Máp” (làng gập gờ), vì thế có giả thiết Bù Gia Mập là từ ghép bởi hai từ đó - nghĩa là làng cỏ tranh mới. Cách giải thích ấy chưa thuyết phục, nhưng ai ai cũng thống nhất tên gọi Bù Gia Mập đã có từ xa xưa, nay biết bao quen thuộc khi nói K Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập, xã Bù Gia Mập, rừng Quốc gia Bù Gia Mập, đồn Biên phòng Bù Gia Mập...

1. Điều kiện tự nhiên

Huyện Bù Gia Mập khi thành lập (năm 2009) rộng 1.736,129 km², gồm 147.967 dân, có 18 đơn vị hành chính trực thuộc; từ năm 2015 sau khi chia tách để thành lập huyện Phú Riềng, đến nay huyện Bù Gia Mập còn lại 8 xã, tổng diện tích tự nhiên là 106.428,15 ha (đất nông nghiệp là 47.832 ha, đất lâm nghiệp là 49.382 ha, đất chuyên dùng là 7.223 ha, đất nhà ở là 410 ha, đất nuôi trồng thủy sản là 35 ha)⁽¹⁾.

1. Cục Thống kê Bình Phước, *Niên giám Thống kê Bù Gia Mập 2018*, tr. 8.

Huyện Bù Gia Mập phía Bắc là biên giới Việt Nam - Campuchia; phía Đông giáp với huyện Tuy Đức (Đắk Nông) và huyện Bù Đăng (Bình Phước); phía Tây giáp với các huyện Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp (Bình Phước); phía Nam giáp thị xã Phước Long và huyện Phú Riềng (Bình Phước).

Nằm trên địa hình tiếp nối các tỉnh Nam Tây Nguyên, địa hình Bù Gia Mập thấp, độ cao dưới 1.000 m so với mặt nước biển; thổ nhưỡng chủ yếu là đất đỏ bazan thích nghi với nhiều loại cây trồng (năm 2019, toàn huyện có 24.217 ha điều, 1.983 ha tiêu, 20.294 ha cao su, 1.619 ha cà phê, ca cao 91,3 ha...⁽¹⁾).

Khí hậu ở Bù Gia Mập là nhiệt đới cận xích đạo gió mùa với hai mùa mưa - khô rõ rệt; nhiệt độ bình quân trong năm cao đều và ổn định từ 25,8 - 26,2°C; sự thay đổi nhiệt độ qua các tháng không lớn, song chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm thì khá lớn, nhất là vào mùa khô.

Rừng và đất rừng khá lớn (51.147,46 ha, chiếm tỷ lệ 50,6% diện tích tự nhiên); rừng tự nhiên là 32.617,36 ha, rừng trồng là 6.091,37 ha; có ba đơn vị chủ rừng quản lý là: Công ty TNHH MTV Cao su Phước Long, Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Gia Phúc, Vườn Quốc gia Bù Gia Mập. Trong đó, rừng Quốc gia Bù Gia Mập có tổng diện tích 25.601,18 ha, trong đó rừng tự nhiên chiếm hơn 90%, diện tích vùng đệm là 18.036 ha nằm trên địa bàn ba xã là xã Bù Gia Mập, xã Đắk Ơ (Bình Phước) 10.036 ha và xã Quảng Trực (Đắk Nông) 8.000 ha. Rừng Quốc gia Bù Gia Mập có hệ động, thực vật rừng với các nguồn gen quý hiếm, đa dạng phong phú, với 1.117 loài thực vật, trong đó có 22 loài quý, hiếm theo Sách Đỏ thế giới IUCN; 17 loài quý, hiếm theo Sách Đỏ Việt Nam; 6 loài nguy cấp theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30-3-2006 của Chính phủ. Đặc biệt, nơi đây còn mang đậm nét của rừng nguyên sinh với rừng đầu

1. Cục Thống kê Bình Phước, *Niên giám Thống kê Bù Gia Mập 2018*, tr. 10.

rụng lá theo mùa, rừng lồ ô xen cây gỗ với nhiều loài cây thuộc họ dầu và gỗ quý hiếm như cẩm lai, gỗ đỏ, mun, lát hoa, gỗ mật, thạch tùng, giáng hương, trắc; các khu rừng già đầu nguồn như K'rong p'reh trâu (Vườn cây Trai ở vườn thực vật), V'ong Zung (Đăk ngeng), Leng Đăk H'ra pak, Leng Âr... có nhiều cây giáng hương, gỗ đỏ, cẩm lai, sao, dầu... hơn trăm năm tuổi; có 278 giống cây dược liệu.

Về hệ động vật có 437 loài động vật hoang dã, trong đó có 105 loài thú, trong đó có 33 loài quý, hiếm theo Sách Đỏ thế giới IUCN; 37 loài quý, hiếm theo Sách Đỏ Việt Nam như: voi, báo hoa mai, bò tót, gấu, sói đỏ, chà vá chân đen, vượn đen má vàng, khỉ mặt đỏ, cu ly, gấu chó, báo gấm, bò rừng, gà tiền mặt đỏ, gấu ngựa, voọc,... về chim thì vườn có 460 loài chim, trong đó có 5 loài quý, hiếm theo Sách Đỏ thế giới IUCN; 10 loài quý, hiếm theo Sách Đỏ Việt Nam; 17 loài nguy cấp theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30-3-2006 của Chính phủ, như: gà lôi, hồng hoàng, hồng tía, dù di (gấm ghi) phương Đông, cu xanh, niệc mỏ vàng, chim công, gà tiền mặt đỏ, chim yến hồng xám. Vườn có 86 loài bò sát lưỡng cư, trong đó 12 loài ghi trong Sách Đỏ. Các nhà khoa học cũng đã xác định được hơn 200 loài động vật của vườn có thể làm dược liệu như: khỉ, rắn, trăn, tắc kè, ong mật, bìm bịp,... Ngoài ra còn có sự đa dạng các loài nấm có ích và có rất nhiều loài côn trùng, nấm... chưa được nghiên cứu thống kê cụ thể.

Rừng Quốc gia Bù Gia Mập nằm ở vùng chuyển tiếp giữa Tây Nguyên xuống vùng đồng bằng Đông Nam Bộ⁽¹⁾; hiện tại đây là nơi có chức năng bảo tồn các loài động vật, thực vật hoang dã và nguồn dược liệu quý hiếm để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường và phát triển dịch vụ du lịch sinh

1. Rừng Quốc gia Bù Gia Mập cùng với Rừng Quốc gia Yok Don là hai rừng (vườn) quốc gia của Việt Nam nằm trong Vùng sinh thái Rừng Khô trung tâm Đông Dương của hạ lưu sông Mekong và thuộc hành lang ưu tiên bảo tồn của Tiểu vùng Mekong.

thái; cũng là rừng phòng hộ đầu nguồn cho các hồ chứa nước của các công trình thủy điện như Thác Mơ, Cần Đơn.

Bù Gia Mập có ba chi lưu của Sông Bé chảy qua: Suối Đắk Huýt (80 km), suối Đắk Lung (50 km), suối Đắk Lấp (9 km) chảy theo hướng Bắc Nam, lưu vực rộng, tiếp nối vào hệ thống suối, thác phân bố rộng khắp như Đắk Huýt, Đắk Ka, Đắk K'me... Sông, suối, thác Bù Gia Mập chẳng chịt nhưng không thuận lợi cho giao thông, cũng ít giá trị thủy sản, đó là nguồn nước quý cho đời sống cư dân, nhất là đồng bào dân tộc ít người vốn lưu giữ văn hóa các con nước; đồng thời là không gian thiên nhiên tạo cảnh quan, ẩn chứa nhiều tiềm năng du lịch sinh thái.

Trục giao thông đường bộ quan trọng nhất ở Bù Gia Mập là tỉnh lộ ĐT.741 chạy từ tỉnh lỵ Đồng Xoài lên trung tâm huyện và các xã biên giới; ĐT.760 từ huyện lỵ đi các xã Phú Văn, Đức Hạnh qua xã Bom Bo - Bù Đăng. Ngoài ra còn nhiều tuyến liên xã, liên thôn rất thuận tiện cho giao lưu phát triển kinh tế, văn hóa trong và ngoài địa phương. Giao thông nông thôn Bù Gia Mập hiện có hơn 318 km đường huyện và xã đang được đầu tư nâng cấp; đồng thời đang quy hoạch làm mới hơn 55 km phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Song song với các trục giao thông đường bộ là mạng lưới nguồn điện quốc gia với các trạm biến áp 110/15-22 KV.

Bù Gia Mập giữ vị trí chiến lược quan trọng cả về kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng, là địa đầu của tỉnh Bình Phước.

Tuyến biên giới trên địa bàn Bù Gia Mập dài 65,487 km giáp với huyện Tuy Đức (tỉnh Đắk Nông) và huyện Ô Răng, tỉnh Mũđunkiri (Campuchia); nơi đây có 2 cột mốc biên giới (số 61, 62), 4 đồn biên phòng (Đắk Ka, Đắk Bô, Đắk Ở, Bù Gia Mập); vì thế các địa phương biên giới của hai bên Việt Nam - Campuchia có nhiều điều kiện phối hợp các lực lượng quân sự, công an, lực lượng bảo vệ rừng tăng cường hoạt động chặt chẽ,

củng cố, xây dựng mối quan hệ láng giềng đoàn kết, hòa bình, hữu nghị và hợp tác phát triển. Hiện tại, địa bàn biên giới giao thông đi lại còn khó khăn; dân cư chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số sống thưa thớt, nhiều hộ đồng bào còn giữ thói quen sống du canh du cư...

2. Sự thay đổi hành chính qua các thời kỳ

Khi chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý vùng đất phương Nam, lập dinh Trấn Biên với phủ Gia Định, trong đó đã có huyện Phước Long (gồm cả địa bàn Bù Gia Mập ngày nay). Về sau (năm 1808) huyện Phước Long nâng lên thành phủ Phước Long trấn Biên Hòa; năm 1838 trấn Biên Hòa đổi là tỉnh Biên Hòa.

Sau khi triều đình nhà Nguyễn ký Hòa ước Nhâm Tuất (1862), chính quyền thuộc địa được thiết lập ở ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Biên Hòa, Gia Định, Định Tường). Sau đó thực dân Pháp chiếm nốt ba tỉnh miền Tây (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên), nền đô hộ thực dân bao trùm lên toàn bộ Nam Kỳ. Theo đó, chính quyền thuộc địa do các sĩ quan Pháp đứng đầu, nền hành chính lục tỉnh Nam Kỳ bị xóa bỏ và thiết lập nền hành chính 21 hạt, tỉnh Nam Kỳ. Riêng tỉnh Biên Hòa vẫn giữ hai phủ là phủ Phước Long và Phước Tuy và 4 huyện như cũ. Địa bàn huyện Bù Gia Mập thuộc huyện Bình An, phủ Phước Long.

Năm 1924, thành lập quận Bà Rá; đến năm 1925 đổi là quận Phú Riêng; năm 1927 lại đổi thành quận Sông Bé; năm 1933 đổi lại quận Núi Bà Rá, Bù Gia Mập khi đó thuộc quận Núi Bà Rá, tỉnh Biên Hòa. Trung tâm hành chính quận đóng tại Bù Kroai (Đức Hạnh ngày nay).

Năm 1956 - 1958, chính quyền Sài Gòn thành lập tỉnh Phước Long, Bù Gia Mập thuộc quận Phước Hòa (năm 1961 thành quận Phước Bình) tỉnh Phước Long.

Về phía cách mạng, từ tháng 6-1960 khi các K (tương đương huyện) của tỉnh Phước Long được thành lập, địa bàn Bù Gia Mập thuộc K4, sau đó là K14, rồi K28. Đến năm 1972 thành lập tỉnh Bình Phước, địa bàn Bù Gia Mập thành K (Huyện) Bù Gia Mập.

Đến tháng 7-1976, tỉnh Sông Bé được thành lập, huyện Phước Long mới của tỉnh Sông Bé ra đời (tháng 3-1977) trên cơ sở hợp nhất ba huyện Bù Đốp (Bố Đức), Phước Bình, Bù Đăng (Đức Phong); Bù Gia Mập thuộc huyện Phước Long (gồm 8 xã K Bù Gia Mập cũ là: Bù Xia, Bù Bung, Bù Khơn, Bù Du Nga, Bù Nung, Bù Xa Rê, Bù Đăk Á, Bù Rên; thành lập mới xã Đăk Ờ). Năm 1988, huyện Phước Long được chia thành hai huyện là Phước Long và Bù Đăng, các xã Bù Gia Mập vẫn thuộc huyện Phước Long.

Tháng 11-1996, kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX phê chuẩn việc chia tách tỉnh Sông Bé để thành lập hai tỉnh Bình Phước và Bình Dương; Bù Gia Mập thuộc huyện Phước Long tỉnh Bình Phước nhưng trên địa bàn hành chính liên tục có những thay đổi phát triển.

Ngày 26-12-1997, theo Nghị định số 119/1997/NĐ-CP, xã Đăk Ờ của huyện Phước Long tách thành hai xã Đăk Ờ và Bù Gia Mập. Ngày 18-3-1998, thành lập xã Phú Trung và xã Long Bình. Năm 2002, xã Phú Nghĩa được tách lập từ xã Đức Hạnh. Năm 2007, xã Bình Phước được chia tách thành xã Bình Sơn và Bình Tân, xã Phú Văn được tách lập từ xã Đức Hạnh. Năm 2008, xã Phước Minh được thành lập trên cơ sở chia tách một phần từ xã Đakia của huyện Phước Long cũ; năm 2009 xã Phước Tân được tách lập từ xã Phước Tín.

Ngày 11-8-2009, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Nghị định 35/NQ-CP thành lập huyện Bù Gia Mập, trên cơ sở tách ra từ 18 xã của huyện Phước Long; sau đó ngày 11-5-2015 huyện Bù Gia Mập được điều chỉnh địa giới để thành lập huyện Phú

Riêng - Huyện Bù Gia Mập còn lại 8 xã đến ngày nay là Bình Thắng, Bù Gia Mập, Đakia, Đăk Ôr, Đức Hạnh, Phú Nghĩa, Phú Văn, Phước Minh; tổng diện tích tự nhiên là 106.428,15 ha.

3. Đặc điểm kinh tế, xã hội và dân cư

Cơ cấu kinh tế huyện Bù Gia Mập chủ yếu là nông nghiệp (lâm thổ sản) - cây công nghiệp - dịch vụ, chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội được đầu tư xây dựng, nhất là trong thời gian từ đầu thế kỷ XXI đến nay. Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, môi trường được quan tâm phát triển theo cơ cấu dân số ngày một tăng lên. Các chính sách an sinh xã hội, công tác xóa đói giảm nghèo được các cấp, các ngành và cộng đồng xã hội quan tâm thực hiện; quốc phòng và an ninh, nhất là tuyển biên giới được đảm bảo, giữ vững ổn định.

Bù Gia Mập tiềm ẩn nhiều lợi thế: Thổ nhượng bazan đất đỏ rất phù hợp với các loại cây trồng lâu năm; rừng quốc gia Bù Gia Mập hứa hẹn là một trung tâm đa dạng sinh học của khu vực và trên thế giới, nơi bảo tồn các nguồn sinh quyển ở Đông Nam Bộ; hệ thống 20 dòng suối, thác nước lớn nhỏ và nhiều hang động trong rừng quốc gia còn là địa chỉ du lịch sinh thái rất hấp dẫn cho những du khách thích thể thao mạo hiểm và khám phá thiên nhiên hoang dã. Ngoài ra Bù Gia Mập còn là nơi tìm hiểu khám phá nhiều đặc trưng văn hóa dân tộc bản địa của người S'tiêng, M'ông; cũng là nơi đang lưu giữ nhiều di tích lịch sử quan trọng về thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, nằm trong hệ thống đầu mối cuối đường chiến lược Bắc - Nam ở miền Đông Nam Bộ, nơi đi vào lịch sử với nhiều trận đánh có tính huyền thoại của quân và dân Bù Gia Mập - Phước Long - miền Đông Nam Bộ.

Hiện tại, Bù Gia Mập đang được khai thác lợi thế về vị trí địa lý, nguồn tài nguyên và lao động, huyện và tỉnh đang ưu tiên phát

triển các cụm công nghiệp có quy mô hợp lý, phục vụ nhu cầu di dời và mở rộng mặt bằng sản xuất để phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại khu vực nông thôn, làm nền tảng phát triển công nghiệp hỗ trợ. Đồng thời gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái, sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm và phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững. Đã có quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, tỉnh Bình Phước có 35 cụm công nghiệp trên 11 địa bàn huyện, thị, trong đó huyện Bù Gia Mập quy hoạch 4 cụm công nghiệp để khai thác sức lao động và tiềm năng thiên nhiên, đất đai, tài nguyên khác của địa bàn hơn 106.000 ha này.

Dân số huyện Bù Gia Mập đến ngày 1-4-2019 có 20.423 hộ với 85.013 nhân khẩu, trong đó nữ 40.482 khẩu⁽¹⁾; đồng nhất là xã Đăk Ôr 16.579 khẩu, ít nhất là xã Đúc Hạnh 6.885 khẩu.

Toàn huyện có 33 thành phần dân tộc anh em như người Kinh, người S'tiêng, người Hoa, người Khmer, người Nùng, người Tày...; trong đó người dân tộc thiểu số (đồng nhất là người S'tiêng) là 6.289 hộ với 22.589 nhân khẩu, chiếm tỷ lệ 26,57%, nữ có 11.670 khẩu; đồng nhất là xã Đăk Ôr có 6.462 khẩu, ít nhất là xã Bình Thắng có 675 khẩu⁽²⁾.

Dân cư Bù Gia Mập có tỷ lệ hộ nghèo chiếm 16,23% (2.849 hộ, 11.531 khẩu, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số là 1.555 hộ); hộ cận nghèo chiếm tỷ lệ khoảng 8% (1.404 hộ, 5.956 khẩu, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số là 895 hộ)⁽³⁾. Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo tăng là do áp dụng chuẩn nghèo mới.

-
1. Chi cục Thống kê Bù Gia Mập, Biểu 01/CTDS, số 01/DS-CCTK tháng 1-2019.
 2. Chi cục Thống kê Bù Gia Mập, Biểu 01/CTDS, số 01/DS-CCTK tháng 1-2019.
 3. Báo cáo số 235-BC/HU, ngày 27-7-2018 của Huyện ủy về sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Người Kinh (Việt) có mặt ở đây từ khoảng cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX khi các đồn điền của tư bản thực dân được mở mang trên đất miền Đông Nam Bộ. Một bộ phận dân cư lao động từ miền Trung trên con đường mưu sinh đã đến khu vực miền Đông Nam Bộ làm ăn và sinh cơ lập nghiệp. Những năm 1958 - 1959, thực hiện chính sách bình định bằng biện pháp dinh điền, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đưa một bộ phận dân các xứ Quảng ở Trung Trung Bộ lên Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ, nhất là các đối tượng không chấp nhận chế độ Mỹ - Diệm đã bị đẩy lên vùng rừng núi biên giới để họ không gây ảnh hưởng đến các thành phần dân cư khác. Thời kỳ chiến tranh ác liệt, một bộ phận dân cư vùng duyên hải miền Trung và đồng bằng miền Tây Nam Bộ không chấp nhận chính sách đô thị hóa cưỡng bức cũng dạt lên vùng rừng núi biên giới miền Đông Nam Bộ... Cho đến nửa đầu thế kỷ XX, số người Kinh có mặt trên địa bàn Bù Gia Mập sống đan xen nhưng đã đông hơn các cư dân bản địa, trong đó đông hơn người S'tiêng.

Người S'tiêng là tộc người bản địa ở Bù Gia Mập, gồm 4 nhóm chính: Bulơ, Budek, Bulap và Bu biet; về sau nhập thành 2 nhóm: Bulơ và Budek. Nơi cư trú chủ yếu của người S'tiêng trên địa bàn huyện Bù Gia Mập là các xã Đăk Ờ, Bù Gia Mập, Phú Nghĩa, Phước Minh, Đakia...

Bù Gia Mập có ba tôn giáo chính là Công giáo, Phật giáo và Tin Lành; ngoài ra còn có một số tôn giáo khác như Cao Đài, Hòa Hảo, đạo Hồi... Toàn huyện có hơn 30 cơ sở sinh hoạt tôn giáo các loại.

Đại đa số dân cư trong các thành phần dân tộc và tôn giáo là người lao động có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động khai thác kinh tế tự nhiên và sản xuất trong các nương rẫy, vườn cây, đồn điền, rừng, suối khe và một ít đồng ruộng; hoạt động trao đổi, buôn bán và hàng hóa thương mại cũng dần dần được

người dân quan tâm; cơ sở sản xuất, chế biến, sửa chữa cũng ngày càng xuất hiện nhiều.

Bù Gia Mập là huyện vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, có 5 xã khu vực II (Phú Nghĩa, Đakia, Đúc Hạnh, Phước Minh, Bình Thắng), 3 xã khu vực III (đặc biệt khó khăn) là Bù Gia Mập, Đăk Ôr, Phú Văn và 22 thôn đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020. Phần lớn đời sống đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo rất cao, tồn tại nhiều phong tục tập quán lạc hậu trong đời sống và lao động sản xuất; tình trạng hôn nhân cận huyết thống và tảo hôn vẫn còn diễn ra...

4. Đặc điểm văn hóa và truyền thống

Văn hóa các cộng đồng dân cư được bảo lưu và phát huy trong suốt quá trình tạo dựng vùng đất mới bởi cuộc sống đan xen giữa các tộc người. Những nét truyền thống xa xưa như tình đoàn kết, tương thân tương ái, giúp đỡ chia sẻ lẫn nhau giữa các cộng đồng trong lao động, cuộc sống và đời sống văn hóa, phong tục tập quán.

Đồng bào dân tộc S'tiêng là dân tộc bản địa trên địa bàn, còn giữ được nhiều nét văn hóa truyền thống riêng về ngôn ngữ, sinh hoạt kinh tế, sinh hoạt gia đình, nhà cửa, trang phục, cưới hỏi, tang ma... Người S'tiêng nhóm Bulơ và Budek rất nhiều tập tục sinh hoạt diễn xướng công chiêng, nhạc cụ dân gian và các làn điệu dân ca, dân vũ. Sốc văn hóa của người S'tiêng được xây dựng với những đội nghệ thuật dân gian dân tộc sẽ trở thành sản phẩm du lịch trải nghiệm độc đáo của Bù Gia Mập.

Đặc biệt là các giá trị văn hóa đặc sắc cần được bảo vệ, bảo tồn và phát huy là 6 bài công, 6 bài chiêng, 6 bài dân ca, 4 bài múa dân gian phối hợp cùng nhạc cụ truyền thống. Những năm 2013 - 2018, Bù Gia Mập từng có một Đề án được Hội đồng nhân

dân huyện phê duyệt thực hiện với kinh phí 1,449 tỷ đồng để khôi phục, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc S'tiêng huyện Bù Gia Mập⁽¹⁾.

Người S'tiêng ở vùng biên giới Bù Gia Mập còn có rừng mộ ché với vô số ché rượu quý - là tài sản của những chủ nhân tích lũy nhiều đời, khi họ chết được chôn theo vào các huyệt mộ chính là các ché rượu quý ấy.

Đồng bào các dân tộc thiểu số nói chung và cộng đồng người S'tiêng nói riêng có những Già làng là người uy tín, am hiểu về văn hóa truyền thống, phong tục tập quán, có tiếng nói quan trọng trong cộng đồng. Đó là nhân tố - cơ sở đã và đang còn giữ vị trí được tôn trọng phục vụ cho cộng đồng; trong kháng chiến và thời hòa bình các thế hệ Già làng đã có nhiều đóng góp cho cách mạng.

Văn hóa giữ rừng của người M'ông, S'tiêng ở Bù Gia Mập khá độc đáo, rừng không chỉ đơn thuần là môi trường sống, là cây cỏ, là động, thực vật cho họ sự sống, rừng còn là cội nguồn văn hóa của họ, rừng còn là thần linh che chở và bảo vệ họ khỏi thú dữ, rừng được xem như “vị thần linh, ân nhân vĩ đại, linh thiêng của bon làng”. Theo Già làng Điểu Chen: “Trong văn hóa chọn đất lập làng của người M'ông, họ luôn quan niệm ở đâu có rừng, có dòng sông, khe suối ở đó làng mới tồn tại và phát triển vững bền được”. Theo ông Điểu Reo ở thôn Bù Nga: “Từ rất lâu trong văn hóa, luật tục của người M'ông, S'tiêng luôn được cộng đồng làng chấp thuận, không ai dám vi phạm vì sợ làm hại đến làng, đến thần linh. Khi làm nương rẫy luôn được các cao niên, già làng họp bàn kỹ lưỡng và khi các nóc nhà chấp hành tốt các yêu cầu của già làng họ mới được phát rẫy, khu vực phát rẫy thường là đất rừng không non quá, không già quá, cấm tuyệt đối phát

1. Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐND ngày 29-7-2013 Thông qua Đề án bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc S'tiêng huyện Bù Gia Mập giai đoạn 2013 - 2018.

rẫy nơi khu rừng có nghĩa địa, rừng thiêng (khu rừng có nhiều gỗ quý), rừng đầu nguồn..., khi làm nhà ở, làm Nhà dài của làng việc chọn cây, việc cúng kiếng thần cây luôn được già làng bàn kỹ, chặt cây nào?, ở đâu?, để không gây hại đến cây con, khu rừng thiêng của làng mình và làng khác”. Người M’ông, S’tiêng đã sớm gắn lên trên các thân cây, cánh rừng những vị thần bất diệt (thần cây, thần rừng, thần đá, thần sông, thần suối) nhằm để con cháu, thế hệ sau này luôn biết giữ rừng, ứng xử có văn hóa với rừng, nếu xâm hại sẽ làm dân làng ốm đau, không sinh con đẻ cái được, còn phụ nữ mang thai thì sảy thai, dân làng dịch bệnh, gặp xui xẻo, thiên tai lũ lụt rình rập v.v... và nặng hơn là chịu các hình phạt của làng.

Lá bép - một loại lá rừng rất phổ biến trong rừng Bù Gia Mập rất ngon và ngọt, có giá trị dinh dưỡng cao, từng là món khoái khẩu của loài tê giác (nay gần như đã tuyệt chủng ở vùng này), nhưng cũng từng nuôi sống nhiều người dân S’tiêng trong những năm tháng chiến tranh ác liệt... Giờ lá bép trở thành ẩm thực của người S’tiêng ở Bù Gia Mập, có thể làm nên nhiều món ăn độc đáo, đặc biệt là món lá bép nướng (Những đọt lá bép non tơ được chọn và dùng lá chuối gói kín, dùng nhánh lồ ô chẻ đôi kẹp chặt rồi đưa lên lửa nướng; khi lá chuối xanh chuyển vàng là chín nhưng vẫn giữ sắc màu xanh non, vị ngọt đậm đà, chấm với muối ớt rừng). Nhạc phẩm “Nổi lửa lên em” của nhạc sĩ Huy Du đã nhắc đến món “ẩm thực” đặc sản này “*Lá bép rau rừng thêm thắm tình anh nuôi*” trong những năm tháng kháng chiến gian lao mà anh dũng.

Sự hình thành thôn ấp, buôn sóc gắn liền với những năm tháng chiến tranh ác liệt, để lại nhiều di tích lịch sử và di tích kháng chiến, chúng trở thành di sản văn hóa trong thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội. Ngoài đình chùa miếu mạo, nhà thờ, dinh thự mới được trùng tu và xây dựng ngày càng nhiều, những di tích gắn liền với đoạn đầu mối cuối đường mòn Hồ Chí Minh

huyền thoại như các trạm giao liên, kho hậu cần, điểm căn cứ kháng chiến được giữ gìn bảo tồn và phát huy giá trị trong đương đại. Chỉ riêng các trạm xăng dầu VK96 ở Bù Gia Mập cùng với các trạm VK94 ở Lộc Tấn và VK98 ở Lộc Ninh cũng đủ làm những cơ sở thực địa lịch sử quan trọng có một không hai ở Nam Bộ, tiềm ẩn những dự án “Công viên văn hóa lịch sử” không thua kém gì Công viên Văn hóa xăng dầu tăng (*Oil Tank Culture Park*) nổi tiếng ở Hàn Quốc.

* * *

Bù Gia Mập - vùng đất nhiều rừng có thổ nhưỡng tốt, tiềm năng sinh địa cao; con người mang nhiều nét văn hóa tộc người khác nhau có khả năng thích ứng với điều kiện thiên nhiên giáp biên giới. Trong tiến trình lịch sử, Bù Gia Mập chỉ thực sự bắt đầu hiện hữu thành địa bàn hành chính từ giữa thế kỷ XX, khi một cuộc chiến đã hình thành sau Hiệp định Giơnevơ 1954.

Chương Một

BÙ GIA MẬP

TRONG ĐẤU TRANH

GIẢI PHÓNG (1954 - 1975)

I. VÀI NÉT LỊCH SỬ TRƯỚC NĂM 1954

Lịch sử biến đổi hành chính mảnh đất và con người có ghi từ cuối thế kỷ XVII khi hình thành huyện Phước Long dinh Trấn Biên phủ Gia Định, địa bàn Bù Gia Mập thời ấy hoang vu chưa có người ở. Suốt thế kỷ XIX, từ khi miền lục tỉnh Nam Kỳ đi vào nền hành chính triều Nguyễn, đến khi chính quyền thuộc địa hình thành và thay thế nền hành chính lục tỉnh ấy bằng nền hành chính 21 tỉnh, hạt mới, vẫn chưa để lại ghi chép gì về huyện Bình An, phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa nói chung và địa bàn Bù Gia Mập trong đó nói riêng.

Đầu thế kỷ XX, khi quận Bà Rá thành lập (1924), dân cư tụ về đông lên, trong những cánh rừng già bạt ngàn nơi “rừng thiêng nước độc” này hình thành thưa thớt những thôn ấp người Kinh được đưa từ các vùng khác tới và buôn sóc của người S’tiêng, M’nông tại chỗ. Cuộc mưu sinh của những người Kinh, S’tiêng, M’nông vẫn rày đây mai đó là chính, nhưng họ buộc phải hợp lại đấu tranh tự bảo vệ cuộc sống, nhất là khi chính quyền thực dân và “chiếc vòi lợi nhuận” của tư bản vươn dài đến vùng đất

miền biên viễn. Chắc chắn là trong thời gian hình thành và phát triển các công trình hạ tầng kinh tế như quốc lộ 14, đồn điền cao su trong vùng này (những năm sau Chiến tranh thế giới lần thứ I và trước Chiến tranh thế giới lần thứ II), dân phu trong các đồn điền bỏ việc, cùng với đồng bào dân tộc đã buộc phải đấu tranh chống việc đốt phá nương rẫy, thiêu hủy buôn sóc, bắn giết trâu bò của dân. Thực hiện chính sách “chia để trị”, chính quyền thực dân đã lập ra những tổng tự trị của người S’tiêng ở Bù Nho, Bù Na, Bù Cháp, Đăk Ôr... Nhưng người dân nơi đây không chịu sự cai quản của Pháp và tay sai; họ cấm chông ngăn chặn giặc và bảo vệ buôn rẫy, những hoạt động tự phát ấy là hiện thực của ý thức đoàn kết, yêu nước, để lại dấu ấn tốt đẹp về truyền thống giữ bản làng, buôn, sóc.

Trong thời kỳ Chiến tranh thế giới lần thứ II (1939 - 1945) và nhất là khi có sự chuẩn bị dẫn đến bùng nổ cuộc tổng khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, địa bàn Bù Gia Mập chưa có sự chú trọng của các bên trong cuộc giành và giữ lấy miền rừng núi biên cương còn khá yên tĩnh này. Tuy vậy, nơi đây đã có những hoạt động của các chiến sĩ cách mạng sau Khởi nghĩa Nam Kỳ, từng bộ phận dân cư trong một số thôn sóc đã chịu ảnh hưởng của phong trào quần chúng vùng Bù Đốp, Bà Rá, Phước Long, Phước Bình, Phú Riềng đang ngày càng chuyển mình theo con đường cách mạng vô sản đấu tranh “tự ta giải phóng cho ta”.

Sau ngày Nam Bộ kháng chiến (23-9-1945), chiến tranh lan rộng khắp vùng rừng núi miền Đông Nam Bộ; đồng bào các dân tộc ở vùng rừng núi Bù Gia Mập được tiếp xúc với cán bộ cách mạng và được hướng dẫn tham gia các tổ đội công tác. Một bộ phận của Đội công tác do đồng chí Nguyễn Đình Kính phụ trách từ Phước Long đi sâu vào các địa bàn vùng dân tộc ở Bù Gia Mập để nắm tình hình, gây dựng lực lượng; dần dần hình thành nhóm võ trang tuyên truyền tích cực hoạt động gây ảnh hưởng trong đồng bào dân tộc khắp vùng Bà Rá - Phước Long.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ và những năm 1950 - 1954, khi chiến trường chính Bắc Bộ ngày càng sôi động với nhiều chiến dịch tấn công quân sự, thì ở Nam Bộ cũng dần dần phát triển phong trào quần chúng vùng sau lưng địch. Miền Đông Nam Bộ nói chung, vùng Bà Rá - Phước Long nói riêng đã từng bước gây dựng, củng cố lực lượng cách mạng cả trong đồng bào các dân tộc ít người. Tiếng sấm Điện Biên Phủ làm “chấn động địa cầu”, buộc thực dân đế quốc phải nhanh chóng ngồi vào bàn đàm phán để ký kết Hiệp định Giơnevơ kết thúc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, nhưng chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ lại hình thành và bám ngay vào miền Nam Việt Nam. Như vậy chiến tranh không thể tránh khỏi, một cuộc kháng chiến trường kỳ nữa lại đến từ sau Hiệp định Giơnevơ (20-7-1954).

Lịch sử vùng đất Phước Long - Trấn Biên đến giữa thế kỷ XX đã trải qua mấy trăm năm, đã phát triển và hiện hình địa danh Phước Long - Biên Hòa, rồi Bà Rá, Phước Long, Hớn Quản, Phú Riềng... Nhưng phải đến sau Hiệp định Giơnevơ (1954), khi cuộc chiến tranh thực dân mới ập đến và đất nước bị chia cắt, nửa nước phía Bắc xây dựng thành hậu phương hậu thuẫn cho nửa nước phía Nam tiến hành chiến tranh cách mạng, các địa phương như Bù Gia Mập mới thực sự đi vào lịch sử hào hùng của mảnh đất miền Đông “gian lao mà anh dũng”.

Bà Rá - Phước Long trong đó có Bù Gia Mập trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ dần dần hiện rõ vị trí chiến lược án ngữ biên giới đối với toàn bộ vùng miền Đông Nam Bộ - chiến trường ác liệt và quyết định của chiến tranh. Địa bàn Bù Gia Mập bao gồm nhiều xã thôn, bon, sóc thay đổi liên tục về hành chính theo yêu cầu chỉ đạo của kháng chiến, quá trình ấy thực lực cách mạng được hình thành, nhiều địa bàn Bù Gia Mập trở thành căn cứ, bàn đạp của lực lượng cách mạng ngày một phát triển.

II. BÙ GIA MẬP TRONG GIAI ĐOẠN ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954 - 1965)

1. Từ đấu tranh chính trị tiến lên kết hợp với tự vệ vũ trang, hình thành các K trên địa bàn Bù Gia Mập (1954 - 1960)

Ngay sau Hiệp định Giơnevơ (1954), được Mỹ giúp sức, chính quyền Diệm lấy lực lượng quân đội và cảnh sát làm nòng cốt, ra sức củng cố và từng bước mở rộng vùng kiểm soát; địch tìm mọi cách nắm và khống chế các địa bàn rừng núi và biên giới như Bù Gia Mập. Chúng duy trì chế độ tự trị của các đồn điền bởi với dân cao su đang làm cho chủ Tây, nhưng tìm cách lôi kéo công nhân và một số phần tử trong các buôn sóc đồng bào dân tộc ở xen kẽ các đồn điền, hình thành bộ phận Sắc tộc để nắm tình hình đồng bào dân tộc thiểu số. Ngày 22-10-1956, chính quyền Ngô Đình Diệm ký Sắc lệnh số 143-NV thành lập tỉnh Phước Long; địa bàn Bù Gia Mập lúc đầu thuộc quận Bồ Đức, về sau thuộc quận Bù Đốp tỉnh Phước Long.

Đồng thời với hệ thống hành chính mới là việc thiết lập chế độ cai trị khắc nghiệt, tàn bạo với phương thức dùng quân đội để quản lý hành chính vùng mới kiểm soát chính quyền xã, ấp và bộ máy hội tế trên toàn vùng đồn điền và vùng đồng bào dân tộc. Từ năm 1958 thiết lập các khu dinh điền để kiểm soát dân, khống chế sự di chuyển của dân, qua đó chúng theo dõi và phát hiện các cơ sở cách mạng còn lại trong vùng. Ở các đồn điền cao su, lập bót dân vệ và đồn điền phải có trách nhiệm nuôi dân vệ, mỗi đồn điền có bót dân vệ từ 7 - 10 người, được trang bị từ 5 - 7 cây súng. Dân chúng phải tham gia “Ngũ gia liên bảo” dưới sự hướng dẫn của các đoàn “Công dân vụ”.

Chính quyền Mỹ - Diệm hô hào “đả thực, bài phong, diệt Cộng” nhưng thực tế là thực hiện “Quốc sách Tổ cộng, diệt cộng” rất tàn bạo. Khắp các buôn sóc, lực lượng tế ấp có nhiệm vụ rình rập, truy tìm cán bộ kháng chiến, giám sát các gia đình có người

tham gia cách mạng, vô cơ bắt bớ, giam cầm và giết người theo phương châm “Thà giết lầm chứ không bỏ sót” cộng sản. Chính quyền gia đình trị họ Ngô “đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật”, ban hành Luật 10/59 và thực hiện chính sách khủng bố bằng biện pháp phát xít trên toàn miền Nam để truy lùng, bắt bớ, giam cầm và giết hại nhiều cán bộ cách mạng và đồng bào yêu nước.

Về phía cách mạng trong quá trình thi hành Hiệp định Giơnevơ chuyển quân tập kết, Phước Long có một số đồng chí ở lại hoạt động trong vùng cao su (như các đồng chí Ba Tuyên, Ba Đấu, Út Lộc) và vùng đồng bào dân tộc (như Ba Phú, Lộc (Lộc cà răng), Hảo, Hồng, Lập), dựa hẳn vào dân và bám cơ sở để hoạt động bí mật. Cán bộ sống “ba cùng” với đồng bào, học nói tiếng đồng bào, cởi trần và đóng khố, cà răng hút thuốc rê, tìm hiểu và thực hiện phong tục tập quán của đồng bào; qua đó gây dựng cơ sở cách mạng và vượt qua nhiều khó khăn nguy hiểm để móc nối, hình thành những tổ công tác, làm chỗ dựa cho phong trào cách mạng.

Các địa phương miền Nam từng bước đấu tranh, trước hết là đòi hiệp thương hai miền Nam - Bắc, đòi tổng tuyển cử, tẩy chay việc “trưng cầu dân ý” để “suy tôn Ngô Tổng thống”... Từ đấu tranh chính trị, quần chúng dần dần kết hợp với vũ trang tự vệ, diệt ác, phá kềm... Địch càng khủng bố dã man, thì quần chúng yêu nước càng căm phẫn và thúc đẩy phong trào đấu tranh chống lại Mỹ - Diệm. Năm 1959 địch thú nhận: “Việt cộng đã lại xúc tiến mạnh mẽ hoạt động chính trị khắp thôn quê hẻo lánh, gây được nhiều cơ sở, tổ chức ra các đoàn thể vũ trang cùng với tàn dư của giáo phái hoạt động quấy rối, vũ trang ám sát cả miền Tây và miền Đông Nam phần”.

Thực tế tình hình miền Nam từ sau Hiệp định Giơnevơ đến những năm đen tối 1958 - 1959 cho thấy, Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm đã phá hoại hòa bình, thực hiện dã tâm chia

cắt lâu dài Tổ quốc Việt Nam, chống phá các lực lượng cách mạng và kháng chiến còn lại ở miền Nam, đi ngược lại tâm tư nguyện vọng hòa bình thống nhất đất nước của đông đảo nhân dân miền Nam Việt Nam. Bạo lực của chính quyền và quân đội Mỹ - Diệm đã đẩy đại đa số nhân dân miền Nam về phía đối diện với chúng. Trong khi đó cuộc đấu tranh chính trị đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ trên phạm vi cả nước chỉ có tác dụng củng cố hòa bình ở nửa nước phía Bắc, còn nửa nước phía Nam thì cách mạng bị đẩy lùi và phải chịu tổn thất ngày càng to lớn cả về lực lượng, tổ chức và phong trào.

Đúng trước thực tế ấy, các đồng chí ở lại Phước Long hoạt động như Ba Phú, Ba Thiều, Ba Đấu, Tuyên, Hảo, Lộc... đã cùng các đồng chí do Tỉnh ủy Biên Hòa phân công về Phước Long như Sáu Hải, Ba Hỷ, Hai Thuấn, Tư Huệ⁽¹⁾... về hoạt động cách mạng trong vùng có đồng công nhân, vùng dinh điền, vùng đồng bào dân tộc. Nhiệm vụ trước mắt về tổ chức các nhóm cốt cán xây dựng các chi bộ tại chỗ, trước hết là ở những nơi đã có cơ sở cách mạng.

Tháng 12-1956, có 3 chi bộ được thành lập ở khu vực Phước Long do Tỉnh ủy Biên Hòa tổ chức là:

- Chi bộ ở Tân Thuận - Bù Na do đồng chí Ba Phú làm Bí thư Chi bộ. Chi bộ này phát triển mạnh trong vùng đồng bào dân tộc.

- Chi bộ ở Thuận Lợi do đồng chí Ba Đấu làm Bí thư Chi bộ. Chi bộ này phát triển mạnh trong công nhân cao su.

- Chi bộ ở Sở Cao su Bù Ka do đồng chí Ba Tuyên làm Bí thư Chi bộ. Chi bộ còn có các đồng chí Hai Lạc, Sáu Xô, Bảy Hát.

Phong trào quần chúng được phục hồi và mở rộng, cơ sở Đảng và cơ sở cách mạng được gây dựng cả trong công nhân và đồng bào dân tộc, lực lượng cán bộ, du kích nhen nhóm nhiều tổ đội hoạt

1. Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Phước Long - tỉnh Bình Phước, *Truyền thống Cấp ủy Đảng bộ Phước Long 1960 - 2000*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2000, tr. 26 - 28.

động; rừng núi và đồn điền ở Phước Long âm ỷ sự bùng lên khi có thời cơ mới. Trong lúc đó, đầu năm 1959, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam họp Hội nghị lần thứ 15 đề ra Nghị quyết đưa cách mạng miền Nam đi lên theo hướng dùng bạo lực cách mạng của quần chúng tiến hành khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền về tay nhân dân. Nhân dân miền Nam không còn con đường nào khác ngoài con đường quật khởi, lật đổ chính quyền địch xây dựng chính quyền cách mạng và tiến tới giải phóng.

Tháng 4-1959, Tỉnh ủy Biên Hòa cử đồng chí Nguyễn Tấn Lực (Tám Lực) bám địa bàn Thuận Kiệm - xã Bình Thắng, Đakia ngày nay, xây dựng cơ sở. Chỉ trong một thời gian ngắn, trong đồng bào Thuận Kiệm từ Quảng Ngãi vào và một số đồng bào dân tộc S'tiêng ở Thuận Kiệm, Bù Ka đã trở thành cơ sở mật của cách mạng. Đầu năm 1960, chi bộ mật dinh điền Thuận Kiệm 1 được thành lập đầu tiên có tổng số 6 đảng viên do đồng chí Tám Lực lãnh đạo. Từ cuối năm 1959 đến đầu năm 1960, các đồng chí đảng viên của chi bộ đã vận động cơ sở cách mạng của dinh điền Thuận Kiệm 1, như gia đình ông Nga, ông Bình, ông Huỳnh Ngọc Anh, Trần Như Châu, Bùi Đình Hiếu, ông Tình, ông Thọ, bà Năm,... vận động thêm được một số gia đình cùng đi chợ Đakia, Phước Bình mua gom được hàng ngàn kg lương thực, thực phẩm, thuốc tây, pin đèn, dây điện,... vượt qua sự kiểm soát gắt gao của địch, giao cho đồng chí Tám Lực chuyển về căn cứ.

Được tin khởi nghĩa nổ ra ở Trà Bồng (tháng 8-1959) và Bến Tre (tháng 1-1960), Tua Hai, Tây Ninh (25-1-1960) cổ vũ, phong trào đồng khởi ở miền Đông Nam Bộ nổ ra rầm rộ, những cuộc nổi dậy diệt ác phá kềm đã làm cho chính quyền địch ở cơ sở vô cùng hoang mang lo sợ và rệu rã, bị bóc đi từng mảng lớn. Vùng giải phóng ra đời, quần chúng nhân dân làm chủ rất phấn khởi, khí thế cách mạng nổi lên, thực lực cách mạng ở mỗi địa phương được tăng cường xây dựng nhanh chóng làm đảo thế chiến lược cho toàn miền.

Tháng 6-1960 Tỉnh ủy Phước Long ra đời, đồng chí Phạm Thuận (Ba Thu) làm Bí thư. Tỉnh ủy trong và sau hội nghị thành lập đã chủ trương thành lập các K (mật hiệu cấp huyện) tùy theo địa bàn và yêu cầu nhiệm vụ từng vùng. Mỗi K có tổ chức cấp ủy và tổ chức đoàn thể. Đầu tiên là K2 và K3 thành lập (tháng 7-1960), sau đó là K4⁽¹⁾.

Địa bàn K4 gồm vùng Bù Gia Mập và một số buôn sóc dân tộc ở Phước Bình, Bù Đăng; lãnh đạo K4 gồm:

- Đồng chí Tư Quý - Bí thư K4
- Đồng chí Ba Hà - K ủy viên
- Đồng chí Hai Cao - K ủy viên.

Cuối năm 1960 bổ sung thêm:

- Đồng chí Tư Mạo (tháng 10-1960) - K ủy viên
- Đồng chí Ba Dương (tháng 12-1960) - Phó Bí thư K ủy (khi đồng chí Ba Dương hy sinh thì đồng chí Ba Hà lên làm Phó Bí thư).

Sau đó những năm 1961 - 1962, do yêu cầu công tác, nhiều đồng chí khác được bổ sung vào K ủy:

- Đồng chí Năm Nam - K ủy viên, kiêm Chính trị viên K đội
- Đồng chí Tư Đệ (nữ) - K ủy viên, phụ trách K Hội phụ nữ
- Đồng chí Năm Thọ - K ủy viên, kiêm K đội trưởng
- Đồng chí Huỳnh Thị Lục (dân tộc Châu Mạ) - K ủy...

Đặc biệt là K4 Bù Gia Mập sớm xây dựng trung đội vũ trang, trong đó một nửa là người dân tộc thiểu số⁽²⁾.

1. Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Phước Long - tỉnh Bình Phước, *Truyền thống Cấp ủy Đảng bộ Phước Long 1960 - 2000*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2000, tr. 30.

2. Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Phước Long - tỉnh Bình Phước, *Truyền thống Cấp ủy Đảng bộ Phước Long 1960 - 2000*, Sđd, tr. 45 - 46.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Phước Long, đồng chí Ba Phú, Phó Bí thư Tỉnh ủy được phân công phụ trách khối Dân vận vùng đồng bào dân tộc; từ đó việc gây dựng cơ sở được tăng cường, nhất là trong đồng bào dân tộc (S'tiêng, Châu Mạ...) và các bộ phận dân cư sống trong các vùng sâu ở Bù Gia Mập.

Ngày 20-12-1960 Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, trở thành ngọn cờ hiệu triệu nhân dân miền Nam đoàn kết chống chiến tranh xâm lược và bình định của Mỹ và tay sai. Ở các địa phương miền Nam thành lập tổ chức Mặt trận Dân tộc Giải phóng các cấp, đảm nhiệm vai trò như chính quyền cách mạng ở các địa phương, đã tập hợp đoàn kết hết thảy các tầng lớp nhân dân hình thành những đoàn thể quần chúng chính trị. Nhân dân vùng Thuận Kiệm 1 - xã Đakia, Bình Thắng ngày nay dưới sự hỗ trợ của trung đội lực lượng vũ trang Phước Long, đã nổi dậy chiếm trụ sở hội tế nguy treo cờ Đảng, cờ Mặt trận nhiều nơi trong dinh điền. Trung đội lính bảo an của quận tháo chạy, ta thu được 13 súng trường Mas, 26 lựu đạn, hơn 1.000 viên đạn, một xe tải gạo, diệt 1 ác ôn, cảnh cáo 2 tên khác,...

Cách mạng miền Nam chuyển sang giai đoạn phát triển nhảy vọt; mỗi địa phương như Phước Long, Bù Gia Mập từ đây cũng có nhiều thuận lợi để xây dựng và phát triển thực lực, bước vào cuộc chiến trường kỳ.

2. Đấu tranh diệt ác phá kìm, củng cố và mở rộng vùng giải phóng, hình thành vùng căn cứ Bù Gia Mập (1961 - 1965)

Từ cuối năm 1960, trong khi Mỹ và chính quyền Sài Gòn chuyển sang thực hiện chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, thì lực lượng cách mạng giải phóng miền Nam chuyển sang chiến tranh cách mạng để đối phó với kẻ thù.

Những năm 1961 - 1962, địch triển khai ồ ạt chương trình áp chiến lược ở Phước Long nói riêng, miền Đông Nam Bộ nói

chung. Cùng với một số đồn bót được thiết lập dọc biên giới ở khu vực Phước Long, các ấp chiến lược Đăk Ôr, ấp chiến lược Đăk U được xây dựng để gom số dân trong vùng Đăk Ôr, Bù Gia Mập vào đó, cùng với một bộ phận dân từ Quảng Nam, Quảng Ngãi vào định cư. Đầu năm 1961, Mỹ - Diệm đã thúc ép đồng bào Việt kiều từ miền Tây Nam Bộ và đồng bào miền Trung đưa vào Thuận Kiệm, xây dựng ba khu dân cư mới: Thuận Kiệm 2, 3, 4 (nay là xã Bình Thắng - Đakia) hình thành thế bố trí dân cư nhằm chia cắt vùng căn cứ cách mạng của ta theo ý của địch, gây khó khăn cho cách mạng. Tại khu vực này là xã Bù Gia Mập, một sân bay dã chiến cũng được thiết lập lên. Dân số trong vùng đông dần lên và đồn bót địch ở Bù Gia Mập mọc lên làm chỗ dựa cho lực lượng địch chiếm đóng. Những cuộc càn quét diễn ra nhằm dồn đồng bào về khu tập trung và vào ấp chiến lược; nhưng chỉ có 2 - 3 sóc vào ấp chiến lược, nhiều đồng bào trong các sóc còn lại chạy vào vùng sâu, nhất quyết không chịu vào sống trong các ấp chiến lược. Còn trong ấp chiến lược, chính quyền địch tổ chức dựng nhà để ở, xây dựng hệ thống ngăn chặn sự xâm nhập gồm hàng rào tre và kềm gai, khống chế mọi đi lại và sinh hoạt hàng ngày của người dân, vì thế càng làm cho cuộc sống của đồng bào bị mất tự do, họ không chấp nhận sự cai quản của bộ máy tề địch và chỉ tìm cách vượt ra ngoài để trở về với buôn sóc cũ làm ăn tự do.

Năm 1961 Tỉnh ủy Phước Long tiến hành Đại hội dân tộc lần thứ nhất và thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh Phước Long. Chủ trương của Tỉnh ủy từ năm 1961 ở cả vùng giải phóng và vùng tạm bị chiếm là *“Tập trung xây dựng cơ sở trong vùng đồng bào dân tộc tiến tới thành lập chi bộ Đảng và đội du kích ở các sóc... Lãnh đạo quần chúng đấu tranh phá ách kềm kẹp của địch, nổi dậy làm chủ từng vùng”*⁽¹⁾.

1. Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Phước Long - tỉnh Bình Phước, *Truyền thống Cấp ủy Đảng bộ Phước Long 1960 - 2000*, Sđd, tr. 65 - 66.

Từ đó Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh Phước Long đẩy mạnh hoạt động vận động tổ chức đồng bào các địa phương tham gia ủng hộ cách mạng, đưa người tích cực vào đoàn thể quần chúng, vận động tích cực làm nương rẫy, trồng tía để có lương thực... Đầu năm 1962, trên địa bàn Bù Gia Mập hình thành tổ du kích và các cơ sở cách mạng trong vùng đồng bào dân tộc, xây dựng lực lượng tự vệ, du kích, đội công tác. Mỗi tổ du kích 3 - 5 người, tự trang bị vũ khí bằng giáo mác gậy gộc, tên nỏ để bảo vệ buôn, sóc, tiến tới tổ chức bố phòng, cắm chông, gài bẫy, làm hạn chế sự càn quét lùng sục của địch, bảo vệ cán bộ, an toàn cho dân; từ đó có thêm dân về sinh sống, mở rộng vùng du kích thành vùng giải phóng làm căn cứ cho lực lượng trên về hoạt động đứng chân...

Trên địa bàn tỉnh Phước Long lúc này, sau khi thành lập K1 và K5 (tháng 6-1961), đến tháng 6-1962 lại tách K5 thành K5 và K8, thành lập thêm K19, K50, sau đó nhập lại thành K59; tháng 6-1963 sáp nhập K5 và K8 thành K58; đầu năm 1964 sáp nhập K1, K2, K7 thành K127, sau đó tách K127 thành K16 và K17... K16: Địa bàn kéo dài từ Bình Thắng, Đakia đến hết khu vực huyện Bù Đốp ngày nay. Năm 1960, K ủy 16 gồm có các đồng chí:

- Nguyễn Tấn Chiến (Bảy Chiến) làm Bí thư
- Nguyễn Văn Một (Hai Một) làm Phó Bí thư
- Phạm Văn Tiến (Hai Tiến), K ủy viên Quân sự.

Sau đó bổ sung thêm một số đồng chí ủy viên phụ trách phong trào quần chúng. Để đẩy mạnh hoạt động gây dựng lực lượng ở các nơi trên địa bàn K16, ta đã tổ chức 2 đội công tác, trong đó có 1 đội công tác phụ trách khu vực Đakia và dinh điền (gồm có dinh điền Thuận Kiệm 1, 2, 3) do đồng chí Số - Đội trưởng phụ trách, đồng chí Hai Một trực tiếp chỉ đạo, đội có 2 tổ chia ra hoạt động.

Năm 1960, K17 thành lập đội lực lượng vũ trang (gọi là B5) do đồng chí Hai Các chỉ huy, hoạt động chủ yếu ở Bình Thắng.

Tháng 2-1963 Đại hội Mặt trận dân tộc toàn tỉnh Phước Long lần thứ hai được tiến hành tại Bù Du Nga (nay là thôn 3, xã Đăk Ôr). Ngoài thành phần các dân tộc về dự còn có nhiều đại biểu người Kinh từ các khu dinh điền cũng đến dự. Đại hội bầu những người tích cực, có uy tín và đức độ như Sáu Ky, Tám Điển tham gia Mặt trận tỉnh Phước Long. Đại hội bàn nhiệm vụ kháng chiến như chống phá ấp chiến lược, động viên thanh niên và nông dân tham gia tòng quân, tăng gia sản xuất, tham gia dân quân du kích, xây dựng nhiều đoàn thể quần chúng... Sau Đại hội, các đơn vị bộ đội và du kích các K liên tục phối hợp hoạt động vũ trang tuyên truyền, chống địch càn quét, chống gom dân vào ấp chiến lược; phong trào quần chúng phá ấp chiến lược diễn ra sôi nổi.

Ngày 1-11-1963 tại Sài Gòn, diễn ra cuộc đảo chính lật đổ chế độ gia đình trị của anh em Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu. Sau đó, các lực lượng thân Mỹ ở Sài Gòn và trên toàn miền Nam bước vào thời kỳ tranh giành quyền lực, làm cho Mỹ lo sợ về sự sụp đổ và tan rã của chế độ thực dân mới. Trước tình hình địch ở Sài Gòn đang tập trung vào việc thay thế chế độ Diệm, quân dân cách mạng ở nhiều địa phương Nam Bộ tận dụng cơ hội để tấn công vào các vị trí chiếm đóng của địch, làm tan vỡ hệ thống chính quyền cơ sở của chúng trong các ấp chiến lược.

Ở Phước Long, giữa tháng 11-1963, bộ đội tỉnh phối hợp với lực lượng vũ trang K4 đột nhập vào ấp chiến lược Đăk Ôr. Bị tấn công bất ngờ, binh lính địch trong ấp chiến lược và tề ấp đối phó, nhưng khi thấy xuất hiện có bộ đội giải phóng thì chúng bỏ chạy. Bộ đội và du kích địa phương nhanh chóng làm chủ tình hình, truy kích địch trốn chạy; du kích và đồng bào san bằng đồn bót, hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy, lùng bắt bọn ác ôn, giải tán tề

ấp, phá banh toàn bộ ấp chiến lược này, trở về sóc cũ. Cùng lúc đó ở các ấp chiến lược xung quanh, lực lượng vũ trang cũng hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy diệt ác, phá kềm, phá banh các khu ấp chiến lược, giành quyền làm chủ cho nhân dân. Giải phóng vùng rộng lớn Đắk Ôr, Đắk U, Bù Gia Mập, Bù Xia với hàng ngàn dân giành được quyền làm chủ; đồn bót địch và ấp chiến lược bị san phẳng; nhân dân rất phấn khởi đi theo và ủng hộ cách mạng, Bù Gia Mập chuyển dần thành vùng căn cứ cách mạng.

Phong trào du kích ở Đắk Ôr, Bù Gia Mập phát triển, hòa vào phong trào du kích chiến tranh trong toàn vùng, toàn tỉnh Phước Long, thường xuyên đối phó với những hoạt động càn quét, đánh phá của địch.

Tháng 11-1964, địch sử dụng 1 tiểu đoàn chủ lực của Sư đoàn 5 mở cuộc càn vào khu vực đường 10, Đắk Ôr, Bù Gia Mập, Đắk Nhau... nhằm lập lại các khu ấp chiến lược. Chúng có cả xe tăng, máy bay yểm trợ, dùng bom, pháo, hồng đè bẹp các lực lượng bộ đội và du kích ở đây. Bám buôn sóc, bám rừng, lợi dụng địa hình địa vật thực hiện du kích chiến tranh, bộ đội và du kích cùng lực lượng tự vệ căn cứ ở Đắk Ôr, Bù Gia Mập, Đắk Nhau ra sức chống càn, diệt địch, giữ dân giữ đất, bẻ gãy cuộc càn của địch, không cho chúng lập lại đồn ấp để bình định gom dân.

Tháng 2-1965, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền quyết định mở chiến dịch Phước Long - Đồng Xoài, hướng chính là Phước Long, Bình Long. Địa bàn từ Bom Bo, Đắk Nhau, Đắk Ôr, Bù Gia Mập, lên đến biên giới Việt Nam - Campuchia trở thành vùng căn cứ bàn đạp trực tiếp cho chiến dịch. Ở Thuận Kiệm 3, 4 - xã Đakia, Bình Thắng ngày nay, nhân dân đã bí mật vũ trang diệt đồn bót, phá rã dinh điền Thuận Kiệm 1, 2. Đây là nguồn cung cấp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến mà trước hết phục vụ cho chiến dịch năm 1965 giành thắng lợi vang dội. Thời gian này, được cách mạng giáo dục và vận động, hơn 30 thanh niên là con

em của Thuận Kiệt, làm thuê cho sở cao su Thuận Kiệt - Đakia đã bỏ sở, thoát ly tham gia lực lượng vũ trang huyện, tỉnh hoặc tình nguyện vào du kích xã.

Trong chiến dịch Phước Long - Đồng Xoài (tháng 5-1965), cả lực lượng của huyện và 1 trung đoàn của công trường 9 (Sư đoàn 9) đứng chân tại Thuận Kiệt củng cố chuẩn bị bước vào chiến dịch Đồng Xoài. Tất cả lực lượng này đều dựa vào nguồn cung cấp lương thực của nhân dân Thuận Kiệt - Đakia, chủ yếu là nhân dân Thuận Kiệt. Chỉ trong vòng chưa đầy 1 tháng, nhân dân Thuận Kiệt đã đóng góp gần 30 tấn gạo, hơn 20 tấn lúa, trên 100 con heo thịt, hơn 200 trâu, bò và cả tiền vàng phục vụ bộ đội có ăn trong thời gian đứng chân.

Từ đêm 10-5-1965, mở màn chiến dịch đến nửa cuối tháng 7-1965 kết thúc chiến dịch, đồng bào các xã tích cực ủng hộ bộ đội về lương thực thực phẩm, sức người sức của, dân công hỏa tuyến tải đạn... Đặc biệt là vào đợt III, ngày 15-7-1965, chủ lực quân Giải phóng tiến công địch ở Bù Đốp, địch ở Bù Gia Mập hoảng sợ rút khỏi cứ điểm sân bay dã chiến Bù Gia Mập.

Vùng căn cứ cách mạng ở Đăk Ôr, Bù Gia Mập hoàn toàn nối liền với nhau, xây dựng củng cố thành căn cứ Tỉnh ủy Phước Long, thực lực cách mạng được tăng cường về mọi mặt.

III. BÙ GIA MẬP PHÁT HUY VAI TRÒ CĂN CỨ ĐỊA KHÁNG CHIẾN (1965 - 1975)

3. Đấu tranh chống địch càn quét đánh phá những năm 1965 - 1968

Từ giữa năm 1965, Mỹ leo thang chiến tranh, vừa đánh phá bằng không quân, hải quân ra hậu phương miền Bắc, vừa đổ quân viễn chinh vào miền Nam thực hiện chiến lược chiến tranh cục bộ. Trên chiến trường Bình Long - Phước Long, thường xuyên

có các đơn vị Mỹ thuộc Sư đoàn bộ binh 1, Sư đoàn kỵ binh bay số 1, Lữ đoàn không vận 173 tác chiến cùng quân đội Sài Gòn.

Theo chỉ đạo của Trung ương và Trung ương Cục miền Nam, từ cuối năm 1965, Tỉnh ủy Phước Long tập trung chỉ đạo toàn tỉnh ra sức xây dựng lực lượng, tăng cường hoạt động sẵn sàng chiến đấu chống quân Mỹ, Sài Gòn, chư hầu, theo tinh thần giữ vững quyền làm chủ vùng rừng núi, đánh thắng Mỹ ở chiến trường rừng núi. Đồng chí Lê Duẩn chỉ đạo cụ thể: “*phải thi hành đúng chính sách của Đảng đối với các dân tộc thiểu số ở miền núi, xây dựng buôn làng của đồng bào các dân tộc thành buôn làng chiến đấu... phải “cấy” người vào những vùng chưa có hoặc thưa dân cư, xây dựng cho được lực lượng vũ trang tại chỗ để làm chủ khắp các vùng rừng núi... phải xây dựng nhanh các đơn vị chủ lực mạnh...*”⁽¹⁾, có chỗ đứng chân vững chắc và lâu dài cho các đơn vị chủ lực ở chiến trường rừng núi.

Bù Gia Mập lúc này là trọng điểm chỉ đạo của tỉnh. Đến đầu năm 1966, trên địa bàn Bù Gia Mập vùng căn cứ có 6 chi bộ với 61 đảng viên, 32 đoàn viên, 86 du kích; vùng ngoài có 4 chi bộ với 22 đảng viên, 4 chi đoàn thanh niên, 16 cán bộ xã⁽²⁾. Các đội du kích Phú Văn, Đức Hạnh, Bù Xia, Bù Gia Mập, Đăk Nhau là những đội du kích mạnh; khẩu hiệu hành động của các đội du kích cũng như toàn huyện và tỉnh Phước Long lúc này là “*Kiên cường bám trụ, giành đất giành dân, giữ vững vùng căn cứ*”⁽³⁾.

Tháng 5-1966 quân Mỹ thuộc đơn vị Sư đoàn 1 “Anh cả đỏ”, Lữ đoàn dù 1 và 6 tiểu đoàn quân Sài Gòn, có phi pháo yểm trợ, càn quét đánh phá ác liệt vùng căn cứ Bù Gia Mập. Trong suốt 17 ngày (từ ngày 1 đến 17-5-1966), du kích các xã trên địa

1. Lê Duẩn, *Thư gửi Trung ương Cục miền Nam*, tháng 11-1965. Trong *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 132.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Phước Long, *Lịch sử Đảng bộ, quân và dân Phước Long (1975 - 2014)*, Sđd, tr. 142.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Phước Long, *Lịch sử Đảng bộ, quân và dân Phước Long (1975 - 2014)*, Sđd, tr. 140.

bàn Bù Gia Mập (Đăk Ơ, Đăk Nhau, Bù Du Nga, Bù Thung...) phối hợp với bộ đội chủ lực Khu 6, chủ lực Miền bám đánh địch.

Tháng 7-1966, đội du kích xã Thuận Kiệm đã diệt 7 tên, làm bị thương 11 tên khác, thu 3 súng M72, 1 súng carbine. Trận đánh ngày 20-7-1967, du kích phối hợp với trung đội vũ trang huyện bẻ gãy cuộc càn của tiểu đoàn biệt động quân có xe tăng yểm trợ, bắn cháy 1 xe thiết giáp, diệt và làm bị thương 21 tên, có 5 tên bị sập hầm chông, bãi mìn của du kích. Tháng 8-1967 du kích Thuận Kiệm phối hợp với du kích Đakia và lực lượng quận phục kích đánh địch đi sửa cầu Sông Bé và cầu Đakia; du kích Thuận Kiệm dùng mìn ĐH10 bố trí trận địa phục kích, diệt 27 tên, bị thương 19 tên, đốt cháy 1 xe GMC. Tháng 11-1967 tại đồi sóc Bù Ka (Thuận Kiệm) lực lượng du kích xã phối hợp với 1 tiểu đội vũ trang huyện chặn đánh 1 đại đội địch, loại khỏi vòng chiến đấu 33 tên, bắn rơi 1 máy bay trực thăng...

Đây là lần đầu tiên quân dân Phước Long - Bù Gia Mập đánh với thực binh Mỹ ở chiến trường này - Chiến trận rất ác liệt bởi địch nhiều máy bay, xe thiết giáp, bom, pháo, súng đạn đủ loại rất hiện đại, quân rất đông; nhưng quân và dân trên địa bàn Bù Gia Mập vẫn bám giữ quê hương, phối hợp với các Trung đoàn 141 và 165 Công trường 7 chiến đấu dũng cảm, bẻ gãy cuộc càn của Lữ đoàn 1 thuộc Sư đoàn dù 101, gây cho địch nhiều tổn thất về người và vũ khí, phương tiện chiến tranh. Sau trận này, tại Bù Gia Mập, Sư đoàn 7 quân Giải phóng chính thức ra đời⁽¹⁾.

Tháng 10-1966, địch lại đưa một lực lượng lớn càn quét sâu vào vùng căn cứ ở khu vực Đăk Ơ, Bù Gia Mập, Đăk Nhau, Bom Bo... Chúng ủi phá địa hình, thiết lập đồn bót làm bàn đạp mở rộng địa bàn chiếm đóng.

1. Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Phước Long - tỉnh Bình Phước, *Truyền thống Cấp ủy Đảng bộ Phước Long 1960 - 2000*, Sdd, tr. 76.

Du kích lại phối hợp với bộ đội chủ lực Sư đoàn 7 liên tục tập kích vào các vị trí đồn trú của địch. Bộ đội và du kích các thôn Bù Nung, Bù Khơn, Bù An, Bù Xia bắn tan xác 7 máy bay Mỹ, thu nhiều súng, đạn... Những tấm gương du kích Điểu Bé, Điểu Thương, Điểu Tể, Điểu Xét trở thành điển hình trong quân dân Phước Long chống Mỹ; nữ du kích Điểu Thị On là người dân tộc đầu tiên bắn rơi máy bay Mỹ; còn Điểu Úp, Điểu Brao dùng súng AK bắn rơi tại chỗ máy bay Mỹ; Điểu K'ru công con trên lưng đi chống càn...

Từ cuối năm 1966 trở đi, du kích các xã, ấp ở Bù Gia Mập cùng du kích các xã bạn tiếp tục phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh, các K phối hợp tấn công địch, gây nhiều thiệt hại cho chúng cả về sinh lực lẫn phương tiện chiến tranh, hỗ trợ và phát động đồng bào nổi dậy phá thế kềm kẹp, đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh chống phá bình định. Tháng 9-1968, chỉ trong 1 ngày địch đã sử dụng 9 đợt (mỗi đợt 3 chiếc máy bay B52) ném bom rải thảm xuống Thuận Kiệm rồi dùng máy bay rải chất độc hóa học lên toàn bộ địa bàn của xã và các vùng lân cận, hủy diệt toàn bộ hoa màu, mỳ bắp của nhân dân. Chúng sử dụng lực lượng sư đoàn “kỵ binh bay”, sư đoàn 1 “Anh cả đỏ” Mỹ thay nhau đổ chụp đóng chốt tại đồi không tên hùng ngăn chặn ta hoạt động. Để bảo vệ vùng căn cứ ở Bù Gia Mập, đồng bào và du kích đã cắm chông, hình thành hệ thống phòng thủ, bảo vệ căn cứ và hành lang vận chuyển của Khu, Miền. Địch càn quét thường đánh phá các kho lúa của đồng bào, nhưng đồng bào trốn ra rừng, vào căn cứ, chứ không chạy theo địch. Việc trồng tía, tăng gia sản xuất, bảo vệ nương rẫy, bảo vệ lúa ở vùng căn cứ trở thành nhiệm vụ quan trọng, nhất là để đóng góp phục vụ hậu cần cách mạng, trong đó, khu vực Đakia - Bình Thắng có vị thế hết sức quan trọng, giữ vị trí trọng điểm, kết nối đường giao liên từ Phước Bình qua Lộc Ninh, Bình Long.

Những năm 1967 - 1968 tiếp tục củng cố tổ chức địa bàn: năm 1967 sáp nhập K10 và K19 thành K29, hợp nhất K8 và K20 thành K28; thành lập K11, K25, sáp nhập K4 và K đường 10 thành K14...

K14 gồm các địa bàn từ phía Tây Bù Đăng đến Bù Gia Mập (K4 cũ) và cả khu vực Bom Bo (K đường 10). Ban Cán sự K14 gồm:

- Đồng chí Tạ Quang Lộc (Út Lộc) - Bí thư K ủy
- Đồng chí Ba Hà - K ủy viên
- Đồng chí K'va Răng - K ủy viên

Về xây dựng thực lực, xã Đăk Ôr hoàn chỉnh một trung đội du kích gồm 2 tiểu đội, đến năm 1967 phát triển lên 2 trung đội, đầu năm 1968 thành 3 trung đội với hơn 100 người, phần lớn là người dân tộc, có đủ súng, lựu đạn và luôn trong tư thế sẵn sàng phối hợp chiến đấu; các xã khác trên địa bàn Bù Gia Mập đều chú trọng xây dựng trung đội du kích để sẵn sàng phối hợp với bộ đội hoạt động đánh địch. Chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể quần chúng được tăng cường từ những cơ sở và quần chúng tích cực, bám giữ địa bàn.

Mậu Thân năm 1968, Tỉnh ủy và các K ủy ở Phước Long đã tổ chức cho dân quân các xã vận chuyển lương thực, thực phẩm, thuốc men, vũ khí, đạn dược đến các chiến trường. Các xã K28 trở thành cầu nối giữa tuyến hành lang vận chuyển đường 559 với các trạm, kho hậu cần các đơn vị khu vực Phước Long. Hàng hóa được vận chuyển chủ yếu bằng sức của đôi vai và một ít xe thô sơ (xe đạp thô); đồng bào được tổ chức đi tiếp đạn, tải lương, giã gạo nuôi quân, cung cấp lương thực, thực phẩm, vũ khí kịp thời cho bộ đội chuẩn bị chiến dịch tổng tiến công.

Ngày 11-1-1968, Phân khu 10 thành lập Tiểu đoàn 168, đơn vị vũ trang tập trung của tỉnh Phước Long để tham gia tổng tiến công. Cùng lúc đó, bộ đội địa phương các K được củng cố, bổ

sung quân số, trang bị vũ khí; du kích các xã như Phú Văn, Đức Hạnh, Đăk Ờ tăng cường đội viên và sẵn sàng tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Vùng căn cứ Bù Gia Mập trở thành một bàn đạp cho các lực lượng cách mạng ở Phước Long trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy năm 1968.

Đêm 29 rạng 30-1-1968 (giao thừa Tết Mậu Thân theo lịch miền Nam) cuộc tổng công kích tổng khởi nghĩa nổ ra ở trọng điểm Sài Gòn và toàn Nam Bộ. Sức tiến công dồn dập và đồng loạt của các lực lượng vũ trang cách mạng ngay từ phút đầu đã gây cho địch nhiều bất ngờ hốt hoảng. Đặc công và biệt động phối hợp với bộ binh mũi nhọn đánh trúng vào tất cả các căn cứ quân sự, sân bay, kho tàng, trạm thông tin, đài phát thanh, các cơ quan đầu não của quân đội và chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Lực lượng vũ trang các đoàn thể phát triển nhanh và làm nòng cốt cho các cơ sở và quần chúng nổi dậy. Trong khi đó các chiến trường miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ phối hợp tiến công rất mãnh liệt, gây cho địch nhiều thiệt hại; nhân dân nhiều vùng nông thôn và rừng núi nổi dậy diệt ác phá kềm, giành quyền làm chủ, mở rộng vùng giải phóng.

Dịp này, quân và dân Phước Long tiến công địch trong quận lỵ Phước Bình và nhiều vị trí khác trên toàn tỉnh; hầu hết các ấp chiến lược bị chống phá, các đồn bót, cụm, chốt lính địch đều bị tấn công, gây cho chúng nhiều thương vong; trong số đó có 18 ấp chiến lược bị phá lỏng, giải phóng gần 2.000 dân, tiêu diệt và làm thiệt hại nhiều sinh lực địch và vũ khí phương tiện chiến tranh của chúng⁽¹⁾, đẩy chúng về thế co cụm ở quận lỵ, tỉnh lỵ. Tháng 5-1968 đơn vị C568 Bù Gia Mập thành lập, làm tăng thêm sức mạnh lực lượng vũ trang để đẩy mạnh hoạt động quân sự trên địa bàn Phước Long.

1. Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Phước Long - tỉnh Bình Phước, *Truyền thống Cấp ủy Đảng bộ Phước Long 1960 - 2000*, Sdd, tr. 78.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 đã đưa chiến tranh cách mạng miền Nam lên bước phát triển cao nhất, trong đó chiến trường Nam Bộ là một trọng điểm lớn, gây cho địch những bất ngờ và phải chịu tổn thất lớn cả về sinh lực, vật chất và tinh thần ở ngay những trung tâm và đầu não chiến tranh của chúng. Tổng tiến công Mậu Thân 1968 “*giáng một đòn bất ngờ rất lớn, làm cho quân Mỹ - nguy hoang mang, dao động mạnh... buộc đế quốc Mỹ phải thay đổi chiến lược quân sự của chúng... đã kéo Mỹ xuống thang chiến tranh*”⁽¹⁾, buộc chúng phải thay đổi chiến lược chiến tranh và chuyển sang chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh.

Cuộc kháng chiến trên chiến trường Bù Gia Mập - Phước Long tiếp tục bước sang giai đoạn mới nhiều cam go, ác liệt, cũng là giai đoạn giành nhiều thắng lợi từng bước và đến thắng lợi hoàn toàn.

4. Bám trụ chống càn, bảo vệ và củng cố vùng giải phóng, góp phần giải phóng miền Nam (1969 - 1975)

Từ nửa cuối năm 1968, quân Mỹ và quân Sài Gòn ra sức phản kích từ các đô thị ra vùng ngoại vi, thực hiện bình định cấp tốc và bình định đặc biệt các vùng nông thôn, mở rộng địa bàn chiếm đóng từ các đô thị, vùng ven đô ra các vị trí chiến lược ở các địa phương vùng nông thôn và rừng núi... Từ đầu năm 1969, Mỹ lại thực hiện chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh với biện pháp bình định nông thôn, sử dụng nhiều âm mưu thủ đoạn mới rất thâm độc và xảo quyệt, khiến cho chiến tranh ngày càng ác liệt và phức tạp.

Miền Đông Nam Bộ nói chung, Phước Long nói riêng nhanh chóng trở thành chiến trường nóng bỏng. Toàn bộ các căn cứ phía Bắc Phước Long - trong đó có địa bàn Bù Gia Mập trở thành

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tập 34, tr. 620 - 621.

mục tiêu của những đợt đánh phá ác liệt; máy bay rải bom, chất độc hóa học tàn phá hoa màu, đặc biệt là máy bay B52 liên tục rải thảm hàng ngàn tấn bom xuống vùng căn cứ và những cuộc hành quân càn quét, địch muốn chiếm lại các vị trí, nhất là sân bay dã chiến ở Bù Gia Mập.

Lực lượng cách mạng bị tổn thất, nhiều nơi mất đất mất dân, vùng giải phóng bị thu hẹp. Bom, pháo, chất độc hóa học dày đặc, địch hành quân càn quét triền miên, tất cả gây cho quân và dân trên tất cả các địa phương nhiều tổn thất cả về lực lượng, tính mạng và tinh thần. Cuộc sống của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân vùng giải phóng và vùng tranh chấp bị đảo lộn, đồng bào gặp muôn vàn khó khăn thiếu thốn và chịu nhiều thương vong; một số cơ sở nòng cốt cách mạng bị tan vỡ...

Tình hình cách mạng nhiều nơi tưởng như trở lại thời kỳ đen tối khó vượt qua. Nhưng trong thử thách hiểm nghèo đã bật sáng những phương cách để tồn tại và vượt lên.

Trong gian khó ác liệt, tình quân dân chia sẻ cứu mang giúp đỡ lẫn nhau được thể hiện rõ hơn. Du kích, bộ đội, cán bộ và đồng bào cùng đào củ rừng, lá nhíp, rau rừng trở thành thực phẩm cứu sống và thắm tình anh nuôi.

Cuối năm 1969, Đảng bộ tỉnh Phước Long tiến hành Đại hội để ra những chủ trương phù hợp với tình hình cách mạng đang có nhiều khó khăn phức tạp; đặc biệt là thực hiện chủ trương của Khu ủy Khu 10 *“Đánh địch để tồn tại. Tồn tại để xây dựng lực lượng cách mạng trong quần chúng”*.

Những năm 1970 - 1971, các đội, mũi công tác hoạt động sâu rộng vào các vùng tranh chấp, kết hợp với du kích xã ấp và bộ đội tận dụng mọi diễn biến tình hình mới để mở mảng, mở vùng. Nhất là sau đảo chính ở Campuchia, quân Sài Gòn sang hỗ trợ cho quân Phnôm Pênh và việc đánh phá vùng biên giới Việt Nam - Campuchia càng ác liệt; các xã Bù Gia Mập gặp

nhieu khó khăn về hậu cần, nhưng thuận lợi trong việc tuyên truyền về sự phát triển của cách mạng Campuchia và các lực lượng tay sai của Mỹ từ Nam Việt Nam đến Phnôm Pênh đều bị sa lầy ở đó. Du kích các xã vùng căn cứ tích cực bám giữ địa bàn với nhiệm vụ làm tiêu hao sinh lực địch cả về tinh thần và lực lượng của chúng.

Trong thời gian này Khu 6 tăng cường hỗ trợ tỉnh Phước Long Tiểu đoàn 840 để phối hợp hoạt động tác chiến và xây dựng bảo vệ vùng căn cứ. Trong khi đó 10 hỗ trợ cho tỉnh Phước Long củng cố về tổ chức. Cụ thể là việc thành lập lại K14 trên cơ sở chia K25 thành K11, K14, K17; sau đó lại nhập K14 với K28 thành K28 Bù Gia Mập.

Do địa bàn **K28** khá rộng nên cần có đội ngũ cán bộ bao quát đến nhiều khu vực hoạt động, Ban Chấp hành K28 gồm:

- Đồng chí Tạ Quang Lộc (Út Lộc) - Bí thư K ủy
- Đồng chí Cao Hoàng Thiên (Ba Thiên) - Phó Bí thư phụ trách quân sự (khi đồng chí Út Lộc hy sinh năm 1971 thì đồng chí Ba Thiên lên thay làm Bí thư K ủy)
- Đồng chí Ba Hà - Phó Bí thư K ủy
- Đồng chí Nguyễn Văn Lẹ (Ba Lẹ) - Thường vụ K, Chính trị viên K đội
- Đồng chí Đặng Kỳ Tân (Năm Tân) - Thường vụ K, phụ trách kinh tài
- Đồng chí Điểu K'Rú - Thường vụ K, phụ trách dân tộc
- Đồng chí Mười Lòng - Thường vụ K, phụ trách đội công tác Đăk Sơn (C1)
- Đồng chí Năm Giang - Thường vụ K, phụ trách đội công tác Hòa Đồng (C2)
- Đồng chí Phạm Huy Tùng - Thường vụ K

- Đồng chí Điều Beo - Thường vụ K
- Đồng chí Điều Xơ rốp - K ủy viên
- Đồng chí Huỳnh Văn Tròn (Năm Tròn) - K ủy viên
- Đồng chí Tư Phương - K ủy viên
- Đồng chí Lâm Kỳ (Hai Kỳ) - K ủy viên
- Đồng chí Điều Đách - K ủy viên

Thực lực các K, nhất là du kích và cơ sở cách mạng được củng cố thêm. Tỉnh ủy chỉ đạo tăng cường gây dựng phát triển cơ sở cách mạng, vận động đồng bào ủng hộ cách mạng về lương thực, thực phẩm, giúp đỡ các cán bộ và tạo điều kiện thuận lợi cho các đội, mũi công tác hoạt động.

Năm 1971, quân Mỹ và quân Sài Gòn thất bại trên chiến trường Campuchia phải rút lực lượng về Nam Việt Nam, làm giảm áp lực hành quân đánh phá vùng biên giới Việt Nam - Campuchia, Phân khu ủy chỉ đạo cho các xã vùng căn cứ Bù Gia Mập dựa vào tình hình tại chỗ để chặn chính lực lượng, khai thác nguồn tiếp tế từ các cửa khẩu, nội địa, nhận vũ khí đạn dược từ đường dây 559, tận dụng tình hình để củng cố thực lực cách mạng. Đến cuối năm 1971 trong vùng căn cứ của Phước Long, Bù Gia Mập đã tích lũy được hàng chục tấn lương thực, thực phẩm thu mua được từ các vùng ngoài, trở thành nơi tập kết hậu cần thuận lợi cho chiến trường Phước Long và hình thành bàn đạp của các lực lượng chính trị và vũ trang địa phương đang tích cực chuẩn bị cho những bước phát triển nhảy vọt của cách mạng trên chiến trường miền Đông Nam Bộ. K28 Bù Gia Mập từ năm 1972 được gọi là huyện Bù Gia Mập có địa bàn rộng gồm nhiều khu vực như Bù Xia, Bù Bưng, Bù Khơn, Bù Du Nga, Bù Nung, Bù Xa Rê, Bù Đăk Á, Bù Rên... tích cực chuẩn bị cho chiến dịch Nguyễn Huệ xuân hè 1972.

Sáng sớm ngày 1-4-1972, chiến dịch Nguyễn Huệ diễn ra trên không gian chiến trường 4 tỉnh Bình Long, Phước Long, Tây Ninh, Bình Dương với chủ trương “*Lấy hướng Đường 13 làm hướng tiến công chủ yếu, Đường 22 làm hướng thứ yếu*”, trong đó cụm cứ điểm Lộc Ninh được chọn làm khu quyết chiến then chốt mở màn chiến dịch và thị xã Bình Long (An Lộc) là khu quyết chiến trung tâm của chiến dịch. Sau khi tiêu diệt cụm cứ điểm tiền tiêu Xa Mát, đánh thiệt hại nặng Chiến đoàn 49, làm chủ từ Bắc Thiện Ngôn đến biên giới, ngày 5-4-1972, pháo binh quân Giải phóng bắt đầu nổ súng tiến công vào cụm cứ điểm Lộc Ninh. Sau 3 ngày vừa liên tục vây hãm, tiến công; vừa tổ chức đánh địch ứng cứu, 21 giờ ngày 7-4-1972, bộ đội hoàn toàn làm chủ cụm cứ điểm chi khu và giải phóng hoàn toàn Lộc Ninh, ngày hôm sau (8-4-1972) giải phóng Bù Đốp... Tiếp đó ngày 13-4-1972, quân Giải phóng nổ súng tiến công thị xã Bình Long và thực hiện ý đồ chiến lược của Bộ Tư lệnh Miền: “*Bao vây cô lập Bình Long, dùng lực lượng mạnh đánh vận động, tiêu diệt địch trên Đường 13, tiêu diệt nhiều sinh lực địch để tạo thế cho chiến dịch được phát triển tốt hơn, đồng thời cơ động một bộ phận lực lượng xuống đồng bằng sông Cửu Long*”. Chiến sự đường 13 trên một chiều dài hơn 10 km từ Nam thị xã Bình Long đến Bắc Chơn Thành, lấy khu vực Tàu Ô - Xóm Ruộng là then chốt, nhiều trận đánh quyết liệt đã diễn ra kéo dài gần 4 tháng liền. Tàu Ô trở thành cơn ác mộng đối với nhiều đơn vị chủ lực thiện chiến của địch.

Phối hợp với các chiến trận trong không gian chiến dịch Nguyễn Huệ, du kích Bù Gia Mập cùng bộ đội địa phương phối hợp bao vây, bắn tỉa địch thuộc Tiểu đoàn 97 biệt động quân biên phòng chốt ở cứ điểm Bù Gia Mập. Trong 3 tháng đầu năm 1972, phong trào diệt ác phá kềm, giành quyền làm chủ được triển khai rộng rãi trên địa bàn các xã Bù Gia Mập, Bù Gia Phúc, Đăk Ô... tạo điều kiện thu hút địch để thuận lợi cho việc chuẩn bị chiến dịch Nguyễn Huệ. Từ khi chiến dịch Nguyễn Huệ nổ ra

đến cuối năm 1972 đến đầu năm 1973, du kích các xã trên địa bàn Bù Gia Mập lại tiếp tục phối hợp với C.568, đánh nhiều trận, diệt và làm thiệt hại nhiều sinh lực địch cùng vũ khí, phương tiện chiến tranh của chúng. Cùng lúc đó, các cơ sở chính trị của cách mạng ở đây tranh thủ vận động lực lượng phòng vệ dân sự và tổ ấp ở các khu gom dân, tạo điều kiện cho đồng bào nổi dậy phá ban các khu ấp dồn dân rồi kéo nhau trở về buôn sóc cũ làm ăn. Tháng 4-1972, trong chiến dịch Lộc Ninh - Bù Đốp, nhân dân các xã Đakia - Bình Thắng - Phước Minh ngày nay lại cùng nhau đi dân công, tải thương, tải đạn, giúp các đơn vị bộ đội đứng chân ở căn cứ sông Măng. Khi Lộc Ninh, Bù Đốp được giải phóng, Chi bộ Đảng lại đưa nhân dân từ Đăk Quýt trở về quê Bình Thắng, Đakia; ổn định ăn ở, khôi phục sản xuất; đào hầm, hào chống pháo và sẵn sàng đánh địch; động viên con em tham gia lực lượng, đóng góp lương thực, thực phẩm, thuốc men.

Thực hiện sự chỉ đạo của K ủy 16, sau ngày giải phóng, Ủy ban nhân dân cách mạng giải phóng xã Thuận Kiệm (khu vực Đakia, Bình Thắng, Phước Minh) được thành lập và các ban ngành như Công an, Xã đội, Ban Kinh tế, Ban Nông hội, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên... lần lượt được thành lập. Diễn biến tình hình thực tế cho phép điều chỉnh hành chính, Trung ương Cục quyết định thành lập tỉnh Bình Phước trên cơ sở nhập hai tỉnh cũ là Bình Long và Phước Long (tháng 5-1972); đồng thời đổi các K thành huyện.

Tuy trên địa bàn Phước Long và toàn tỉnh Bình Phước còn nhiều vùng địch tạm chiếm, nhưng vùng giải phóng Bù Gia Mập sát biên giới đã liên hoàn với các vùng căn cứ miền Đông Nam Bộ và thông với hành lang hệ thống đường vận tải chiến lược Bắc - Nam; đặc biệt là nối thẳng xuống Lộc Ninh giải phóng, trở thành một thủ phủ ở phía Nam của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong đấu tranh thi hành Hiệp định Paris. Ngày 5-2-1973, Thường vụ Quân ủy

Trung ương giao nhiệm vụ cho bộ đội Trường Sơn xây dựng hệ thống đường giao thông chiến lược Đông Trường Sơn, trong đó việc nối đường Trường Sơn được thực hiện theo phương án nối theo đường ĐT741 từ Bù Gia Mập qua Phước Long về đến Chơn Thành. Từ đó, hình thành đoạn đầu cuối cùng của đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh. Đoàn Hậu cần 770 ở Bù Gia Mập đã xây dựng bãi khách đầu cầu trên cung đường từ sông Đăk Quýt đến Bù Đốp và Bù Gia Mập đến Lộc Ninh.

Địch ngoan cố tiếp tục chiến tranh, mở rộng vùng chiếm đóng, phá hoại Hiệp định Paris, nhưng hầu như chúng không thể cải thiện được tình trạng co cụm ở tiểu khu Phước Long và một số thị trấn, thị tứ, đầu mối giao thông quan trọng trong vùng. Chúng thường xuyên bắn pháo và xua quân lấn chiếm ra vùng giải phóng, nhưng chỉ rầm rộ trong năm 1973, từ năm 1974 trở đi bị trùng trị nhiều nên địch phải co cụm để tránh bị tiêu diệt; nhất là cuối năm 1973 địch rút Sư đoàn 5 Sài Gòn khỏi Phước Long, áp lực quân sự của chúng trên chiến trường Phước Long suy giảm đáng kể.

Sau Hiệp định Paris, tỉnh lỵ Phước Long và thị trấn Phước Bình hợp lại thành huyện Phước Long với tổng dân số khoảng 23.000 người⁽¹⁾; trong khi đó K Bù Gia Mập được tăng cường thực lực cả chính trị và vũ trang địa phương. Đến cuối tháng 3-1973 toàn K Bù Gia Mập và huyện Phước Long có 3 chi bộ với 9 đảng viên mật, 10 chi đoàn thanh niên với 68 đoàn viên, 8 tổ nông hội với 61 hội viên, 25 tổ phụ nữ với 468 hội viên, 60 tổ vận công với 699 người, du kích có 63 người, du kích ấp có 200 người, du kích mật có 48 người, bộ đội địa phương tại đây có một đại đội và 2 tiểu đội với 89 người..., trong đó có nhiều đồng bào người dân tộc ở các buôn sóc S'tiêng tham gia.

1. Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Phước Long - tỉnh Bình Phước, *Truyền thống Cấp ủy Đảng bộ Phước Long 1960 - 2000*, Sdd, tr. 89.

Chủ trương của Tỉnh ủy đối với vùng căn cứ giải phóng là: *“khẩn trương xây dựng vùng căn cứ giải phóng về các mặt chính trị, kinh tế, quốc phòng và văn hóa, xã hội, khẩn trương xây dựng phát triển thực lực tại chỗ làm thay đổi tương quan có lợi cho ta, từng bước đánh bại âm mưu phá hoại hiệp định, giữ vững hòa bình, sẵn sàng đánh bại địch nếu chúng liều lĩnh ngoan cố gây chiến trở lại”*⁽¹⁾.

Theo đó, việc tăng gia sản xuất, mở rộng diện tích trồng tía vùng căn cứ được các cấp ủy chú trọng, hoạt động thu mua, tích trữ lương thực thực phẩm, vật dụng diễn ra khá hiệu quả... Phần khởi trước thắng lợi to lớn của cách mạng, nhân dân các xã ấp cũng tích cực tham gia các hoạt động kháng chiến như đào hầm hố tránh bom pháo, tham gia du kích, đi dân công, sẵn sàng chiến đấu phục vụ chiến đấu. Đến cuối năm 1974, tinh thần và khí thế cách mạng càng dấy lên mạnh mẽ, nhiều hoạt động tạo thế tạo lực diễn ra khẩn trương trên toàn chiến trường, khắp vùng căn cứ Bù Gia Mập cùng với nhiều bàn đạp cách mạng trên dọc tuyến Đường 14 - Phước Long sôi nổi phong trào của quân dân ra sức chuẩn bị cho chiến dịch mùa khô 1974 - 1975 đã được mở ra.

Đêm 12 rạng ngày 13-12-1974, lực lượng vũ trang tỉnh gồm Tiểu đoàn 208, các đơn vị đặc công U₁₁ và U₁₃ đồng loạt nổ súng tiêu diệt chi khu “Bù Đốp lưu vong” của địch. Ngày 14-12-1974, các đơn vị chủ lực cùng với lực lượng địa phương tiến công giải phóng chi khu quân sự Đức Phong. Tiếp đó là hoạt động khống chế đường 14 đoạn từ Đức Phong đến yếu khu Bù Na, tiến công uy hiếp Đồng Xoài. Ngày 22-12-1974, giải phóng hàng loạt vị trí địch chiếm đóng ở Thác Mơ, Phước Quả, Phước Tín, Phước Lộc... Ngày 26-12-1974, nổ súng tiến công và giải phóng chi khu quân sự Đôn Luân (Đồng Xoài), đồng thời bao vây cô lập tiểu khu Phước Long. Địch lập tuyến phòng thủ “kiềng ba chân” ở Phước Long, núi Bà Rá và chi khu Phước Bình. Quân ủy và

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Phước*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ấn hành năm 2000, tr. 340.

Bộ Tư lệnh Miền hạ quyết tâm giải phóng toàn bộ tỉnh Phước Long với trận pháo dồn dập bắn vào chi khu quân sự Phước Bình, sân bay Phước Bình và núi Bà Rá ngày 31-12-1974. Trưa ngày 31-12-1975 tấn công và giải phóng chi khu Phước Bình; chiều 31-12-1975 tập kích đánh chiếm núi Bà Rá. Từ ngày 1 đến 3-1-1975, quân Giải phóng phối hợp tiến công, phá vỡ các tuyến phòng thủ của địch, đột nhập vào thị xã Phước Long, bộ đội chủ lực có xe tăng tăng cường đánh chiếm các mục tiêu: dinh tỉnh trưởng, tiểu khu mới, tiểu khu cũ, tòa hành chính và nhiều khu vực trong thị xã Phước Long; lúc 9 giờ sáng ngày 6-1, lá cờ chiến thắng của quân Giải phóng tung bay trên cột cờ trước “Dinh tỉnh trưởng”. Đến 19 giờ ngày 6-1-1975, thị xã Phước Long được hoàn toàn giải phóng.

Mất Phước Long, cả Mỹ và chính quyền Sài Gòn bàng hoàng, không những chúng không thể tái chiếm, mà còn bộc lộ khả năng yếu kém của quân đội Sài Gòn và Mỹ không thể can thiệp lại vào miền Nam Việt Nam. Tình đầu tiên của miền Nam được hoàn toàn giải phóng, vì thế có ý nghĩa là “Đòn trinh sát chiến lược”, là cơ sở để Bộ Chính trị xây dựng quyết tâm chiến lược Giải phóng miền Nam.

Phối hợp với bộ đội chủ lực Quân đoàn 4 trong chiến dịch giải phóng Phước Long, Đại đội 568 Bù Gia Mập cùng với dân quân du kích và đội công tác các xã, huyện Bù Gia Mập, Bù Đăng đẩy mạnh tiến công 25 đồn bót địch trên tuyến án ngữ, hỗ trợ nhân dân nổi dậy diệt ác, phá kềm, xóa bỏ bộ máy tề, truy bắt tàn binh địch, phát loa kêu gọi 3 trung đội, 8 toán phòng vệ dân sự giao nộp vũ khí trở về gia đình. Các đội dân quân tiếp tế lương thực thực phẩm, đạn dược, thuốc quân y bảo đảm kịp thời đầy đủ cho bộ đội chủ lực và chuyển tải thương binh về tuyến sau.

Đồng bào và cán bộ, chiến sĩ hoạt động bám trụ trên vùng căn cứ Bù Gia Mập từ đây càng tích cực tham gia các hoạt động

của quân, dân toàn tỉnh, góp sức lực vào cuộc giải phóng hoàn toàn quê hương.

Từ tháng 3-1975, các chiến dịch giải phóng Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng và duyên hải miền Trung liên tiếp diễn ra và giành thắng lợi dồn dập, tạo thời cơ chiến lược cho quân dân nêu cao quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam. Tháng 4-1975 chiến dịch giải phóng Sài Gòn bước vào chuẩn bị; ngày 14-4-1975 chiến dịch được mang tên “Chiến dịch Hồ Chí Minh”. Cùng với lực lượng vận tải chiến lược, các quân đoàn vào chiến dịch Hồ Chí Minh có kết hợp với lực lượng tại chỗ các tỉnh và huyện để bảo đảm yêu cầu vận chuyển vật chất và cơ động bộ đội. Nhiều tuyến vận tải bảo đảm cho các hướng tiến công vào Sài Gòn được hình thành, trong đó tuyến vận tải từ Bù Gia Mập cùng với Lộc Ninh, Đồng Xoài đi Bến Cầu tới các cụm thuộc Đoàn 210 đảm bảo cho hướng Bắc; bộ đội hậu cần và nhân dân địa phương Bù Gia Mập được huy động toàn bộ khả năng phương tiện, lực lượng kết hợp vận tải bộ với vận tải thủy, vận tải du kích bí mật với cải trang để vận tải đường công khai hợp pháp cho chiến dịch xuân 1975. Để tăng sức cơ động cho các lực lượng, việc xây dựng đường ống xăng dầu được chú trọng đặc biệt, đến tháng 3-1975, tuyến đường ống xăng dầu từ hậu phương miền Bắc vào đến Lộc Ninh. Trạm xăng dầu VK96 ở Bù Gia Mập cùng với các trạm VK94 ở Lộc Tấn và VK98 ở Lộc Ninh xây dựng những bồn chứa bằng thép, mỗi bồn có sức chứa 250.000 lít; góp phần tăng lượng xăng dầu dự trữ cho chiến dịch đạt con số hơn 50 triệu lít.

Việc quét sạch địch và giải phóng hoàn toàn 6 tỉnh Tây Nguyên, sau đó truy đuổi địch và giải phóng các tỉnh duyên hải miền Trung từ Huế - Đà Nẵng đến Khánh Hòa, làm thay đổi hẳn so sánh lực lượng, hình thành thế áp đảo chiến lược cho quân dân Việt Nam chuyển nhanh cuộc tiến công chiến lược sang tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Hội nghị Bộ Chính trị ngày 31-3-1975 xác định “*Từ giờ phút này trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân dân ta đã bắt đầu*”. Cả nước ra trận, hậu phương dốc toàn lực ra tiền tuyến, Tây Nguyên và miền Trung Trung Bộ vừa được giải phóng, cũng góp sức cùng Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ bước vào chuẩn bị trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của cuộc kháng chiến. Lúc 17 giờ ngày 26-4-1975, cuộc tổng công kích đánh chiếm Sài Gòn bắt đầu; ngày 29-4-1975, tổng công kích trên toàn mặt trận; chính quyền và quân đội Sài Gòn không thể tử thủ và buộc phải đầu hàng không điều kiện. Lúc 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, cờ giải phóng tung bay trên nóc Dinh Tổng thống chính quyền Sài Gòn (nay là Hội trường Thống nhất), toàn bộ Sài Gòn - Gia Định được giải phóng, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, các tỉnh còn lại ở miền Đông và miền Tây Nam Bộ đẩy mạnh tiến công và nổi dậy, lật đổ chính quyền địch, giành chính quyền về tay nhân dân.

Quân và dân Bù Gia Mập cùng toàn tỉnh, toàn miền và cả nước hát vang khúc khải hoàn “*Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng*”. Tổ quốc thống nhất, non sông thu về một mối, Nam - Bắc sum họp một nhà, lịch sử bước sang một thời kỳ mới - thời kỳ cả nước thống nhất cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

* * *

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trải qua 21 năm gian khổ hy sinh; Bù Gia Mập từ địa bàn chiến lược ở biên giới trở thành địa bàn của chiến trường Phước Long, từ năm 1965 trở đi đã hình thành vùng giải phóng, dần dần xây dựng thành khu căn cứ, hậu phương tại chỗ của chiến trường Bình Phước - miền Đông Nam Bộ. Từ địa bàn K4 những năm đầu thập niên 60, chuyển thành K14, rồi K28 Bù Gia Mập năm 1972, toàn vùng Bù Gia Mập suốt mấy chục năm chiến tranh kiên cường chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giành và giữ vững vùng giải phóng, bảo

vệ căn cứ hành lang vận chuyển chiến lược ở phía Bắc - Tây Bắc của chiến trường Phước Long.

Là miền rừng núi biên giới, lại là nơi sinh sống của các tộc người thiểu số, Bù Gia Mập trong chiến tranh có vị trí chiến lược quan trọng, cả ta và địch đều chú trọng và quyết tâm giành lấy địa bàn này để khống chế phạm vi rộng lớn toàn tỉnh cũng như khu vực cửa ngõ miền Đông Nam Bộ. Nhưng từ sau khi áp chiến lược ở Đắk Ôr bị đánh phá (cuối năm 1963), các xã trên địa bàn Bù Gia Mập không ngừng đấu tranh chống địch tái chiếm, xây dựng vùng giải phóng, biến toàn bộ K Bù Gia Mập trở thành vùng căn cứ hành lang chiến lược cho kháng chiến ở miền Đông Nam Bộ sát biên giới Việt Nam - Campuchia. Từ sau chiến dịch Đông Xoài - Phước Long (năm 1965) trở đi, Bù Gia Mập vượt qua nhiều gian khổ hy sinh, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đảm đương vai trò căn cứ hậu phương tại chỗ cho chiến trường Phước Long - Bình Phước đến khi thắng lợi hoàn toàn. Đặc biệt từ sau chiến dịch Nguyễn Huệ giải phóng Lộc Ninh (7-4-1972) và Bù Đốp (8-4-1972), đến giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long (6-1-1975), từ Bù Gia Mập đến Lộc Ninh hình thành đoạn đầu mối cuối cùng trong hệ thống đường vận tải chiến lược Bắc - Nam, trong đó có hệ thống đường ống và trạm xăng dầu, góp phần trực tiếp vào việc thực hiện quyết tâm của quân dân toàn miền và cả nước “*Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào*” để kết thúc kháng chiến. Bù Gia Mập cùng toàn huyện và toàn tỉnh góp sức cho mùa xuân năm 1975 giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, Bắc - Nam sum họp một nhà.

Chương Hai

BÙ GIA MẬP TRONG 10 NĂM XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1985)

I. KHÔI PHỤC KINH TẾ, HÀN GẮN VẾT THƯƠNG CHIẾN TRANH, XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG MỚI (1975 - 1977)

1. Giữ gìn an ninh trật tự những ngày đầu giải phóng

Phước Long là tỉnh đầu tiên ở miền Nam được giải phóng, vì thế cũng là địa phương đầu tiên ở miền Nam đối diện với tình hình khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong hoàn cảnh mới.

Trước khi giải phóng Phước Long, quân địch có khoảng trên 5.000 binh lính, đại bộ phận số quân này bị tiêu diệt hoặc tan rã. Sau ngày giải phóng (6-1-1975), nhiều nơi tàn quân ngoan cố tập hợp thành nhóm, lẩn tránh trong rừng, cấu kết với bọn Fulro tuyên truyền đe dọa quần chúng, chống phá chính quyền

cách mạng; chúng thực hiện “kế hoạch hậu chiến”, gây cho cách mạng nhiều khó khăn.

Dân cư vùng mới giải phóng phần lớn là gia đình binh lính, nhân viên của chính quyền cũ, làm nghề buôn bán và làm dịch vụ; đời sống thay đổi với nhiều khác biệt; diễn biến tư tưởng phức tạp từ sống trong vùng địch, bị kìm kẹp, đầu độc, lo sợ bị trả thù; nhiều gia đình nghe theo tuyên truyền của địch đi di tản, nay quay trở lại không còn tài sản; thậm chí có một số người còn lo sợ Mỹ trở lại ném bom, bắn phá, chiến tranh tái diễn...

Vùng căn cứ cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, bị địch tập trung đánh phá khốc liệt, sau ngày giải phóng sản xuất chưa kịp khôi phục, kinh tế thuần nông, phương thức canh tác thô sơ, lạc hậu, năng suất cây trồng thấp, nạn đói đe dọa, đời sống nhân dân cơ cực, số đông đồng bào các dân tộc còn mù chữ...

Tuy nhiên thuận lợi rất cơ bản là quê hương hoàn toàn được giải phóng, nhân dân được sống trong nền độc lập, tự do và có hòa bình, tạo điều kiện để khôi phục và hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển sản xuất, ổn định đời sống cho nhân dân. Khí thế cách mạng mới với niềm tự hào tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước. Đây là tiền đề để Đảng bộ và nhân dân các dân tộc phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân, tự lực tự cường vươn lên xây dựng quê hương buôn sóc, bản làng.

Nhiệm vụ cần làm ngay của Ủy ban quân quản các cấp là nhanh chóng ổn định tình hình, tập trung truy quét quân địch và bọn phản động tan rã tại chỗ, thu gom chiến lợi phẩm, tạo điều kiện, phương tiện chuyên chở đồng bào di tản về nơi cư trú làm ăn. Tổ chức cứu đói, cứu chữa cho đồng bào bị thương vong, ốm đau; tiến hành cải tạo binh lính, nhân viên chính quyền cũ; tiếp quản các công sở; nhanh chóng xây dựng lực lượng tại chỗ như dân quân du kích, huấn luyện quân sự, trang bị vũ khí, vận

động thanh niên nhập ngũ; đồng thời huy động dân công, hàng ngàn người từ các xã, đồn điền cao su, các buôn sóc sẵn sàng hăng hái tham gia vào các đoàn dân công hỏa tuyến, ngày đêm mở đường, làm cầu, vận chuyển vũ khí đạn dược, lương thực, thuốc men... theo yêu cầu của cấp trên.

Quần chúng nhân dân tích cực giúp đỡ bộ đội, du kích, tiếp tục truy quét tàn quân địch và bọn ác ôn còn đang lẩn trốn. Cùng thời điểm, huyện đã tổ chức, hướng dẫn hàng ngàn nhân viên và binh sĩ chế độ cũ ra trình diện để hưởng chính sách khoan hồng của cách mạng. Với tinh thần đối xử nhân đạo, có lý có tình, thực hiện giáo dục cải tạo là chính, Ủy ban quân quản các cấp đã phân loại nhân viên, binh lính của chế độ cũ trong phạm vi huyện quản lý; đồng thời nghiêm trị những kẻ có nhiều nợ máu với nhân dân, ngoan cố chống chính quyền cách mạng. Hầu hết các nhân viên và binh lính chế độ cũ sau khi được giáo dục đã được khôi phục quyền công dân, tạo điều kiện xóa bỏ mặc cảm, sớm hòa nhập với cộng đồng, yên tâm ổn định cuộc sống dưới chế độ mới.

Cấp ủy và chính quyền cách mạng được tăng cường cán bộ chính trị, quân sự làm nòng cốt cho bộ máy chính quyền xã, ấp. Lực lượng bộ đội địa phương và dân quân du kích được tăng cường thêm biên chế và thường xuyên phối hợp với nhau trong hoạt động hỗ trợ cho các cơ quan chính quyền triển khai công tác hậu phương. Một số cán bộ, chiến sĩ chuyển sang dân chính, tham gia vào các cấp chính quyền và đoàn thể đã phát huy vai trò cốt cán, xung phong gương mẫu của mình trong buổi đầu rất khó khăn của chính quyền cách mạng. Công tác Đảng không ngừng được củng cố và xây dựng. Cùng với đó là Đảng bộ chú trọng xây dựng các đoàn thể cách mạng nhằm khơi dậy tinh thần yêu nước, xây dựng cuộc sống mới. Các tầng lớp nhân dân hăng hái, tích cực gia nhập các đoàn thể cách mạng như:

Hội Nông dân giải phóng, Hội Phụ nữ giải phóng, Công đoàn Lao động giải phóng... Chính nhờ các đoàn thể chính trị - xã hội đã góp phần tích cực gìn giữ an ninh trật tự, giúp nhau ổn định sản xuất và cải thiện cuộc sống; giúp những người trước đây lầm đường, lỡ bước xa lánh cách mạng sớm hòa nhập với cộng đồng, với chế độ mới; xóa bỏ tàn tích hủ bại của chế độ cũ, thực hiện nếp sống văn hóa mới...

Công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được Đảng bộ rất coi trọng. Các lực lượng vũ trang, an ninh, trật tự, bảo vệ tổ chức tuần tra canh gác, bảo vệ an toàn các cơ quan, cán bộ nhất là cơ quan đầu não và cán bộ lãnh đạo chủ chốt của huyện; tiến hành đấu tranh chống lại âm mưu ám sát, đầu độc, bắt cóc, lôi kéo mua chuộc cán bộ, đảng viên; âm mưu phá hoại kinh tế, đánh cắp tài liệu, thu thập tin tức tình báo và ngăn chặn kẻ địch chui vào nội bộ của ta. Thực hiện việc thẩm tra lý lịch, rà soát công chức, nhân viên chế độ cũ được lưu dụng; đồng thời xây dựng nội quy bảo vệ cơ quan, phát động cán bộ, đảng viên và nhân dân tích cực hưởng ứng phong trào phòng gian bảo mật. Ở huyện và các xã, các chi bộ đảng phân công cán bộ, đảng viên phụ trách từng khu vực, thường xuyên bám sát địa bàn nắm tình hình và diễn biến tư tưởng của mọi đối tượng, xử lý kịp thời những vụ việc nảy sinh từ cơ sở.

Lực lượng vũ trang huyện cùng du kích các xã tập trung truy quét Fulro. Tại Đắk Ôr, Fulro rải truyền đơn tuyên truyền lôi kéo đồng bào dân tộc, cho người giả tiếng cọp đe dọa đồng bào, nhưng bị du kích Bù Khơn phát hiện và phối hợp với bộ đội truy quét, chúng phải bỏ chạy. Chính quyền xã Đắk Ôr huy động lực lượng vũ trang con em người dân tộc S'tiêng, M'ông cùng với C.568 của huyện, liên tục truy quét và tấn công bọn phản động; kết hợp với việc cử người đến tận cơ sở vận động gọi hàng; đồng thời tích cực đưa ánh sáng văn hóa, khoa học kỹ

thuật về các buôn làng xây dựng cuộc sống mới. Qua thực tế đấu tranh, nhiều đồng bào dân tộc đã vận động người thân kêu gọi con em trở về với gia đình, hoặc bí mật tổ giác bọn phản động đang ẩn náu hoạt động, qua đó bóc gỡ hàng trăm cơ sở mật của Fulro và các tổ, nhóm phản động... Vừa vận động quần chúng đấu tranh chính trị, vừa tấn công binh vận - gọi hàng, vừa tăng cường công tác quân sự - an ninh, đến cuối năm 1977, vấn đề Fulro ở Phước Long đã được giải quyết: tiêu diệt số Fulro đầu sỏ, làm tan rã hoàn toàn Đại đội 17 (thuộc Tiểu đoàn 20, Trung đoàn 24) lực lượng cơ động địch tại địa phương, gọi hàng hầu như toàn bộ số Fulro bị cưỡng bức (87 tên), bóc gỡ về cơ bản lực lượng địch cài cắm, úp bộ trong nhân dân (hơn 500 tên)⁽¹⁾... từ đó tình hình an ninh chính trị trong địa phương được giữ vững, trật tự xã hội đi vào ổn định.

2. Khôi phục sản xuất, ổn định đời sống dân cư, xây dựng củng cố hệ thống chính trị

Việc vận động nhân dân hồi hương về quê cũ sinh sống, từng bước sắp xếp lại cơ cấu dân cư, vận động đi xây dựng vùng kinh tế mới, gắn liền với khai hoang phục hóa, tháo gỡ bom mìn, phục hồi diện tích đất cho tăng gia sản xuất, trồng tía các loại cây lương thực như lúa, ngô, khoai, sắn và hoa màu, phát triển chăn nuôi gia cầm, gia súc để giải quyết khâu lương thực, thực phẩm.

Đến cuối năm 1975 có khoảng 9.000 ha vụ Đông Xuân, năm 1976 đã tăng lên 15.955 ha, năm 1977 vượt lên đến 23.255 ha⁽²⁾; bình quân lương thực những năm này đạt 250 kg/người, làm nghĩa vụ lương thực với nhà nước hơn 300 tấn; vấn đề lương thực được giải quyết cơ bản, không chỉ là không cần nhập gạo

1. Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Phước Long - tỉnh Bình Phước, *Truyền thống Cấp ủy Đảng bộ Phước Long 1960 - 2000*, Sdd, tr. 104.
2. Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Phước Long - tỉnh Bình Phước, *Truyền thống Cấp ủy Đảng bộ Phước Long 1960 - 2000*, Sdd, tr. 97.

từ nơi khác đến, mà còn là giải quyết nạn thiếu ăn trong những tháng giáp hạt.

Công tác thủy lợi được chú trọng, kết hợp với vận động thâm canh tăng vụ là những nét mới trong sản xuất nông nghiệp dưới chế độ mới. Nhờ đó năng suất cây trồng tăng nhanh: lúa rẫy bình quân 1 tấn/ha, lúa ruộng bình quân 2,5 tấn/ha. Việc hợp tác đoàn kết trong lao động sản xuất cũng sớm được đề ra; đến đầu năm 1976 đã có 95% số hộ nông dân tham gia vãn công, đổi công, trong đó có hơn 5.000 đồng bào dân tộc ít người đi vào định canh, định cư, làm ăn tập thể.

Chấp hành tuyên bố của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ngày 10-9-1975 về chính sách khôi phục và phát triển công thương nghiệp, bãi trừ lũng đoạn, đầu cơ, phá rối thị trường của giai cấp tư sản, khi đó huyện Phước Long đã chỉ đạo chính quyền, các đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách của Chính phủ Cách mạng lâm thời, động viên các tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia khôi phục và phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp để giải quyết công ăn việc làm và hàng hóa tiêu dùng cho nhân dân; tích cực tham gia các đợt cải tạo công thương nghiệp tư sản tư doanh. Chính quyền cách mạng cho phục hồi và duy trì hoạt động của các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp hiện có ở Phước Bình. Đồng thời từng bước thực hiện công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất, xúc tiến thành lập một số xí nghiệp công ty hợp doanh, nhà máy cao su, cơ khí...

Vào thời điểm đó, huyện Phước Long không tiếp thu tiếp quản được gì từ các cơ sở kinh tế chế độ cũ để lại vì chiến tranh tàn phá; chính quyền cách mạng khuyến khích gây dựng các cơ sở sản xuất, trao đổi và tiêu thụ hàng hóa, ngăn chặn đầu cơ tích trữ hàng hóa và nâng giá để ổn định giá cả các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân. Chợ ở các xã được khôi phục

hoạt động, xây dựng thêm các điểm mua bán, trao đổi hàng hóa làm cơ sở cho việc hình thành Hợp tác xã mua bán. Mạng lưới thương nghiệp quốc doanh với cửa hàng Hợp tác xã mua bán ra đời đã khống chế nạn đầu cơ tích trữ, đảm bảo việc cung cấp các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống, trước nhất là đời sống công nhân viên chức chính quyền huyện và cơ sở.

Hoạt động văn hóa - thông tin tập trung vào thu giữ, kiểm tra, phân loại các ấn phẩm văn hóa của chế độ cũ, phát động phong trào bài trừ hủ tục mê tín dị đoan, các tệ nạn xã hội, tuyên truyền phổ biến văn hóa, văn nghệ chế độ mới. Các ngày lễ lớn của dân tộc và các sinh hoạt chính trị trở thành trọng điểm hoạt động văn hóa thông tin với nhiều loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, chiếu phim, thông tin triển lãm, thể dục thể thao được tổ chức, thu hút đông đảo quần chúng, nhất là thanh thiếu niên tham gia. Ở huyện lỵ và trung tâm các xã kẻ khẩu hiệu, treo băng rôn, phát hành tờ tin tuyên truyền cho những hoạt động chính trị, thời sự như Hội nghị Hiệp thương hai miền Nam - Bắc, bầu cử Quốc hội ngày 25-4-1976, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV tháng 12-1976...

Về văn hóa giáo dục, huyện khẩn trương tiếp quản, công lập hóa các trường tư thục, triển khai công tác giáo dục theo chỉ đạo của Trung ương. Thực hiện Chỉ thị 221-CT/TU ngày 17-6-1975 của Ban Bí thư Trung ương, lúc đó Phước Long mở lớp bồi dưỡng chính trị về lập trường tư tưởng, quan điểm giáo dục cách mạng về nghiệp vụ cho số giáo viên chế độ cũ được lưu dụng; tổ chức các lớp đào tạo giáo viên cấp tốc tại trường Sư phạm Sông Bé; đồng thời nhận số giáo viên được điều động từ miền Bắc vào tăng cường cho ngành giáo dục của huyện. Trường lớp mở ra trên cả ba khu vực: người Kinh, dân tộc thiểu số, dân kinh tế mới; ngoài hệ thống trường phổ thông cấp I và cấp II, các trường Bổ túc văn hóa tập trung cũng được mở phục vụ cho số cán bộ nâng cao trình độ văn hóa. Phong trào xóa nạn mù chữ được phát động

sâu rộng, thực hiện xóa mù cho hàng ngàn người. Đặc biệt lớp Mẫu giáo lần đầu tiên cũng bắt đầu hình thành ở Phước Long⁽¹⁾. Tại xã Bù Gia Mập lần đầu tiên có trường học, những lớp học cấp I - II dựng lên xung quanh Ủy ban xã cho con em nhân dân người Kinh và con em đồng bào S'tiêng đi học; cán bộ đảng viên được vận động nêu gương đưa con em đến trường; năm học 1976 - 1977, Phước Long có 10.000 học sinh các cấp đến trường⁽²⁾.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trở thành công tác thường xuyên của bộ máy chính quyền các cấp. Huyện và các xã hình thành các trạm y tế với nhiều hoạt động chống sốt rét, thực hiện vệ sinh phòng bệnh, tổ chức tuần lễ làm vệ sinh buôn sóc, bản làng được nhân dân hưởng ứng tham gia thành phong trào...

Hệ thống chính trị qua các lần sáp nhập, điều chỉnh địa giới hành chính được củng cố cả về thực lực và bộ máy tổ chức hoạt động. Tháng 7-1976 Tỉnh ủy Sông Bé thành lập thay thế cho Tỉnh ủy Bình Phước thời chiến tranh. Theo chủ trương mới của Tỉnh ủy, tháng 10-1976 Bù Gia Mập sáp nhập với Phước Bình, Bù Đăng, Bù Đốp thành Đảng bộ huyện Phước Long với 950 đảng viên (có 306 người dân tộc thiểu số) do đồng chí Nguyễn Đình Kính làm Bí thư.

Bộ máy chính quyền huyện và các xã, thị trấn được tăng cường những người nhiệt tình cách mạng, có trách nhiệm cao trong nhiệm vụ được phân công. Nhiều đồng chí có kinh nghiệm hoạt động, làm việc trong chiến khu và tù quân đội trở về, nay tham gia bộ máy tổ chức Đảng, chính quyền các cấp đã giữ vững bản lĩnh chính trị và thực hiện nghiêm chỉnh chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Phước Long, *Lịch sử Đảng bộ, quân và dân Phước Long (1975 - 2014)*, Sơ thảo, tr. 35.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Phước Long, *Lịch sử Đảng bộ, quân và dân Phước Long (1975 - 2014)*, Sơ thảo, tr. 34.

II. PHỐI HỢP CHIẾN ĐẤU, PHỤC VỤ CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ TUYẾN BIÊN GIỚI, TỪNG BƯỚC XÂY DỰNG KIẾN THIẾT QUÊ HƯƠNG (1977 - 1979)

3. Phục vụ chiến đấu trên tuyến biên giới

Là huyện biên giới với tuyến đường biên Việt Nam - Campuchia dài, Phước Long nói chung và Bù Gia Mập nói riêng từ trong kháng chiến đến thời hòa bình luôn giữ mối quan hệ láng giềng giữa nhân dân hai bên hợp tác giúp đỡ lẫn nhau, cùng chống kẻ thù chung là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Tuy nhiên, tập đoàn Khmer Đỏ Pol Pot - Ieng Sary, được sự hậu thuẫn của các thế lực phản động quốc tế, đã tuyên truyền và ngang nhiên gây xung đột biên giới, rồi phát động chiến tranh xâm lược trên toàn tuyến biên giới Tây Nam của Tổ quốc.

Thực hiện quyền tự vệ chính đáng, chấp hành mệnh lệnh của trên, lực lượng vũ trang Quân khu 7 đã hành quân lên biên giới, cùng với quân và dân Long An, Tây Ninh, Sông Bé, chiến đấu chống quân xâm lược, góp phần giữ vững chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; tiếp đó thừa thắng phát triển cuộc tiến công, phối hợp với nhân dân và lực lượng vũ trang cách mạng bạn giải phóng đất nước Campuchia khỏi họa diệt chủng; đồng thời giúp nhân dân Campuchia hồi sinh lại đất nước.

Từ cuối năm 1975 đến những năm 1977 - 1978, Khmer Đỏ liên tục tổ chức các hoạt động phá hoại biên giới, cho từng toán quân nhỏ lấn sang biên giới nước ta gài mìn, bắt trâu bò, giết cán bộ và đồng bào vùng biên giới. Chúng dời cột mốc biên giới, thực hiện xâm lấn đất biên giới, tung tình báo, gián điệp sang Việt Nam móc nối với bọn phản động nội địa; tiến công các đồn biên phòng Việt Nam... Khmer Đỏ xác định Việt Nam là “kẻ thù số 1, kẻ thù truyền kiếp” và đề ra kế hoạch chuẩn bị tiến công trên toàn tuyến biên giới, nhằm tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận

lực lượng vũ trang Việt Nam, tàn sát dân thường (kể cả đàn bà và trẻ em) để trả “mối hận thù dân tộc”, cướp phá tài sản, lương thực kết hợp xâm lấn đất đai, nấn lại đường biên giới... Chúng tăng cường lực lượng quân sự lên biên giới và ngày 30-4-1977 địch đồng loạt tiến công sang 14 trên tổng số 16 xã biên giới và 13 đồn biên phòng của Việt Nam.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước Việt Nam, quân và dân Việt Nam trên các địa bàn biên giới Tây Nam đều quán triệt quyết tâm: *“bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, không dung thứ bất cứ xâm phạm nào của bọn phản động Campuchia vào lãnh thổ nước ta... Các đơn vị và địa phương làm nhiệm vụ bảo vệ biên giới phải luôn luôn cảnh giác sẵn sàng chiến đấu cao, có chuẩn bị tốt để chủ động đối phó mọi tình huống, không để bị địch tập kích bất ngờ. Phối hợp chặt chẽ cùng các địa phương thực hiện chủ trương sơ tán nhân dân ở các khu vực ven biên giới (nhất là người già, trẻ em). Đồng thời phát động thanh niên trai tráng bám trụ, rào rấp, canh gác phối hợp cùng lực lượng vũ trang ổn định tình hình trước mắt, đồng thời khẩn trương nghiên cứu và thực hiện quy hoạch lại từng huyện cho thật ổn định và xây dựng xã, ấp chiến đấu vững mạnh...”*

Trước diễn biến mới của tình hình, Quân khu 7 tiến hành đợt sinh hoạt chính trị, xây dựng quyết tâm chiến đấu trong toàn lực lượng vũ trang quân khu, củng cố lại Sư đoàn 5, thành lập Sư đoàn 2 và chiến đoàn đặc nhiệm gồm Trung đoàn 205, Trung đoàn 1 Gia Định. Tỉnh Long An thành lập Trung đoàn 159 (Vàm Cỏ) và Tiểu đoàn 1, Tiểu đoàn 2 cơ động của tỉnh. Tỉnh Tây Ninh củng cố Trung đoàn 6, Trung đoàn 201, Trung đoàn 2 biên phòng, Tiểu đoàn 14, Tiểu đoàn 16. Tỉnh Sông Bé thành lập Tiểu đoàn 1, Tiểu đoàn Phú Lợi. Từ ngày 15-12-1977, lực lượng vũ trang Quân khu phối hợp tiến công trên toàn tuyến biên giới, sau đó quân khu mở chiến dịch phản công quét địch

ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Nhưng ngay sau đó, Khmer Đỏ vẫn tập trung quân lên toàn tuyến biên giới Campuchia - Việt Nam chuẩn bị cho chiến tranh lâu dài chống Việt Nam; chúng đánh phá liên tục bằng lực lượng nhỏ và vừa, dùng pháo 130 mm bắn vào các thị trấn, thị xã và những nơi đông dân thuộc các tỉnh Tây Ninh, Long An, Sông Bé. Ngày 16-3, chúng bất ngờ tập kích vào các thôn của hai xã Thiệu Hưng và Hưng Phước huyện Bù Đốp (tỉnh Sông Bé), giết hại gần 300 dân thường, phần lớn là người già và trẻ em.

Trước hành động ngông cuồng của địch, ngày 23-2-1978, Đảng ủy Quân khu 7 ra Nghị quyết số 07/NQ-78 *“Động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn thể cán bộ, chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang quân khu cùng với cấp ủy địa phương phát động tư tưởng quần chúng ra sức xây dựng 3 thứ quân vững mạnh. Tổ chức và xây dựng chiến tranh nhân dân, hình thành thế trận chiến tranh nhân dân ở biên giới hoàn chỉnh và vững chắc...”*. Bộ Tư lệnh Quân khu chỉ đạo cách đánh thích hợp với đối tượng địch mới bằng thủ đoạn chiến thuật đánh nhỏ, đánh vừa, đánh đặc công là phổ biến. Quân khu tiến hành củng cố, xây dựng Trung đoàn 117 đặc công và lực lượng trinh sát các trung đoàn, sư đoàn. Tỉnh Đồng Nai củng cố hai tiểu đoàn cơ động (445 và 440), xây dựng hai trung đoàn cơ động bảo vệ tuyến bờ biển. Tỉnh Sông Bé củng cố lại Tiểu đoàn Phú Lợi, Tiểu đoàn 208 và lực lượng dân quân du kích các xã biên giới.

Thực hiện xây dựng tuyến phòng thủ biên giới, điều chỉnh bố trí lực lượng, tập trung cơ động chuyển thế tiến công địch, Phước Long xây dựng hệ thống phòng thủ biên giới bằng công sự, hào hào đắp lũy, trồng tre ở những nơi xung yếu, rào và cỏ cây, bố trí chông, mìn trên các hướng trọng điểm kết hợp xây dựng lực lượng và xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vùng biên; tổ chức lại việc ăn ở của dân kết hợp di dân ổn định sản xuất, xây

dựng làng xã chiến đấu và cụm chiến đấu liên hoàn, xây dựng pháo đài huyện biên giới. Nhân dân Bù Gia Mập - Phước Long tích cực xây dựng phòng thủ tuyến biên giới dọc theo sông Đăk Huýt; trên những dải đất cao, nhiều đồi dốc đã lập nhiều lớp rào, cung cấp và cắm hàng vạn cây chông đủ các loại, kể cả bàn chông sắt, hình thành thế trận chiến tranh nhân dân sâu rộng. Du kích Đăk Ôr phối hợp với vũ trang huyện tiêu diệt gần 100 tên lính Pôn Pốt, bảo vệ an toàn tuyến biên giới khu vực Đăk Ôr⁽¹⁾. Đồng bào các thôn sóc trong xã góp hàng vạn ngày công, gỡ hàng trăm tấn cọc sắt và trên 50.000 m rào kẽm gai cũ ở sân bay Bù Gia Mập, đóng góp hàng vạn cây chông (gồm chông tre, bàn chông sắt tự rèn...) để xây dựng phòng tuyến biên giới dài 56 cây số, sâu 500 m ngăn chặn quân Pôn Pốt xâm nhập. Các tiểu đội, trung đội du kích xã ở Đăk Ôr và các xã bạn cùng C.568 và bộ đội biên phòng ngày đêm trực chiến, tuần tra bảo vệ vùng biên giới, bảo vệ rừng núi, buôn làng và cuộc sống lao động hòa bình cho đồng bào.

Đến tháng 5-1978, tuyến phòng thủ biên giới của ba tỉnh Long An, Tây Ninh, Sông Bé (trong đó có Phước Long - Bù Gia Mập) đã hoàn thành, xây dựng hoàn chỉnh hai cụm điểm tựa ở Mộc Bài (đường 22) và Phước Tân (đường 13). Hệ thống bờ thành vật cản, chướng ngại trên tuyến biên giới tạo ra một thế chiến đấu mới chống địch, bảo vệ biên giới, bảo vệ nhân dân có hiệu quả... Đến tháng 12-1978, lực lượng vũ trang Quân khu 7 kết hợp với ba tỉnh biên giới đã hoàn thành nhiệm vụ mở chiến dịch tiến công đẩy địch ra khỏi biên giới; đồng thời giúp bạn Campuchia lật đổ chế độ Khmer Đỏ, nhân dân Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng, làm lại cuộc cách mạng, xây dựng lại đất nước chùa tháp. Đặc biệt trong nhiệm vụ giúp bạn, Phước

1. Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Phước Long - tỉnh Bình Phước, *Truyền thống Cấp ủy Đảng bộ Phước Long 1960 - 2000*, Sdd, tr. 104.

Long - Bù Gia Mập cùng toàn huyện, toàn tỉnh và các tỉnh biên giới đã giúp bạn xây dựng thực lực vũ trang và chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, đóng góp vào công cuộc hồi sinh Campuchia và sự liên minh chiến đấu giữa hai quân đội, hai dân tộc Campuchia - Việt Nam.

Bù Gia Mập là vùng đất biên giới có địa thế hiểm trở, đất rộng người thưa; cùng với việc vận động nhân dân tham gia bảo vệ biên giới, chống chiến tranh xâm lược của quân Khmer Đỏ, trong những năm 1977 - 1979 còn tập trung vận động xây dựng kiến thiết quê hương buôn làng vùng biên giới ngày càng vững chắc góp phần bảo vệ biên cương Tổ quốc. Tuyến biên giới cũng là địa bàn sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số như người S'tiêng, M'ông; trong chiến tranh đời sống bị xáo trộn nhiều, hoạt động sản xuất bị ảnh hưởng nặng nề; khi chiến tranh kết thúc, đồng bào trở về làng cũ, cơ sở vật chất bị đạn pháo địch phá sạch; thói quen của đời sống tự túc, tự cấp còn rất nặng nề, tàn dư lạc hậu của xã hội nguyên thủy còn khá đậm nét, nhất là việc trồng trọt trên rẫy với lối canh tác thô sơ, công cụ lạc hậu, năng suất thấp kém, hoàn toàn lệ thuộc vào thiên nhiên. Nạn đói vì thiếu lương thực trong đồng bào dân tộc diễn ra thường xuyên như con bệnh trầm kha⁽¹⁾. Vì thế, tỉnh và huyện tập trung cho các xã thực hiện cuộc vận động định canh, định cư theo phương châm “5 gần, 3 có”⁽²⁾, xây dựng các công trình đầu tiên là: trụ sở Ủy ban, trường học, cửa hàng từ kinh phí do Trung ương đầu tư và tỉnh, huyện hỗ trợ, cùng với việc vận động đồng bào đóng góp. Tiếp đó, các xã cho xây dựng nhà ở, trường học, trạm xá, các công trình công cộng khác.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đăk-Ôr, *Đăk-Ôr đấu tranh và xây dựng (1960 - 2005)*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr. 61.

2. Túc là gần Đảng, gần nhau, gần đường, gần chợ, gần trường học; có nước, có đất, có bưng để sản xuất.

Kết quả là buôn làng hình thành theo dạng cư trú tập trung, đồng bào sống gần nhau thuận tiện cho việc quản lý sản xuất và giúp đỡ lẫn nhau. Một bộ phận đồng bào sớm thấy được lợi ích của việc sống tập trung, đã bảo nhau rời bỏ cách sống phân tán rải rác trong núi rừng (mỗi làng có khoảng 20 - 30 hộ và cách nhau cả ngày đường), về sống tập trung gần chợ, gần đường, sống định canh, định cư. Trên cơ sở đó chính quyền cho xây dựng tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Đến tháng 7-1977, Đăk Ôr đã định canh định cư cho 565 hộ, 3.750 nhân khẩu, trở thành một trong những xã tiêu biểu cho huyện Phước Long hoàn thành xuất sắc công tác định canh định cư, góp phần củng cố vùng biên cương của Tổ quốc.

4. Xây dựng và phát triển kinh tế, nông nghiệp là mặt trận hàng đầu

Tháng 8-1977, Đại hội Đảng bộ huyện Phước Long lần thứ nhất được tiến hành, đã đánh giá thắng lợi của Đảng bộ sau 2 năm giải phóng, kiểm điểm sự chỉ đạo, lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu cơ bản của kế hoạch năm 1977 - 1979: *“Đẩy mạnh phát triển kinh tế, xem nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đảm bảo nhu cầu tại chỗ, chú trọng công tác định canh định cư, từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới, ổn định cải thiện đời sống nhân dân, tích cực góp phần xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang, kiên quyết tấn công tiêu diệt bọn phản động trong nội địa (nhất là lực lượng Fulro), thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng ở tuyến biên giới...”*⁽¹⁾.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, Phước Long - Bù Gia Mập tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, làm thay đổi nhanh chóng diện mạo xã hội và đời sống nhân dân.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Phước Long, *Lịch sử Đảng bộ, quân và dân Phước Long (1975 - 2014)*, Sơ thảo, tr. 43.

Trên mặt trận nông nghiệp, các cấp ủy Đảng đã tổ chức xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp, đến năm 1979, toàn huyện đã xây dựng được 58 hợp tác xã, trong đó có 8 Hợp tác xã kinh tế mới, 26 Hợp tác xã của đồng bào dân tộc với 6.900 hộ, 37.900 nhân khẩu. Quy mô bình quân mỗi hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, tổ chức sản xuất xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết cơ bản (sân kho, máy bơm, máy kéo...), ứng dụng các biện pháp thâm canh, tăng vụ, làm hệ thống thủy lợi tưới tiêu, năng suất lúa đạt mức khả quan từ 2 tấn/ha tăng lên 4 tấn/ha, có nơi đạt 5 tấn. Từ chỗ thiếu ăn và mặc dù năm 1978 bị mất mùa, đến năm 1979, huyện đã tự túc được lương thực, với mức độ bình quân 650 kg/người, vượt chỉ tiêu đại hội đã đề ra là 621 kg/người. Đến cuối năm 1979, cơ bản hoàn thành xây dựng quy hoạch xã định canh định cư, đón đồng bào các nơi đến xây dựng kinh tế mới được tập trung thực hiện tốt, bước đầu ổn định cuộc sống của đồng bào dân tộc ở các xã Đắk Ôr, Đắk Nhau, Bù Nho, Phước Bình, Phước Tín, Nghĩa Trung, Đoàn kết. Ở Bù Du Nga, lúc đầu đồng bào không chịu rời làng cũ với lý do là tại địa điểm định cư mới không có suối nước sâu để voi tắm. Cán bộ phải giải thích để đồng bào hiểu rằng, voi là tài sản của tầng lớp trên, còn định canh định cư là quyền lợi của đại đa số nhân dân lao động, là con đường tiến bộ của đồng bào dân tộc. Cuối cùng đồng bào lao động nhận thức được và đến định cư tại địa điểm mới do chính quyền quy hoạch; ngay sau đó Hợp tác xã nông nghiệp Bù Du Nga được thành lập, trở thành ngọn cờ đầu của tỉnh Sông Bé, một trong những điển hình tiên tiến của miền núi và Tây Nguyên. Mô hình Hợp tác xã Bù Du Nga của đồng bào S'tiêng với 73 hộ, 458 nhân khẩu, chia thành 3 đội sản xuất, mỗi đội có 2 nhóm lao động; Hợp tác xã có 2 nhà kho chứa lúa, 8 ngôi nhà gỗ mái tôn, 1 trường học có 4 lớp với 70 học sinh, 6 giếng nước được xây dựng bằng xi măng, hai hồ nuôi cá và nhiều chuồng heo; giá trị tài sản cố định của Hợp tác xã là 600.000 đồng - một

nguồn vốn tương đối lớn đối với vùng dân tộc trong huyện lúc bấy giờ.

Sau khi Hợp tác xã Bù Du Nga được thành lập và đi vào làm ăn tốt, các hợp tác xã khác lần lượt ra đời như Hợp tác xã Bù Ron, Bù Đắc Á, Bù Lư, Bù Nga, Bù Nưng, Bù Bưng, Bù Khơn... Cho đến năm 1980, Đăk Ôr hoàn thành phong trào hợp tác hóa nông nghiệp với 10 hợp tác xã thay cho toàn bộ hình thức tập đoàn sản xuất trước đó; diện tích canh tác của xã có 300 ha trồng lúa rẫy, 3,7 ha trồng bo bo, 2 ha đậu, 80 ha điều và một số cây trồng khác; diện tích canh tác còn có khả năng tăng lên bởi diện tích tự nhiên lớn, một phương thức làm ăn mới đã được xác lập vừa có rẫy, có ruộng, có vườn, có khả năng tạo ra nhiều loại nông phẩm với năng suất cao, góp phần thiết thực vào việc củng cố cuộc sống định cư của đồng bào dân tộc. Năm 1978 - 1979, Đảng bộ và nhân dân xã Đăk Ôr được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen về sản xuất nông nghiệp và hoàn thành kế hoạch Nhà nước.

Hoạt động thủ công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, bưu điện trên địa bàn huyện từ năm 1977 đi vào kế hoạch nhà nước; gồm công ty quốc doanh cao su Phú Riêng hợp tác với Liên Xô (cũ) để trồng và chế biến cao su, một số xí nghiệp cửa xẻ gỗ, nhà máy điện, nhà máy nước, một số cơ sở xay xát lúa, nước đá, một vài cơ sở sửa chữa xe các loại. Các cơ sở tiểu thủ công nghiệp của tư nhân được phép hoạt động phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân các xã trong huyện.

Giáo dục phổ thông từng bước hình thành hệ thống từ huyện đến xã; ngoài các cấp học phổ thông, còn có lớp bổ túc văn hóa, mẫu giáo; phong trào xóa mù chữ tiếp tục duy trì tập trung cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số để xóa mù chữ cho nhân dân. Số học sinh phổ thông các cấp tăng lên từ

10.000 em giữa năm 1977 lên 16.000 em giữa năm 1979. Đội ngũ giáo viên bước đầu được quan tâm nhằm giải quyết chất lượng dạy và học, cho đi đào tạo, học chuyên đề để đáp ứng yêu cầu phát triển.

Hệ thống cơ sở y tế phát triển đến tận cơ sở; huyện có bệnh viện, các xã, thị trấn có trạm xá, nhà hộ sinh; số y, bác sĩ, dược sĩ, y tá, hộ sinh từ nhiều nguồn được tăng cường về các địa phương. Huyện còn có đội vệ sinh phòng dịch, đội chống sốt rét, đội sinh đẻ - kế hoạch hóa gia đình, hội chữ thập đỏ, phong trào xây dựng tủ thuốc gia đình phát triển.

Hoạt động thông tin văn hóa cũng có hệ thống trải rộng đều khắp các địa bàn trong huyện, như Đài truyền thanh ở các khu vực, phát thanh liên tục đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước; huyện còn sử dụng các hoạt động chiếu bóng, hội diễn văn nghệ, tổ chức các đội văn nghệ không chuyên ở các xã; phát hành báo chí nhằm tuyên truyền giác ngộ quần chúng thực hiện mọi chủ trương của chính quyền, mở rộng sự hiểu biết của nhân dân.

Lĩnh vực quân sự, an ninh, trật tự xã hội được tăng cường, nhất là các xã biên giới với Campuchia. Trong hai năm 1977 - 1979, quân số lực lượng vũ trang huyện từ 2 đại đội tăng lên 1 tiểu đoàn bộ binh; công an từ huyện đến xã và các Ban Chỉ huy Xã đội được củng cố, đặc biệt là các xã vùng biên giới. Sự phối hợp giữa lực lượng bộ đội, công an vũ trang, đồn biên phòng... ngày càng chặt chẽ. Việc xây dựng phòng tuyến biên cương có hiệu quả thiết thực, cùng với việc nêu cao cảnh giác, nhất là sau vụ thảm sát ở Thiện Hưng, Hưng Phước (Bù Đốp) không thể lơ là với hành động dã man của quân Khmer Đỏ.

Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị tiếp tục được chú trọng, kiện toàn nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ mới là vừa xây dựng vừa chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Số lượng

đảng viên tăng so với khi sáp nhập, toàn huyện có 925 đồng chí, trong đó số đảng viên nữ chiếm 14,05%, đảng viên người dân tộc thiểu số chiếm 31,13%, đảng viên trẻ (dưới 30 tuổi) có 197 đồng chí (hơn 21%); sinh hoạt trong 14 Đảng ủy cơ sở, 36 chi bộ cơ sở, 53 chi bộ nhỏ. Hầu hết các cơ quan, các xã, các cơ sở đều có tổ chức Đảng⁽¹⁾, Đảng bộ huyện rất sâu sát đối với bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng trong địa bàn được phân công; có 7 huyện ủy viên trực tiếp làm Bí thư xã; các ủy viên Thường vụ chịu trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo từng khu vực nhiệm vụ cụ thể. Đội ngũ cán bộ, đảng viên được giáo dục chính trị - tư tưởng thường xuyên; những năm 1977 - 1979, có 2.394 lượt đảng viên, cán bộ được cử đi học tập, bồi dưỡng nâng cao nhận thức chính trị, trình độ nghiệp vụ và năng lực chuyên môn⁽²⁾.

III. VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, TỪNG BƯỚC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NHỮNG NĂM 1979 - 1986

5. Thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động những năm 1979 - 1982

Đại hội Đảng bộ huyện Phước Long lần thứ II (tháng 8-1979) đề ra nhiệm vụ, mục tiêu phát triển: “hoàn thành về cơ bản việc cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới XHCN, nắm vững khâu sản xuất lương thực là nhiệm vụ trung tâm hàng đầu để đủ ăn, có dự trữ và làm tốt nghĩa vụ; hoàn thành định cư định canh tiếp nhận dân kinh tế mới Hà Sơn Bình và Thái Bình. Củng cố các cơ sở kinh tế quốc doanh, đưa vào hạch toán kinh tế, phát triển các ngành nghề tiểu thủ công...”⁽³⁾. Quán triệt

1. Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Phước Long - tỉnh Bình Phước, *Truyền thống Cấp ủy Đảng bộ Phước Long 1960 - 2000*, Sdd, tr. 106.
2. Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Phước Long - tỉnh Bình Phước, *Truyền thống Cấp ủy Đảng bộ Phước Long 1960 - 2000*, Sdd, tr. 107.
3. Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Phước Long - tỉnh Bình Phước, *Truyền thống Cấp ủy Đảng bộ Phước Long 1960 - 2000*, Sdd, tr. 109.

đường lối của Đảng, Tỉnh Đảng bộ và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, các cấp ủy đảng lãnh đạo tập trung thực hiện nhiệm vụ chính trị địa phương.

Về phát triển kinh tế, đưa diện tích trồng trọt năm 1979 - 1980 đạt hơn 63.000 ha, tổng sản lượng lương thực đạt hơn 120.000 tấn. Phát huy nhân tố điển hình Hợp tác xã Bù Du Nga, các hợp tác xã trên địa bàn huyện lấy mô hình Bù Du Nga để xây dựng và làm nòng cốt cho phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Việc tự túc lương thực, không trông đợi vào sự cứu tế của Nhà nước như Đăk Ôr trở thành mục tiêu chung của các địa phương xung quanh; nhiều nơi đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, nhiều loại cây ngắn ngày, dài ngày, cây lấy hạt, lấy sợi được đem vào trồng trọt, xuất hiện thêm các loại cây công nghiệp và thực phẩm như cà phê, điều, bo bo, mè, nhiều đám rẫy được cải tạo thành vườn điều, cà phê...; ngoài trồng trọt và chăn nuôi, đồng bào còn khai thác dầu trong, chai cục, củ nguyên, vàng đắng để bán cho hợp tác xã... Một bộ phận dân cư có thu nhập ngày càng tăng lên, đời sống được cải thiện; nhà kiên cố có đủ công trình phụ lác đác mọc lên... Tuy vậy, đến cuối năm 1980, đa số dân cư chưa thoát được nghèo, thậm chí khó khăn lại ngày càng tăng thêm, hàng hóa đời sống ngày càng khan hiếm, sản xuất và lưu thông ngày càng trì trệ... Hợp tác xã không thể giải quyết được khó khăn về tiền vốn, vật tư cho sản xuất, ruộng đất và cơ sở vật chất, kỹ thuật không được sử dụng, phát huy trong sản xuất, công tác điều hành sản xuất, quản lý tài sản và các loại quỹ trong các hợp tác xã nông nghiệp hiệu quả kém; số hợp tác xã nông nghiệp trung bình, yếu kém có xu hướng tăng dần, những khuyết điểm trong cơ chế quản lý, điều hành không ai tháo gỡ tiếp tục gây nhiều ách tắc...

Trước những đòi hỏi của thực tiễn, ngày 13-1-1981 Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100-CT/TW về công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động” trong

hợp tác xã nông nghiệp (gọi tắt là Khoán 100). Chỉ thị yêu cầu cải tiến mạnh mẽ các hình thức khoán, khuyến khích người lao động hăng hái sản xuất, tăng năng suất lao động, sử dụng tốt đất đai và cơ sở vật chất - kỹ thuật, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tiết kiệm chi phí sản xuất, củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tăng tích lũy của hợp tác xã, làm tròn nghĩa vụ và tăng khối lượng nông sản cung ứng cho Nhà nước. Một hình thức quản lý mới xuất hiện với việc trả công lao động gắn trách nhiệm, quyền lợi người lao động với sản phẩm cuối cùng một cách trực tiếp. Cơ chế khoán mới phát huy mạnh mẽ tích cực, tự giác của xã viên; củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới và chế độ làm chủ tập thể, tinh giảm bộ máy quản lý hợp tác xã, thúc đẩy việc tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật của hợp tác xã nông nghiệp, tạo ra động lực mới trong sản xuất nông nghiệp.

Thực hiện Khoán 100, Bù Gia Mập và Huyện ủy Phước Long tổ chức khoán sản phẩm đối với nhóm lao động, mỗi nhóm từ 10 - 15 hộ, nhiều nhóm lập thành đội sản xuất; tập quán vẫn đối công cổ truyền được diễn lại ở những khâu sản xuất phụ; các điểm kinh tế mới đi vào định canh định cư... Bình quân năng suất lao động nông nghiệp đạt 1.713 kg lương thực/1 lao động (tăng hơn những năm đầu giải phóng 206 kg), diện tích gieo trồng bình quân nhân khẩu toàn huyện năm 1982 là 0,27 ha/người. Tình hình chăn nuôi được cải thiện hơn, đặc biệt là đàn gia súc, có trên 1.000 con trâu, 687 con bò, đạt 111% so với kế hoạch đề ra, chủ yếu để phục vụ sức kéo. Đối với cây công nghiệp dài ngày, năm 1981 có 1.581 ha cây cao su đưa vào khai thác mủ và trồng mới hơn 4.000 ha, các loại cây khác tiếp tục được phát triển và mở rộng diện tích canh tác.

Tuy vậy, sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển rất chậm; giá trị sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp một vài xí nghiệp đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Một số cơ sở xay xát lúa gạo và sửa chữa cơ khí, sản xuất nông cụ, được xây dựng nhằm

đáp ứng một phần những công cụ cầm tay và phục vụ chế biến nông sản tại chỗ của địa phương; xí nghiệp gạch đạt tỷ lệ thấp, xí nghiệp cơ khí hàng tồn kho nhiều, chậm tiêu thụ; sản xuất hàng thủ công, hàng tiêu dùng chưa phong phú về chủng loại, mẫu mã; việc quản lý và phân phối cũng chưa có nhiều chuyển biến... Dù sao, những yếu tố mới trong đời sống xã hội đã xuất hiện, tạo ra động lực mới cho phát triển của địa phương.

Thực hiện Nghị định số 80-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và Chỉ thị cấp ủy Đảng cấp trên, huyện có chủ trương điều chỉnh giá mua bán các mặt hàng, đặc biệt là lương thực, thực phẩm, nông sản; đẩy mạnh thu mua, nắm vững nguồn hàng, mở rộng lưu thông hàng hóa..., qua đó giải quyết một phần nạn khan hiếm hàng hóa; tổng doanh thu mua bán năm 1981 đạt 9,2 triệu đồng và tổng doanh thu bán ra đạt 7,7 triệu đồng. Thu chi tài chính và ngân sách có diễn biến thuận lợi, năm 1981, thu ngân sách của huyện đạt 17.140.000 đồng, đạt và vượt 300% kế hoạch. Ngành tài chính tiến hành khoán ngân sách và quỹ lương cho các đơn vị hành chính sự nghiệp, thực hiện cung cách quản lý thu chi ngân sách mới.

Thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, việc sửa chữa cầu đường và các công trình phúc lợi công cộng đều theo cách xã hội hóa; nhiều trạm y tế, trường học, bệnh viện, chợ, công sở được xây dựng từ sự đóng góp của nhân dân. Tiếp đó là những chuyển biến tích cực trong đời sống văn hóa - giáo dục, y tế, thể dục thể thao, tất cả đều được nâng cao thêm cả số lượng và chất lượng. Ngoài ngân sách của tỉnh, huyện đầu tư, các cấp ủy địa phương đã huy động nhân dân đóng góp tu sửa, xây mới trường lớp, khắc phục tình trạng học 3 ca; gắn trách nhiệm giữa gia đình và nhà trường để giáo dục mang lại hiệu quả hơn. Phòng Giáo dục huyện quan tâm nâng cao trình độ, cải thiện đời sống cho giáo viên, đặc biệt vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Năm học 1981, số lượng học sinh cả ba

cấp đã phát triển gần 10.000 học sinh, đã tổ chức thi giáo viên dạy giỏi và học sinh giỏi. Riêng phong trào bổ túc văn hóa có nhiều tiến bộ, chỉ tính riêng năm học 1981 đã có 595 học viên; học viên được bổ túc kiến thức văn hóa, cách thức tổ chức lại sản xuất, nâng cao trình độ lý luận và thực tiễn công tác cho cán bộ và nhân dân.

Các cấp ủy Đảng và chính quyền coi trọng công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, các phòng khám khu vực được sửa chữa tu bổ, các trạm xá được củng cố. Bệnh viện Phước Bình được xây mới thêm 900m², đáp ứng yêu cầu chữa bệnh cho nhân dân. Công tác phòng chống các bệnh dịch thực hiện có hiệu quả nên kịp thời dập tắt được các dịch bệnh nguy hiểm như sốt rét, bệnh tả... hạn chế tỷ lệ tử vong. Công tác kế hoạch hóa gia đình bước đầu có chuyển biến nhưng tốc độ giảm dân số vẫn còn chậm.

Hoạt động thông tin, văn hóa, ngày càng phong phú, góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của nhân dân, góp phần cải thiện đời sống tinh thần, đẩy lùi các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, xây dựng đời sống mới. Hoạt động của đài truyền thanh, đội chiếu bóng, nhà sách cùng với việc tổ chức những hội diễn văn nghệ quần chúng, những đợt biểu diễn lưu động đã góp phần trực tiếp vào quá trình xây dựng con người mới, đời sống mới đang được xây dựng, phát triển ở địa phương.

Trên địa bàn huyện, các lực lượng phản động như Fulro, các nhóm bạo động vũ trang ở biên giới đã bị đánh bại nhưng vẫn ngoan cố tiến hành các hoạt động phá hoại, kích động tâm lý đồng bào dân tộc. Vì thế, công tác an ninh - quốc phòng được Đảng bộ huyện hết sức chú trọng. Bộ đội địa phương, dân quân tự vệ đã phối hợp chặt chẽ cùng công an tổ chức chiến đấu, truy lùng trong nội địa và tuyến biên giới, đẩy lùi bọn phản động bên ngoài xâm nhập, chặn đứng bọn phản động tại chỗ ngóc đầu

dậy. Trong những năm từ 1980 trở đi, dân quân du kích Đăk Ôr thường xuyên phối hợp với Đồn biên phòng 785 tổ chức các đợt truy quét biên giới, nội địa, phát hiện và ngăn chặn những vụ việc làm ăn phi pháp. Nhờ tinh thần đề cao cảnh giác của nhân dân, đã kịp thời dập tắt những nhóm vũ trang bạo loạn ở biên giới. Phong trào thi đua quyết thắng được thực hiện thường xuyên trong lực lượng vũ trang, hàng năm huyện luôn đạt và vượt chỉ tiêu giao quân, xứng đáng là đơn vị Quyết thắng của tỉnh và Quân khu.

Công tác tổ chức và xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ II, Đảng bộ Phước Long chuyển giao các cơ sở Đảng ở các nông trường cao su và công ty cao su Phú Riềng lên tỉnh Sông Bé quản lý. Do vậy, số cơ sở Đảng trực thuộc huyện giảm bớt. Đến năm 1982 toàn bộ huyện có 795 đảng viên (trong đó có 258 đồng chí là người dân tộc); số cơ sở Đảng trực thuộc Huyện Đảng bộ gồm 8 Đảng ủy (với 43 chi bộ nhỏ) và 36 chi bộ cơ sở⁽¹⁾. Nhìn chung, đội ngũ đảng viên của huyện đều nêu cao tinh thần trách nhiệm, có ý thức phấn đấu tự bồi dưỡng cả về phẩm chất chính trị lẫn năng lực chuyên môn. Toàn huyện không có chi bộ yếu kém. Công tác phát triển đảng đạt kết quả tốt với 118 quần chúng tích cực đã được kết nạp Đảng (gấp đôi số đảng viên mới ở nhiệm kỳ I). Công tác tuyên huấn kiểm tra trong Đảng được tiến hành thường xuyên, nghiêm túc. Con số 107 đảng viên mắc sai phạm bị xử lý kỷ luật (trong đó có 51 trường hợp phải đưa ra khỏi Đảng) phản ánh rõ quyết tâm làm cho Đảng bộ ngày càng thêm vững mạnh, trong sạch. Ngoài các đợt học tập nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Tỉnh ủy, Huyện ủy còn cử hơn 150 đồng chí dự các lớp bồi dưỡng dài ngày ở tỉnh và các trường thuộc Trung ương. Nhiệm kỳ II (1979 - 1982), Huyện Đảng bộ còn chú trọng về tác phong và lề lối làm việc của Ban Thường vụ, Ban Chấp

1. Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Phước Long - tỉnh Bình Phước, *Truyền thống Cấp ủy Đảng bộ Phước Long 1960 - 2000*, Sdd, tr. 115.

hành về chế độ sinh hoạt định kỳ theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Ban Thường vụ, các Ủy viên Huyện Đảng bộ được phân công làm Bí thư ở cơ sở, luôn chú ý theo dõi, chỉ đạo cơ sở một cách sâu sát, kịp thời. Tinh thần đoàn kết thống nhất trong tập thể Ban Chấp hành, Ban Thường vụ luôn được quan tâm củng cố và phát huy. Nhờ đó, mọi nghị quyết được triển khai đến cơ sở, lãnh đạo nhân dân trong huyện vượt qua những khó khăn thử thách, xứng đáng với vinh dự được Ban Chấp hành Trung ương Đảng tặng cờ “Đảng bộ vững mạnh” (1980 - 1981).

6. Từng bước thiết lập quan hệ sản xuất tập thể và hợp tác ở nông thôn những năm 1982 - 1986

Quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, Nghị quyết Trung ương 3 (khóa V), Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sông Bé (tháng 1-1982), Đại hội Đảng bộ huyện Phước Long được tiến hành tháng 12-1982 trong bối cảnh cả nước tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đại hội xác định phương hướng nhiệm vụ: *“Tập dụng mọi thế mạnh hiện có nhằm đẩy mạnh sản xuất, chăn nuôi, phát triển ngành nghề, coi trọng trồng cây công nghiệp và khai thác chế biến lâm sản, tạo nguồn hàng xuất khẩu có giá trị. Hoàn thành công tác cải tạo nông nghiệp, cải tạo tiểu thương và định canh định cư nhằm không ngừng cải thiện đời sống. Tăng cường công tác an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể... đưa huyện nhà từng bước đi lên trở thành một đơn vị kinh tế nông - lâm - công nghiệp giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, vững về chính trị”*⁽¹⁾. Đại hội đề ra 10 mục tiêu và biện pháp chủ yếu trên các mặt công tác: Sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi, trồng cây phục vụ xuất khẩu, lâm sản, công nghiệp - thủ công nghiệp, phân phối

1. Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Phước Long - tỉnh Bình Phước, *Truyền thống Cấp ủy Đảng bộ Phước Long 1960 - 2000*, Sđd, tr. 117.

lưu thông, tài chính - ngân hàng, cải tạo, văn hóa - y tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, bộ máy tổ chức. Đặc biệt, trong công tác tổ chức và xây dựng Đảng, Đại hội Huyện Đảng bộ lần thứ III đòi hỏi: *Mỗi đảng viên dù ở vị trí nào đều phải thực sự tôn trọng nguyên tắc dân chủ tập trung, gương mẫu trong thực hiện và tổ chức lãnh đạo quần chúng thực hiện nghị quyết của Đảng, qua đó lựa chọn những quần chúng ưu tú để xem xét kết nạp vào Đảng và đào tạo đội ngũ kế thừa làm trẻ hóa lực lượng cán bộ của Đảng; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực trong Đảng, nhất là tư tưởng ngại khó, trông chờ ỷ lại, bảo thủ trì trệ, không sát thực tế, thấy sai không đấu tranh, thấy đúng không bảo vệ; tăng cường ý thức tổ chức kỷ luật, đấu tranh phê - tự phê bình theo điều lệ Đảng làm cho Đảng bộ thực sự vững mạnh⁽¹⁾.*

Phát huy truyền thống đoàn kết, vượt qua nhiều khó khăn thử thách, dưới sự lãnh đạo của Huyện Đảng bộ, nhân dân các xã trong huyện thực hiện những nhiệm vụ chính trị đề ra, trước hết là trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Xác định kinh tế nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, Đảng bộ đã chỉ đạo các xã, các ngành quy hoạch lại đất đai, cơ cấu cây trồng, vật nuôi; đẩy mạnh công tác thủy lợi, ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào chăn nuôi trồng trọt, thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động; củng cố tăng cường quản lý điều hành của hợp tác xã, điều chỉnh lại hệ thống hợp tác xã, thành lập các tổ đội sản xuất theo nhóm; thực hiện cơ chế Khoán 100 nhằm tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật và tích lũy cho xã viên. Kết quả là diện tích gieo trồng không ngừng tăng, năm 1983 đạt 23.000 ha, bình quân lương thực theo đầu người đạt 620 kg/người; các năm tiếp theo đều tăng đạt từ 14.500 ha đến 15.000 ha. Cũng từ năm 1983, ngành nông nghiệp đã tự túc được lương thực trong huyện, không chỉ đủ ăn mà còn có dự

1. Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Phước Long - tỉnh Bình Phước, *Truyền thống Cấp ủy Đảng bộ Phước Long 1960 - 2000*, Sđd, tr. 117 - 118.

trữ và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước với số lượng 5.000 tấn, năm cao nhất đạt 10.000 tấn⁽¹⁾.

Cùng với cây lương thực, huyện đã chú trọng đến phát triển cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày. Diện tích cây nông sản thực phẩm tăng, cây cao su, cây điều có giá trị kinh tế xuất khẩu cao được phát triển cả ba khu vực: nông trường, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và hộ gia đình. Đến năm 1985, diện tích khai hoang, trồng mới cao su ở các nông trường là 19.000 ha, diện tích cao su của huyện 120 ha, cây điều gần 2.000 ha. Ngoài ra, diện tích cây tiêu, cà phê tăng gấp 2 lần so với năm 1979, được trồng khắp huyện, tới tận vùng đồng bào các dân tộc.

Trong sản xuất nông nghiệp, nhân dân đã áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất như đưa phân bón mới để thâm canh tăng vụ cây trồng; làm công tác thủy lợi để chủ động tưới tiêu, khai hoang bàu làm đồng ruộng nước, rẫy thành những cánh đồng ruộng khô bước đầu đạt một số kết quả. Từ chỗ chỉ có trên 100 ha ruộng lúa cấy 1 vụ, đến năm 1985 đã có gần 500 ha ruộng lúa cấy 2 vụ đạt năng suất từ 5 đến 7 tấn/năm ở cánh đồng Sơn Long, Bù Môn và một số xã trong huyện. Nhân dân trong huyện tham gia làm công tác thủy lợi qua các năm có trên 35.000 ngày công, đào đắp vận chuyển trên 14.000m³ đất đá để phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp.

Cùng với trồng trọt, nhân dân chú trọng đến chăn nuôi tập thể và hộ gia đình, chủ yếu là gia cầm, gia súc. Từ năm 1982 - 1985, đàn trâu bò có trên 4.500 con, đàn heo có 49.800 con, gia cầm có 242.000 con, so với thời kỳ 1977 - 1980 tăng 200%. Phong trào phát triển ao, hồ nuôi cá tiếp tục được phát triển, hàng năm thả hàng ngàn con cá giống...

1. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Phước Long, *Lịch sử Đảng bộ, quân và dân Phước Long (1975 - 2014)*, Sơ thảo, tr. 66 - 75.

Về cải tạo nông nghiệp xây dựng các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất gắn với định canh định cư, xây dựng các nông trường cao su, được các cấp, các ngành, các xã quan tâm. Đến năm 1985, toàn huyện đã có 80 hợp tác xã, gần 100 tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Một số hợp tác xã, tập đoàn sản xuất làm ăn khá, đem lại hiệu quả cao như Đồng Tâm, Tân Hòa, Bù Du Nga. Thực hiện phương thức kinh doanh tổng hợp giữa chăn nuôi và trồng trọt, giữa cây lương thực với cây ngắn và dài ngày như cây cao su, cây điều, khai thác dược liệu, góp phần tăng thu nhập cho xã viên, có tích lũy cho hợp tác xã. Ngày công của các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất khá cao, từ 6 - 13 kg/ngày công, cá biệt có nơi đạt 22 kg/ngày công, bình quân toàn huyện đạt 8 kg/ ngày công. Có hợp tác xã tích lũy được 2 triệu đồng đã mua được máy cày, xây dựng hệ thống truyền thanh, mua ti vi, xây dựng nhà kho, sân phơi, trường học phục vụ thiết thực đời sống xã viên. Huyện đã căn bản hoàn thành công tác cải tạo nông nghiệp với hai hình thức hợp tác xã và tập đoàn sản xuất đã thu hút 90% hộ nông dân và 85% diện tích sản xuất đi vào làm ăn tập thể. Tiêu biểu là mô hình Hợp tác xã Đồng Tâm xã Phước Tín, Tân Hòa (Đoàn Kết), Bù Du Nga (Đăk Ôr). Các hợp tác xã này đã gắn giữa sản xuất cây lương thực với cây điều, cây cao su, phát triển đàn trâu bò, ao hồ nuôi cá, mở rộng ngành nghề theo phương thức kinh doanh tổng hợp trên cơ sở phân công lao động hợp lý, đã sử dụng có hiệu quả đất đai. Đặc biệt đã gắn công tác định canh định cư với xây dựng hợp tác xã, tập đoàn sản xuất tạo ra một bước chuyển biến cơ bản về nếp sống, ăn ở, tập quán canh tác trong vùng đồng bào các dân tộc. Tuy chưa hoàn chỉnh nhưng đã có 4.200 hộ với 20.450 người đồng bào dân tộc định cư ổn định, đời sống vật chất của đồng bào không ngừng được cải thiện.

Các số liệu nêu trên chứng tỏ mặt trận nông nghiệp của huyện từ 1983 - 1985 đã thay đổi một bước về trình độ sản xuất, đã thiết lập quan hệ sản xuất ở nông thôn theo cách làm ăn mới;

ý thức tự lực tự cường, tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân được phát huy. Thắng lợi đó mở ra triển vọng chuyên canh cây cao su, cây điều, cây cà phê, hồ tiêu kết hợp với cây lương thực, cây thực phẩm; xây dựng vùng chuyên canh mì, bắp và phát triển chăn nuôi trâu, bò, hồ nuôi cá trong từng nông trường, từng hợp tác xã thậm chí đến cả hộ gia đình. Đây là hướng đi lên của huyện vừa cơ bản, vừa lâu dài, phải biết kết hợp giữa nông nghiệp với lâm nghiệp, giữa cây lương thực, thực phẩm với cây công nghiệp, giữa chăn nuôi với trồng trọt.

Lâm nghiệp là thế mạnh của địa phương, có vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế của huyện. Vì thế, huyện chỉ đạo khai thác, bảo vệ, chăm sóc, nuôi trồng rừng đúng hướng, hạn chế, ngăn chặn việc phá rừng, xử lý nghiêm những vụ việc vi phạm; từng bước khép kín tán rừng bằng phong trào trồng cây gây rừng; xây dựng các rừng điều, rừng cao su của các nông trường trên địa bàn huyện. Nếu tính các nông trường trên địa bàn huyện và các hợp tác xã, gia đình xã viên, diện tích cây cao su, cây điều, cây cà phê đã có gần 20.000 ha khai hoang trồng mới từ năm 1983 - 1985. Riêng Xí nghiệp lâm nghiệp của huyện qua 6 năm hoạt động (1979 - 1985) đem lại hiệu quả kinh tế cao: khai thác 50.000 m³ gỗ tròn, 10.000 m³ xẻ củi, chế biến 2.344 m³ gỗ xẻ, sản xuất hàng ngàn sản phẩm mộc phục vụ nhân dân.

Công nghiệp không ngừng được củng cố, xây dựng các xí nghiệp, các hợp tác xã, tổ hợp sản xuất theo ngành như cơ khí, điện nước, sản xuất vật liệu xây dựng, các tổ hợp sản xuất hàng tiêu dùng để phục vụ nhân dân. Từ năm 1982 - 1985, sản xuất 6.600 nông cụ các loại, 4.200 dụng cụ gia đình, 58 tấn xà bông, 1.300.000 viên gạch, 397 tấn tinh bột, 15.000 sản phẩm mộc, giải quyết một phần hàng hóa thiết yếu phục vụ nhân dân. Điện nước sau ngày giải phóng chưa có, đến năm 1985 đã xây dựng hệ thống điện ở ba khu vực: Phước Long, Phước Bình, Bù Đăng; hoàn thành thủy điện nhỏ ở nông trường 4, thi công công trình

thủy điện Bù Môn, khảo sát, lập luận chứng kinh tế kỹ thuật thủy điện Thác Mơ, hoàn thành hệ thống bơm trung tâm ở Phước Long nhằm cung cấp nước sinh hoạt...

Giao thông vận tải sau ngày giải phóng là huyết mạch để thúc đẩy nền kinh tế, phục vụ đi lại của nhân dân nên không ngừng được củng cố, mở rộng. Đến năm 1985, đã có hàng trăm xe máy các loại, kể cả xe vận chuyển và xe máy chuyên dùng. Trong hai năm 1984 - 1985, đã sửa chữa 30 chiếc cầu, 350 km đường, cày ủi phát quang, đào đắp 4.400 m³ đất đá. Trong những năm 1982 - 1985, ngành vận tải đã vận chuyển 40.166 tấn hàng hóa, 170.000 lượt khách; giá trị tài sản cố định từ vài trăm ngàn đồng khi mới thành lập đến năm 1985 tăng lên hàng chục triệu đồng, đảm bảo giao thông thông suốt của một huyện miền núi đi lại rất khó khăn.

Trên lĩnh vực phân phối lưu thông, tài chính ngân hàng đã có nhiều cố gắng trong việc chăm lo đời sống nhân dân, thúc đẩy sản xuất phát triển. Công ty vật tư nông nghiệp đã mở rộng mạng lưới phục vụ, đến năm 1985 có tới 138 cửa hàng, điểm bán hàng nằm ở 14 xã, 16 nông trường và thị trấn phục vụ hàng hóa cho nhân dân, thu mua nguồn hàng chủ yếu như lương thực, thịt heo, thịt trâu bò, thịt thú rừng, hàng nông sản, dược liệu từ 80 - 90% nguồn hàng có tại địa phương. Toàn ngành đã thực hiện thu mua 24.781 tấn lương thực với doanh số mua vào, bán ra đạt giá trị 910.821.000 đồng. Riêng hai năm 1984 - 1985, giá trị hàng xuất khẩu là 60.842.000 đồng. Ngành đã kết hợp với các ngành liên quan tổ chức sắp xếp lại các chợ, ngành hàng, nhóm hàng trên cơ sở quản lý giá cả, thu mua nắm nguồn hàng, quản lý hàng hóa tận gốc.

Tài chính ngân hàng đã phát huy chức năng kiểm tra, kiểm soát mọi hoạt động kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy sản xuất, chăm lo đời sống cho nhân dân, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đến năm 1985, tổng thu ngân sách đạt 142.300.000

đồng, trong đó thu khu vực kinh tế quốc doanh chiếm 42%. Thực hiện phân cấp quản lý ngân sách từ năm 1984 - 1985 đã thực hiện 124.900.000 đồng, trong đó thu kinh tế quốc doanh chiếm 59,22%. Ngân hàng tín dụng đã làm chức năng nhiệm vụ của mình quản lý tiền mặt, động viên tiền nhàn rỗi trong nhân dân qua hình thức tiết kiệm, tín dụng để nắm và quản lý tiền mặt, đáp ứng cho yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, với tổng số tiền thu chi là 368.650.000 đồng, cho vay tín dụng 87.537.000 đồng; mua công trái trên 4,5 tỷ đồng, quy ra thóc bằng 186 tấn.

Trong xây dựng cơ bản từ năm 1982 - 1985, đã đầu tư vốn xây dựng 70.797 ngàn đồng, gồm các công trình tập trung cho nông nghiệp, thủy lợi, định cư định canh, công nghiệp, giao thông, lưu thông phân phối, văn hóa... Thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm đã huy động nhân dân đóng góp trên 2.750.000 đồng và 80 tấn lúa, hàng chục ngàn ngày công phục vụ cho việc sửa đường, xây dựng các công trình công cộng, phúc lợi xã hội... nổi bật là nhân dân các xã Đắk Ở, Đắk Nhau.

Ngành giáo dục có nhiều chuyển biến tốt, tiếp tục phát triển đều hàng năm, từ 15.000 đến 17.000 học sinh theo học ở các bậc học: Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông. Năm học 1984 - 1985, số học sinh có gần 20.000 em, trong đó có 1.600 em là người dân tộc, tăng gần 30% so với năm học 1983 - 1984; 100% số xã trong huyện đều có trường Tiểu học, một số xã có trường Trung học cơ sở, huyện có 1 trường Trung học phổ thông và 1 phân hiệu tại Bù Đăng. Phong trào bổ túc vẫn được duy trì và phát triển...

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được duy trì và phát triển với 14 trạm y tế xã, 1 bệnh viện đa khoa, 1 phòng khám khu vực, tổng số 300 giường bệnh. Công tác phòng dịch được quan tâm, đã hạn chế bệnh dịch xảy ra. Đội ngũ cán bộ y tế có gần 100 bác sĩ, y tá, điều dưỡng ngày đêm phục vụ sức

khỏe cho nhân dân và chăm sóc người bệnh. Phong trào rèn luyện sức khỏe, thể dục thể thao được duy trì và phát triển, đã tổ chức hàng trăm lượt thi đấu bóng đá, bóng chuyền và các môn điền kinh, thu hút hàng nghìn lượt người tham gia, góp phần quan trọng xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Các hoạt động văn hóa, thông tin, đài truyền thanh được phát triển từ huyện đến cơ sở, từng bước nâng chất lượng phục vụ. Các cơ quan văn hóa phục vụ nhân dân được xây dựng như thư viện, cửa hàng sách, nhiếp ảnh, tượng đài chiến thắng, nghĩa trang liệt sĩ huyện được xây dựng. Các cấp chính quyền trong huyện luôn thực hiện chính sách xã hội đối với các đối tượng chính sách, các dân tộc ít người đúng quy định. Ngành thương binh - xã hội phối hợp với chính quyền và các đoàn thể chăm lo, giải quyết các chính sách cho người có công, gia đình chính sách, thực hiện cứu trợ, cứu nạn...

Sau hơn 5 năm (1981 - 1985) thực hiện cơ chế Khoán 100 của Ban Bí thư trên địa bàn huyện đã bộc lộ nhiều mâu thuẫn, hoạt động của hợp tác xã trở nên trì trệ. Để chống khoán trắng, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất vẫn phải tiếp tục nắm giữ một số khâu: làm đất, thủy lợi, cung ứng vật tư, nhưng trên thực tế không đảm đương được. Ở nhiều hợp tác xã, tập đoàn sản xuất việc tăng mức khoán sản phẩm (lúa, hoa màu...) lên quá cao, làm cho sản phẩm sản lượng vượt khoán không thể bù đắp nổi chi phí vật chất đã đầu tư. Đây là một trong những khó khăn nảy sinh trong quá trình Đảng bộ lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp ở địa phương, đồng thời đó cũng là khó khăn chung của đất nước, đòi hỏi Đảng, Nhà nước phải đổi mới tư duy, với cách nghĩ cách làm mới, tiến hành công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V) về giá - lương - tiền, chuyển ngân hàng sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, ngày 13-9-

1985, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quyết định việc phát hành đồng tiền mới, thu đổi tiền cũ nhằm củng cố sức mua của đồng tiền Việt Nam, ổn định giá cả thị trường. Ngày 13-9-1985, cùng với cả nước, công tác thu đổi tiền trên địa bàn huyện được tổ chức thành công, đạt yêu cầu của Trung ương.

Về công tác an ninh quốc phòng, nổi bật là sự phát triển của lực lượng dân quân tự vệ, từ 6.500 người tăng lên trên 10.000 người, chiếm tỷ lệ 11% dân số. Phối hợp cùng bộ đội huyện và bộ đội biên phòng, dân quân tự vệ đã tham gia hàng trăm đợt truy quét tàn quân địch và thế lực phản động ở biên giới, ranh giới và nội địa, giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn huyện. Thành tích đạt được trong những năm qua là sự hợp đồng chiến đấu giữa các lực lượng bảo vệ nội địa và phòng tuyến biên giới. Đã huy động sức người, sức của xây dựng tuyến phòng thủ biên giới dài 56 km, riêng Bù Gia Mập trên 30 km, với 44.000 ngày công, trên 50.000 m rào kẽm gai, hàng vạn cây chông và nhiều hào giao thông, công sự chiến đấu; huy động 8.000 ngày công tháo gỡ bom mìn đưa 450 ha diện tích đất hoang hóa vào sản xuất. Công tác gọi thanh niên nhập ngũ trong nhiều năm liền đạt và vượt chỉ tiêu trên giao, trong đó có 60 nữ thanh niên tham gia.

Ngành công an có nhiều cố gắng và hoạt động ngày càng hiệu quả hơn. Gần 350 tổ an ninh nhân dân được kiện toàn, cung cấp hàng trăm nguồn tin có giá trị. Tình hình trật tự xã hội được đảm bảo, các loại tội phạm ngày càng giảm.

Về công tác xây dựng Đảng, so với nhiệm kỳ trước, công tác tổ chức của Huyện Đảng bộ có nhiều chuyển biến tích cực, bộ máy lãnh đạo khá ổn định. Trong nhiệm kỳ III, Huyện Đảng bộ tiếp nhận trở lại Đảng bộ Công ty Phú Riềng và thành lập thêm 4 chi bộ mới, nâng tổng số toàn huyện lên 48 cơ sở. Năm 1985, theo kết quả phân loại, có 33 cơ sở Đảng đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh, 12 cơ sở khá, 18 cơ sở được tặng cờ. Đại bộ phận cán

bộ đảng viên giữ được phẩm chất tốt đẹp của người cộng sản, có tinh thần trách nhiệm, được quần chúng tín nhiệm, tạo sự tin tưởng tuyệt đối của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ được quan tâm đều đặn, 915 cán bộ được cử đi học (88 đồng chí học lý luận chính trị, 22 đồng chí học quản lý nhà nước, 12 đồng chí học quản lý kinh tế, 13 người học các đại học khác...). Đội ngũ cán bộ kế thừa chủ chốt ở các cấp ủy, các ban ngành đoàn thể, các cơ sở kinh tế cấp huyện và 5 chức danh chủ chốt cấp xã cơ bản được quy hoạch. Công tác phát triển Đảng có căn cơ hơn và đảm bảo chất lượng, trong 3 năm kết nạp được 103 đảng viên mới, trong đó có 21 đồng chí nữ, 3 đồng chí người dân tộc, 76 đồng chí là đoàn viên thanh niên...

Huyện đã xây dựng được quy chế làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo - cá nhân phụ trách. Hàng tuần họp Thường vụ để nắm tình hình và đề ra chủ trương; hàng ngày, Thường trực Huyện ủy và các Ban hội ý hội báo công việc. Ban Chấp hành Huyện Đảng bộ bảo đảm sinh hoạt định kỳ 3 tháng, khi có công việc đột xuất đều triệu tập hội nghị Ban Chấp hành bàn bạc quyết định. Mỗi cấp ủy viên được phân công phụ trách một ngành hoặc một xã, một số đồng chí cấp ủy ngành còn được phân công phụ trách chỉ đạo cụm xã để theo dõi nắm tình hình, tháo gỡ khó khăn cho cơ sở. Chế độ xuống cơ sở công tác và tình hình thông tin từ cơ sở lên Huyện ủy (và ngược lại) được thực hiện nghiêm túc. Cơ chế “Đảng lãnh đạo bằng nghị quyết có kiểm tra, chính quyền triển khai tổ chức thực hiện, thông qua các đoàn thể vận động quần chúng thực hiện” ngày càng đi vào nền nếp.

Nhìn chung, Đảng bộ huyện luôn giữ vững và phát huy tốt truyền thống đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động ngay từ trong Thường vụ, Ban Chấp hành cho đến cơ sở; luôn chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, phát huy tính năng động, sáng tạo, tinh thần dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm... Đó chính là một trong những nguyên nhân

làm nên thắng lợi trên tất cả các mặt công tác của địa phương. Hạn chế trong thời gian này là: Tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của huyện còn chậm so với yêu cầu và chưa tương xứng với tiềm năng thế mạnh của huyện; một số lĩnh vực phát triển chưa đồng đều; đời sống số đông dân cư tuy được cải thiện, song vẫn còn nhiều khó khăn.

* * *

Năm 1985, kỷ niệm 10 năm ngày giải phóng Phước Long, nhiều cán bộ, chiến sĩ và nhân dân các dân tộc trong huyện (trong đó có Bù Gia Mập) được Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng xét tặng Huy chương, Huân chương vì thành tích trong kháng chiến⁽¹⁾. Đó cũng là 10 năm sau giải phóng (1975 - 1985) giữ vững và phát huy tốt truyền thống đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động xây dựng và bảo vệ quê hương Phước Long. Trong hành trình 10 năm ấy, Đảng bộ, quân và dân các dân tộc trong huyện kiên trì thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc và tôn giáo, thực hành hiệu quả nhiều biện pháp linh hoạt, khôn khéo, tranh thủ sự đồng tình trong nhân dân, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; đặc biệt là phát huy tinh thần làm chủ, ý thức tự lực tự cường của cán bộ và các tầng lớp nhân dân để phát triển kinh tế - xã hội, huy động tiềm năng thế mạnh của vùng đất và con người, vận động đồng bào định canh định cư, xây dựng buôn sóc bản làng đoàn kết, tương trợ nhau, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, cải thiện và nâng cao đời sống cho đồng bào các dân tộc cả về vật chất và tinh thần, làm cho các dân tộc và tôn giáo ngày càng thêm tin tưởng, gắn bó với Đảng và cách mạng. 10 năm ấy vì thế trở thành hành trang mới cho lãnh đạo và nhân dân nơi đây đem theo trong quá trình phát triển, làm cơ sở để tiếp tục phát huy tính năng động, sáng tạo, tinh thần dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm trên những chặng đường đi tới.

1. *Lịch sử Đảng bộ, quân và dân Phước Long (1975 - 2014)*, Sdd, tr. 78.

Chương Ba

BÙ GIA MẬP

TRONG 23 NĂM THỰC HIỆN ĐỔI MỚI VÀ CÔNG NGHIỆP HÓA (1986 - 2009)

I. PHÁT HUY THỂ MẠNH ĐỂ PHÁT TRIỂN TRONG 10 NĂM ĐẦU ĐỔI MỚI (1986 - 1996)

1. Buổi đầu thực hiện đường lối đổi mới

Sau 10 năm, kể từ khi đất nước hoàn toàn thống nhất, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta giành được nhiều thành tựu rất quan trọng, nhưng tình hình đất nước nói chung, tỉnh Sông Bé, huyện Phước Long nói riêng vẫn nằm trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, các thế lực thù địch luôn tìm đủ mọi cách chống phá cách mạng Việt Nam; Mỹ và các nước tư bản phương Tây tăng cường bao vây cấm vận kinh tế. Tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường. Trong khi đó, Đảng ta lại mắc phải sai lầm, chủ quan duy ý chí, quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp; nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa dẫn đến nền kinh tế của đất nước trì trệ, kém phát triển, rơi vào khủng hoảng trầm trọng.

Trên tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam họp tại thủ đô Hà Nội từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986, đánh giá tình hình đất nước, kiểm điểm lại sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước và đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới. Qua nhìn nhận đánh giá những thành tựu đạt được cũng như chỉ ra những tồn tại, sai lầm, khuyết điểm của Đảng ta trong thời gian qua, Đại hội đã thống nhất quan điểm quyết tâm đổi mới, trước hết là đổi mới về tư duy phát triển kinh tế. Đại hội VI của Đảng mở đầu cho công cuộc đổi mới toàn diện trên đất nước Việt Nam.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI - Đại hội đổi mới của Đảng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh Sông Bé, tháng 10 năm 1986, Đại hội Đảng bộ huyện Phước Long lần thứ IV được tiến hành. Đại hội đã đánh giá tình hình lãnh đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ III và đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu chiến lược đến năm 1990, cũng như chỉ tiêu biện pháp cơ bản đến năm 1988 cho toàn Đảng bộ, quân và dân huyện Phước Long. Đại hội đại biểu lần thứ IV của Đảng bộ huyện là Đại hội đổi mới cách suy nghĩ, cách làm, đổi mới tư duy kinh tế, đổi mới phong cách làm việc gắn bó với quần chúng, đổi mới tổ chức cán bộ và hành động theo quy luật, giải phóng lực lượng sản xuất hiện có, khai thác và phát huy mọi tiềm năng của huyện để phát triển lực lượng sản xuất, ổn định kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân trong huyện.

Đại hội xác định phương hướng, mục tiêu trong nhiệm kỳ 5 năm (1986 - 1991) là: *“Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, phát triển chăn nuôi, phát triển thế mạnh vốn rừng, tổ chức ngành nghề; coi mặt trận nông nghiệp thật sự là hàng đầu, bảo đảm sản lượng lương thực đủ ăn, có tích lũy và làm nghĩa vụ cho Nhà nước; tăng nhanh cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày, có nhiều*

hàng xuất khẩu; đời sống nhân dân được ổn định và từng bước được cải thiện; giữ vững an ninh quốc phòng, xây dựng bộ máy chuyên chính vô sản vững mạnh; lãnh đạo quản lý kinh tế có hiệu quả; đẩy lên phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa mạnh mẽ trong nhân dân”⁽¹⁾.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nhiệm kỳ IV (1986 - 1988) gồm 51 đồng chí, trong đó có 6 ủy viên dự khuyết; Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 13 đồng chí; đồng chí Nguyễn Đình Kính được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Nguyễn Văn Lẹ làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, đồng chí Võ Đình Tuyền làm Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch UBND huyện.

Với trọng trách đó, toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân huyện Phước Long tin tưởng vững chắc vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV đề ra. Quyết tâm phấn đấu, nêu cao ý thức trách nhiệm bằng tinh thần đổi mới tư duy và phong cách lãnh đạo, khắc phục khó khăn, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và mục tiêu kinh tế - xã hội trong nhiệm kỳ IV mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đã thông qua, đưa sự nghiệp cách mạng tiếp tục đi lên.

Trong những năm đầu triển khai thực hiện công cuộc đổi mới trong hoàn cảnh nền kinh tế của huyện vẫn còn nhiều mặt mắt cân đối lớn, những biến động lớn từ cuộc tổng điều chỉnh giá, lương, tiền cuối năm 1985 còn tác động xấu đến nền kinh tế của huyện. Vật tư, nguyên liệu không đáp ứng đủ yêu cầu sản xuất; tiền mặt không đủ cho trao đổi thu mua; các cơ sở sản xuất kinh doanh chậm được sắp xếp lại; việc phân công, phân cấp giữa huyện và cơ sở, mối quan hệ giữa các đơn vị kinh tế đóng trên địa bàn huyện còn nhiều vướng mắc.

1. Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Phước Long - tỉnh Bình Phước, *Truyền thống Cấp ủy Đảng bộ Phước Long 1960 - 2000*, Sđd, tr. 124, 133.

Dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, qua 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội, phải khẳng định rằng kết quả đạt được nổi bật nhất là huyện đã từng bước xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp để hình thành cơ chế quản lý mới, đó là cơ chế quản lý kinh tế hạch toán kinh doanh theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực, từ đó huy động được mọi thành phần kinh tế cùng tham gia đóng góp vào việc phát triển sản xuất kinh doanh, tạo được tiền đề lớn mạnh, vững chắc cho những bước phát triển trong những năm sau. Đây là kết quả đạt được vô cùng to lớn, có tính chất bước ngoặt mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV đề ra, được thực hiện một cách kiên quyết, đưa huyện nhà thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, từng bước phát triển đi lên.

Sau Đại hội, Đảng bộ và nhân dân huyện Phước Long (cũ) nói chung và các địa phương thuộc huyện Bàn Gia Mập đã bắt tay ngay vào việc xây dựng kế hoạch cụ thể chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của Đại hội đề ra.

2. Góp phần tháo gỡ cơ chế cũ, từng bước phát triển (1987 - 1990)

Sản xuất nông nghiệp của các địa phương vẫn tập trung khai thác tối đa diện tích trồng trọt, theo hướng phá bưng làm ruộng, thâm canh tăng năng suất, tăng sản lượng lương thực, thực phẩm. Trên địa bàn huyện cũng như từng xã đều triển khai thực hiện cơ chế khoán mới trong sản xuất theo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, các xã từng bước xóa bỏ bao cấp trong cung ứng lương thực, mở rộng tự do lưu thông hàng hóa, khuyến khích nông dân tích cực phát triển sản xuất. Sau những bước “xé rào”, “khoán chui”, Chỉ thị 100 và Nghị quyết 10 đã mở ra mối quan hệ sản xuất tập thể phù hợp hơn, từng bước dẫn dắt

nền kinh tế từ tự cung tự cấp sang nền kinh tế mở, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phước Long tập trung coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu với mục tiêu chủ yếu là phát huy thế mạnh đất đai, ổn định cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp từng bước ổn định đời sống nhân dân; nông nghiệp phải đáp ứng nhu cầu về lương thực, thực phẩm, giải quyết cơ bản cái ăn cho nhân dân, đảm bảo hàng năm không bị thiếu đói...

Huyện ủy và Ủy ban nhân dân tập trung chỉ đạo thúc đẩy sản xuất nông nghiệp một cách toàn diện nhằm tạo ra của cải vật chất phục vụ đời sống nhân dân. Diện tích gieo trồng của các xã được duy trì, mở rộng gia tăng, trong đó lúa rẫy, mì, cà phê, hồ tiêu đều tăng; do đó thu nhập lương thực đầu người hàng năm tăng lên. Chăn nuôi gia súc, gia cầm đã có chuyển biến tích cực; một số hộ gia đình đã đầu tư cho chăn nuôi trâu bò, vừa lấy sức kéo, vừa mang lại hiệu quả kinh tế. Công tác thu mua hàng lương thực, hàng nông sản; kinh tế hộ gia đình phát triển, nhất là thực hiện mô hình phát triển chăn nuôi và làm kinh tế vườn.

Ở xã Đắk Ôr, từ những đột phá trong quá trình thực hiện, kinh tế không ngừng khởi sắc, đến năm 1990 thu nhập lương thực bình quân đầu người đạt 337 kg, giá trị ngày công đạt 7 kg lương thực trở lên; bình quân thu nhập bằng tiền cho mỗi hộ ở hợp tác xã từ 2,2 - 5 triệu đồng, có hộ đạt từ 10 - 20 triệu đồng. Các hợp tác xã trong xã Đắk Ôr đã tích lũy được vốn để xây dựng 8 hội trường, 4 nhà kho với diện tích 1.296 m², với tổng giá trị là 25 triệu đồng; có 9 nhà máy xay xát gạo từ trung tâm xã đến các thôn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, như thôn 5, 7, 8⁽¹⁾. Đồng bào người Kinh đã có 95% nhà gỗ, vách ván, đồng bào dân tộc thiểu số có 59 hộ đã cân đối được kinh tế gia đình, tự làm đơn xin xã và lâm trường cho gỗ làm nhà, có

1. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đắk Ôr năm 1991.

9 nhà lợp ngói, 6 nhà lợp tôn⁽¹⁾. Những kết quả ban đầu này đã cho thấy việc tổ chức sản xuất nông nghiệp theo cơ chế mới đã thể hiện sự đúng đắn, phù hợp với tình hình thực tế của Đảng và tình hình cụ thể của địa phương, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho xã ổn định kinh tế - xã hội. Công tác định canh định cư tiếp tục được vận động, thực hiện có hiệu quả, bằng chủ trương tách hộ lập vườn, khai hoang cơ giới trồng cây công nghiệp, xây dựng đường giao thông, phòng học, giếng đào.

Xã Đức Hạnh thực hiện các chương trình mục tiêu kinh tế - xã hội trong sản xuất nông nghiệp đến năm 1991 đạt tổng diện tích gieo trồng 1.135 ha, tổng sản lượng lương thực quy ra thóc là 1.749 tấn (bao gồm lúa, hoa màu, mè, đậu phụng, điều, tiêu). Phát triển chăn nuôi trâu lên 650 con, bò 70 con, heo 4.500 con... Xã duy trì và phát triển 11 hợp tác xã và 2 tập đoàn sản xuất. Trong công tác định canh định cư, xã tăng cường kết hợp và vận động các nông lâm trường đóng chân trên địa bàn góp kinh phí, vật liệu, phương tiện làm đường, cầu cống, nhà ở, giếng nước... Thôn Sơn Trung trở thành đơn vị điểm xây dựng vườn cây đặc sản, nâng cao thu nhập kinh tế cho đồng bào, các hợp tác xã nông nghiệp tập trung phát triển trồng lúa nước.

Trong khi đó xã Bình Thắng xác định cơ cấu kinh tế nông lâm nghiệp là chủ yếu, phát huy thế mạnh của đất đai, lao động và cơ sở sản xuất hiện có, tập trung phát triển cây lương thực, thực phẩm và một số cây trồng có giá trị kinh tế cao như hồ tiêu, điều, chăn nuôi trâu, bò và tận dụng ao hồ để thả cá; hỗ trợ tích cực khoa học kỹ thuật gieo trồng, giống, phân bón cho sản xuất nông nghiệp; tạo sự chuyển biến mới trong thâm canh, xen canh, tăng vụ, tăng diện tích và năng suất cây trồng bảo đảm đủ lương thực cho địa phương và đóng góp nghĩa vụ cho Nhà nước.

1. Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ V và phương hướng, nhiệm vụ năm 1991 - 1993.

Từng bước cải thiện đời sống nhân dân, trước hết chú trọng xây dựng trạm xá, trường học và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Nhìn chung, cơ chế chính sách mới dần dần đi vào cuộc sống, có tác dụng tích cực khơi dậy, phát huy tiềm năng thế mạnh kinh tế từng địa phương cụ thể. Mỗi địa phương đã chú ý hơn đến diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng nhất là sản lượng lương thực, hoa màu và các cây đặc sản từng xã được huy động vào phát triển sản xuất; kinh tế hộ gia đình ở mỗi xã ấp, hợp tác xã có chuyển biến, thậm chí nhiều hộ chuyển hướng làm ăn sang sản xuất kinh doanh. Tình hình kinh tế - xã hội nói chung còn nhiều khó khăn, nhiều tiềm năng thế mạnh được nhìn thấy nhưng không dễ khơi dậy để phát triển; nhưng đời sống nhân dân trong các xã bước đầu có chuyển biến theo hướng tích cực, tình hình xã hội đi vào ổn định hơn.

Tháng 8-1988, theo Quyết định số 112/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, huyện Phước Long được chia thành hai huyện mới là Phước Long và Bù Đăng. Sau khi chia tách, huyện Phước Long còn 10 xã: Đức Hạnh, Đăk Ôr, Phước Tín, Sơn Giang, Phước Bình, Long Hưng, Đakia, Bình Thắng, Bù Nho, Phú Riêng. Tháng 12-1988, Đại hội Đảng bộ Phước Long lần thứ V được tổ chức, xác định cơ cấu kinh tế của huyện là: “Nông nghiệp - lâm nghiệp - tiểu thủ công nghiệp”, đồng thời đề ra mục tiêu kinh tế - xã hội cụ thể và những biện pháp chủ yếu để đưa địa phương vượt qua thời kỳ khó khăn khủng hoảng.

Trong những năm 1989 - 1990, thực hiện hình thành dần nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Cơ sở vật chất được tăng cường thêm, hàng nông sản, hàng thủ công truyền thống được khôi phục; việc đầu tư vốn và bố trí lại cơ chế sản xuất được đặt ra đúng hướng. Công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và phúc lợi xã hội cũng có kết quả bước đầu đáp ứng theo yêu cầu bức

thiết của xã hội. Thực hiện chủ trương “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, nhân dân tự nguyện đóng góp hàng ngàn ngày công tu sửa, xây dựng thêm phòng học, giảm dần tình trạng học ca 3, sửa sang và đắp mới một số con đường trong các thôn, ấp. Sức dân được huy động vào những việc làm mang lại lợi ích thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công tác giáo dục, y tế, văn hóa có bước chuyển biến theo yêu cầu kinh tế thị trường và phục vụ nhân dân ngày càng đa dạng, phong phú hơn. Đặc biệt là việc giữ vững ổn định chính trị, duy trì an ninh trật tự và an toàn xã hội trước tình hình trong và ngoài nước có nhiều diễn biến phức tạp. Hệ thống chính trị từng bước được củng cố, đổi mới, bảo đảm thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân được tôn trọng hơn, tăng được quyền lực của các cơ quan dân cử và hiệu lực quản lý của chính quyền; khối mặt trận và đoàn thể có bước đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động. Công tác xây dựng Đảng đạt được những kết quả đáng kể về tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, từng bước kiện toàn đổi mới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, khôi phục niềm tin của nhân dân với Đảng, tạo được sự đồng thuận trong xã hội.

3. Đẩy mạnh chuyển biến kinh tế - xã hội những năm 1991 - 1996

Bước sang thập niên 1990, công cuộc đổi mới đất nước tiếp tục triển khai trên quy mô sâu rộng hơn, nhưng cũng chịu nhiều tác động của bối cảnh lịch sử với nhiều biến đổi và phức tạp ở trong và ngoài nước. Tình hình thế giới có sự chuyển biến mau lẹ nhưng chứa đựng nhiều yếu tố phức tạp. Đời sống của nhân dân bước đầu được cải thiện, nhưng đất nước “*chưa thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội*”; nhiệm vụ của cả nước cũng như từng địa phương là “*Vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và*

phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản thoát khỏi tình trạng khủng hoảng⁽¹⁾.

Dưới ánh sáng của Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng và Đại hội tỉnh Đảng bộ Sông Bé lần thứ V, tháng 11-1991 Phước Long tiến hành Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI, nhiệm kỳ 1991 - 1996. Đại hội xác định: *“Cơ cấu kinh tế của địa phương là nông - lâm - công nghiệp, đẩy mạnh công nghiệp chế biến, tạo môi trường cho kinh tế nhiều thành phần phát triển, khuyến khích đầu tư từ bên ngoài, giải quyết việc làm cho người lao động, giải phóng năng lực sản xuất,... nâng cao đời sống, văn hóa - xã hội cho nhân dân, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội*⁽²⁾. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ mới gồm 35 đồng chí, trong đó Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí, đồng chí Nguyễn Văn Lê tiếp tục được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Ngay sau Đại hội, các chủ trương chính sách và chỉ tiêu phấn đấu của Đảng bộ được các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương quán triệt, vận dụng và thực hiện trong thực tế phát triển kinh tế - xã hội.

Kinh tế nông nghiệp phát huy được thế mạnh nông - lâm kết hợp, các thành phần kinh tế được bung ra sản xuất. Nông dân tự bỏ vốn đầu tư cho sản xuất, lưu thông hàng hóa giữa các vùng thông thoáng hơn, đáp ứng được những nhu cầu thiết yếu của nhân dân, thực sự giải phóng năng lực sản xuất, giải quyết việc làm cho người lao động. Ngành nông nghiệp khai thác tối đa diện tích đất trồng trọt, theo hướng phá bung làm ruộng, thâm canh tăng năng suất, tăng sản lượng lương thực. Người dân địa

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 50, 60.
2. Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Phước Long - tỉnh Bình Phước, *Truyền thống Cấp ủy Đảng bộ Phước Long 1960 - 2000*, Sđd, tr. 139 - 140.

phương không chỉ tập trung vào cây lúa mà còn có sự chuyển hướng cơ cấu cây trồng sang trồng cây công nghiệp và cây đặc sản. Đã hình thành vùng chuyên canh về cây lương thực, cây công nghiệp cũng như cây hoa màu khác. Đặc biệt là cây điều, cây trồng có giá trị kinh tế cao và là sản phẩm hàng hóa phục vụ nhu cầu xuất khẩu, đã được mở rộng diện tích gieo trồng và sản lượng ngày càng tăng lên. Bên cạnh đó còn trồng cà phê và các loại cây ăn trái trong khi các loại cây lương thực vẫn được chú trọng nhằm ổn định đời sống cho nhân dân. Các loại cây công nghiệp phát triển mạnh trước đây nay do giá cả không ổn định nên diện tích bị thu hẹp, nhường chỗ cho cây điều và cà phê.

Ngành chăn nuôi phát triển ở cả hai hình thức: tập thể và hộ gia đình. Đặc biệt thực hiện cơ chế khoán mới trong sản xuất theo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, việc xóa bao cấp trong cung ứng lương thực, mở rộng tự do lưu thông lương thực đã thực sự khuyến khích nông dân tích cực phát triển sản xuất, khiến cho khối lượng và tỷ trọng lương thực hàng hóa tăng lên. Sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp bắt đầu phát triển, có khả năng cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và cho xuất khẩu. Bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc, nền kinh tế tự cấp tự túc khép kín dần dần được xóa bỏ. Trong điều kiện lưu thông hàng hóa ở vùng sâu vùng xa gặp nhiều khó khăn, các xã đã tìm nhiều biện pháp kết hợp với các công ty bách hóa, thương nghiệp của huyện để lo hàng hóa cho dân và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của nhân dân địa phương sản xuất ra.

Quần chúng nhân dân đã mạnh dạn áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, trồng thử nghiệm thành công các giống lúa mới: giống lúa cạn, bắp lai, chương trình sin hóa đàn bò, heo lai kinh tế được nhân rộng... Việc đầu tư cho phát triển vốn rừng và cơ sở hạ tầng nhằm ổn định dân cư; đặc biệt là các cụm dân của đồng bào dân tộc. Các xã đã tiến hành khoanh nuôi,

tu bổ và trồng rừng gắn với việc định canh định cư thực hiện các dự án kinh tế lâm nghiệp 327. Ngành lâm nghiệp thực hiện giao đất, giao rừng và khoán rừng cho từng hộ gia đình chăm sóc, bảo vệ và trồng mới có hiệu quả, nhất là ở hai lâm trường Đăk Ôr, Bù Gia Mập và đồn biên phòng 785 với hàng ngàn ha được quản lý và bảo vệ. Công tác bảo vệ rừng cũng được quan tâm, tích cực ngăn ngừa, hạn chế mức thấp nhất nạn phá rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, đầu tư phát triển vốn rừng và cơ sở hạ tầng nhằm ổn định dân cư.

Với điều kiện thuận lợi từ xu hướng phát triển cơ cấu nông nghiệp mới, Bù Gia Mập tiếp tục đẩy mạnh củng cố và xây dựng quan hệ sản xuất mới, đặc biệt là củng cố và xây dựng các hợp tác xã nông - lâm kết hợp. Việc hạch toán kinh tế trong các hợp tác xã theo tinh thần Chỉ thị 100 và sau đó là Khoán 10 thực tế không làm cho xói mòn quan hệ sản xuất tập thể, mà còn thúc đẩy sản xuất phát triển, nhiều tổ đội sản xuất trong các hợp tác xã làm ăn có hiệu quả.

Chủ trương tách hộ lập vườn, vận động định canh định cư tiếp tục được thực hiện có kết quả. Đây là cuộc vận động sâu rộng, lâu dài, đòi hỏi sự kiên trì với những giải pháp đồng bộ và sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể từ huyện xuống cơ sở. Địa phương đã mạnh dạn đầu tư cho công tác định canh định cư với số vốn ngày càng tăng lên, tập trung vào việc khai hoang cơ giới trồng cây công nghiệp, xây dựng đường giao thông, phòng học, giếng nước... Đăk Ôr là xã có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao trong dân cư, đã tách hộ lập vườn được 364/786 hộ, làm nhà trên đất vườn mới, trồng cây được 75 ha, ổn định sản xuất và đời sống, xã còn cấp 741 tờ khai tạm thời sử dụng đất cho tập thể và cá nhân theo đúng quy định của pháp luật. Từ sự ổn định về kinh tế - xã hội, xã đã được đầu tư xây dựng trường tiểu học theo đúng chuẩn, khang trang, mát mẻ,

có tiện nghi, đáp ứng yêu cầu dạy và học. Được sự hỗ trợ vốn đầu tư của lâm trường và vốn địa phương, xã xây dựng thêm 5 điểm trường cấp I, 1 trường cấp I - II với tổng số 17 lớp, đội ngũ giáo viên cấp I - II là 22 người, trong đó có 6 giáo viên là người dân tộc, năm học 1990 - 1991 có 436 học sinh theo học, tỷ lệ lên lớp đạt 75 - 80%. Xã vận động nhân dân thực hiện “5 dứt điểm”, vận động sinh đẻ có kế hoạch, phun tẩm mùng thuốc diệt muỗi thường xuyên... Từ năm 1989 đến năm 1991, trạm y tế xã khám và điều trị bệnh cho 3.864 lượt người, điều trị khỏi cho 1.894 lượt người⁽¹⁾.

Các cơ sở tiểu thủ công nghiệp chủ yếu sản xuất vật dụng gia đình, vật liệu xây dựng, chế biến lương thực, thực phẩm. Nhờ có thêm nguồn điện lưới quốc gia, nên hầu hết các cơ sở này đều có sự khởi sắc hơn hẳn trước đây. Giao thông vận tải, thương nghiệp, dịch vụ cũng có những phát triển khá. Nhân dân tự huy động vốn và lao động xây dựng hoặc tự sửa chữa các tuyến đường liên thôn, ấp.

Việc chỉnh trang đời sống khu dân cư đã đem lại kết quả tốt; một số công trình giao thông được thi công hoàn chỉnh; xây dựng cầu cống thoát nước, giếng nước công cộng, các khu chợ, xây dựng mạng lưới điện nông thôn... Đời sống nhân dân từng bước ổn định, trong đó có nhiều mặt được cải thiện. Tỷ lệ hộ đói trong đồng bào các dân tộc thiểu số không tăng. Bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới.

Ngành giáo dục cũng được quan tâm đầu tư hơn trước. Trường tiểu học được xây đúng chuẩn, khang trang, mát mẻ, có tiện nghi, đáp ứng yêu cầu dạy và học. Địa phương đã phân công cán bộ vận động con em nhân dân trong độ tuổi đi học, nhất là đồng bào dân tộc đến trường, bảo đảm đủ số bàn ghế

1. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đăk Ôr năm 1991.

cho học sinh và giáo viên. Bên cạnh hình thức học chính quy còn có các lớp bổ túc cho chủ yếu là con em đồng bào dân tộc tham gia. Xã Đức Hạnh những năm 1993 - 1995 có nhiều biến động do sự xuất hiện công trình thủy điện Thác Mơ; hơn 200 hộ dân Đức Hạnh phải di dời, cùng với diện tích lớn đất đai trồng cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày bị mất để nhường chỗ cho việc xây dựng hồ thủy điện và nhà máy thủy điện... Xã tập trung cho phát triển kinh tế, đảm bảo đời sống người dân, đồng thời lo nâng cấp và xây dựng thêm phòng học (3 phòng học cơ bản ở khu trường chính để đảm bảo mở hết cấp II và 3 phòng bán kiên cố ở Đăk Sơn I, Bù Kmau, Phước Sơn), xin kinh phí cấp mua 50 bộ bàn ghế và chăm lo điều kiện ăn ở, sinh hoạt cho thầy cô giáo; đến năm 1995 không còn lớp học làm bằng tranh, tre, nứa. Ở các xã khác, công tác xóa mù chữ ở các xã vận động được đông đảo nhân dân tham gia. Các lớp mẫu giáo mầm non và nhà trẻ được duy trì để phục vụ bà con yên tâm lao động sản xuất. Đội ngũ giáo viên không ngừng tăng lên cả về số lượng và chất lượng. Giáo viên được cử đi đào tạo nâng cao chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm để phục vụ công tác tốt hơn.

Văn hóa, văn nghệ, thông tin tuyên truyền là những hoạt động xã hội hàng ngày của địa phương. Ngành văn hóa thông tin đã tập trung tuyên truyền giáo dục cho nhân dân về các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đã tổ chức nhiều tụ điểm văn hóa thường xuyên tổ chức các buổi chiếu các chương trình truyền hình hay chiếu phim thu hút hàng trăm lượt người tham gia. Mỗi xã đều có đài truyền thanh để tiếp âm Đài tiếng nói Việt Nam. Các đoàn văn nghệ, cải lương của tỉnh, huyện nhà hay của các địa phương khác cũng đến biểu diễn phục vụ đồng bào. Nhờ đó đáp ứng tốt hơn nhu cầu về văn hóa tinh thần của nhân dân.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân ngày càng được quan tâm hơn. Mặc dù điều kiện vật chất còn

nhiều thiếu thốn, thiếu cán bộ y tế, việc đi lại trên địa bàn quá rộng, dân cư thưa nên rất khó khăn, nhất là mùa mưa... nhưng được sự quan tâm của ngành y tế tỉnh và huyện, các trạm y tế đã được tăng cường trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh, thuốc men cho nhân dân. Công tác phòng chống bệnh dịch được quan tâm thực hiện, nhất là các bệnh dịch hiểm nghèo ở đồng bào dân tộc thiểu số như: sốt xuất huyết, dịch tả, kiết lỵ, viêm gan, phổi... Thường xuyên tuyên truyền và phát động các phong trào vệ sinh phòng bệnh, phun thuốc diệt muỗi cho các hợp tác xã...; thực hiện công tác tuyên truyền kế hoạch hóa gia đình, vận động sinh đẻ có kế hoạch.

Trong bối cảnh tình hình trong nước và thế giới những năm đầu thập niên 1990 với nhiều diễn biến phức tạp, trên địa bàn Bù Gia Mập, vùng giáp biên giới, tình hình chính trị cũng có những khó khăn, thuận lợi nhất định. Nhận thức được những diễn biến mau lẹ của tình hình, được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy và Quân khu, thông qua các văn bản chỉ đạo như: Nghị quyết lãnh đạo tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ xã chiến đấu năm 1991; Chương trình hành động về an ninh quốc phòng năm 1992; Nhiệm vụ quốc phòng bảo vệ an ninh quốc gia chống diễn biến hòa bình, chống bạo loạn lật đổ của địch năm 1992 - 1993; Dự thảo phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng năm 1994 - 1995... Từ đó, lãnh đạo các xã Bù Gia Mập có thêm những căn cứ khoa học và bài học kinh nghiệm để giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Tình hình an ninh biên giới trong những năm 1991 - 1996 cơ bản được đảm bảo. Địa phương quản lý tốt lực lượng quân dự bị động viên; phát triển nhanh lực lượng dân quân tự vệ. Công tác chăm lo chính sách hậu phương quân đội được thực hiện tốt. Số vụ vi phạm hình sự có xu hướng giảm dần. Hoạt động an ninh nhân dân đã đi vào nền nếp, đã ngăn chặn có hiệu quả

các tệ nạn xã hội tại địa phương. Các tổ an ninh nhân dân tích cực hoạt động tạo điều kiện cho công an nắm chắc và quản lý tốt hộ khẩu, thực hiện công tác đấu tranh chống tội phạm có kết quả. Mỗi xã một trung đội du kích tập trung 25 người, mỗi hợp tác xã 1 tiểu đội tự vệ sẵn sàng cơ động trong xã, thường xuyên tập luyện phối hợp với Đồn biên phòng 785 và công an xã làm nhiệm vụ tuần tra nội biên, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Các xã đội thường xuyên tổ chức huấn luyện quân sự, diễn tập cấp tiểu đội - trung đội chiến đấu, nâng cao trình độ - chiến - kỹ thuật,... Đặc biệt là phát huy vai trò các Đảng ủy xã trong củng cố và xây dựng bộ máy công cụ chuyên chính vững mạnh, tạo tiền đề hình thành hệ thống tổ an ninh nhân dân ở các thôn, sóc, từ đó đã giúp xã ổn định tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, thực hiện tốt công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Công tác xây dựng Đảng, trong lúc tình hình chính trị thế giới và trong nước đầy biến động, Đảng bộ các xã Bù Gia Mập hết sức chú ý đến việc giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, giúp cho đảng viên hiểu về quan điểm, đường lối của Đảng, an tâm công tác, giữ vững lập trường kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Tập trung củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng sinh hoạt và lãnh đạo của cấp ủy, làm cho sinh hoạt chi bộ đi vào nền nếp, phù hợp đặc điểm của từng cơ sở; chú trọng củng cố và phát triển ba đoàn thể quần chúng là Thanh niên, Phụ nữ và Nông dân, vận động tuyên truyền các tầng lớp nhân dân tham gia vào các tổ chức Đoàn, Hội. Giáo dục và nêu cao tinh thần dân chủ tích cực trong sinh hoạt chi bộ, phát huy và khơi dậy tính tích cực, dân chủ, công khai, phát huy tinh thần nói thẳng nói thật... từ đó củng cố lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng và chính quyền.

Những thành quả có được trên đây, tuy vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng đó là kết quả của sự cố gắng nỗ lực lớn trong toàn Đảng bộ cũng như của các tầng lớp nhân dân trong bối cảnh đất nước và thế giới có nhiều khó khăn và biến động phức tạp. Thành quả rõ nét nhất là tình trạng đói nghèo của đồng bào dân tộc đã giảm nhiều, chất lượng giáo dục và cơ sở vật chất trường lớp được nâng cao hơn trước, công tác y tế, khám chữa bệnh cho nhân dân đã được cải thiện đáng kể, đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám chữa bệnh và vệ sinh phòng chống dịch bệnh trong nhân dân. Công tác an ninh quốc phòng được đảm bảo tốt. Đó là cơ sở, tiền đề để Đảng bộ và nhân dân Bù Gia Mập tiếp tục phấn đấu trong những giai đoạn tiếp theo nhằm đưa Bù Gia Mập ngày càng phát triển đi lên.

II. ỔN ĐỊNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG THÔN (1996 - 2000)

4. Xây dựng và phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa

Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới, đất nước đã thoát khỏi sự khủng hoảng kinh tế - xã hội với nhiều biến đổi rõ rệt, tạo tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ mới: đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng diễn ra tại thủ đô Hà Nội (từ ngày 22-6 đến ngày 1-7-1996) đã đánh giá thành tựu 10 năm đổi mới (1986 - 1996), đề ra phương hướng, nhiệm vụ đổi mới toàn diện trong giai đoạn tiếp theo, xác định mục tiêu chiến lược: *“Xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp, có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân*

giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội”⁽¹⁾.

Vận dụng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Trung ương và thực tế địa phương; căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội tỉnh Đảng bộ tỉnh Sông Bé lần thứ V và chấp hành Chỉ thị số 51-CT/TW của Ban Bí thư ngày 9-3-1995 về Đại hội Đảng bộ các cấp và Hướng dẫn số 06 của Ban Tổ chức Trung ương về việc tổ chức đại hội đảng bộ ở một số tỉnh, thành mới chia tách, tháng 4-1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phước Long lần thứ VII (nhiệm kỳ 1996 - 2000) được tổ chức tại Hội trường Ủy ban nhân dân huyện. Trên cơ sở tổng kết quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI và xuất phát từ điều kiện cụ thể của địa phương, Đại hội Đảng bộ huyện Phước Long khóa VII đã đề ra mục tiêu trong giai đoạn 1996 - 2000 là: “*Tập trung khắc phục khó khăn, tận dụng, khai thác những thuận lợi, nỗ lực phấn đấu để đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế. Tập trung vào các ngành kinh tế mũi nhọn làm khâu đột phá cho sự phát triển phù hợp với thực tế của địa phương. Giữ vững an ninh trật tự và sự ổn định chính trị, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Củng cố và kiện toàn hệ thống chính trị, phát huy dân chủ, thực hiện công bằng xã hội. Tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển của giai đoạn kế tiếp*”. Đại hội xác định phương hướng, nhiệm vụ tổng quát của huyện trong kế hoạch 5 năm (1996 - 2000) với 6 giải pháp:

1) Khai thác triệt để và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực địa phương về đất đai, tài nguyên và lao động; đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, nâng cao đời sống các mặt cho nhân dân. Thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tăng cường áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất, mở ra nhiều

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 68.

hình thức đầu tư, tiếp nhận các loại hình sản xuất công nghệ mới theo hướng thay dần lao động thủ công bằng các công nghệ tiên tiến, hiện đại.

2) Tạo mọi điều kiện để các thành phần kinh tế cùng phát triển, xóa bỏ các hình thức tổ chức không còn phù hợp. Xây dựng các mô hình kinh tế tập thể mới phù hợp và kích thích sản xuất phát triển, vận hành theo cơ chế thị trường với tốc độ cao.

3) Tạo sự chuyển biến rõ rệt trên các lĩnh vực văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, đảm bảo đồng bộ và cân đối giữa tăng trưởng kinh tế và tăng trưởng dân số, giải quyết việc làm tại chỗ cho người lao động; làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

4) Giữ vững an ninh trật tự, quốc phòng, đặc biệt là tuyến biên giới của huyện. Tăng cường giáo dục pháp luật cho nhân dân để đưa pháp luật đi vào đời sống.

5) Từng bước cải tạo và xây dựng các cơ sở hạ tầng, các cơ sở phúc lợi công cộng, chú trọng đầu tư cho con người, quan tâm nhiều hơn nữa cho việc đầu tư để nâng cao đời sống cho đồng bào dân tộc, rút ngắn khoảng cách giữa đồng bào dân tộc với người Kinh, tạo sự hòa nhập giữa các tầng lớp dân cư trong cộng đồng.

6) Tiếp tục đổi mới tư duy, phương thức hoạt động của tổ chức Đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể theo hướng chất lượng, hiệu quả và thiết thực; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, cửa quyền, sách nhiễu nhân dân.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phước Long nhiệm kỳ VII gồm 35 đồng chí; Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ 11 đồng chí; đồng chí Quách Văn Lai được bầu làm Bí thư Huyện ủy, các đồng chí Trần Đức Thủy, Nguyễn Minh Phụng được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy.

Sau Đại hội, Đảng bộ, quân và dân Phước Long bước ngay vào quá trình thực hiện những nhiệm vụ kinh tế - xã hội để duy trì tốc độ phát triển kinh tế, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương.

Sản xuất trong những năm 1996 - 2000 giữ được ổn định và có bước phát triển, đạt được các mục tiêu kinh tế cơ bản mà Nghị quyết Đại hội lần thứ VII đề ra. Kết quả là tổng sản phẩm trong (GDP) huyện đạt 510 tỷ đồng (tăng 1,78% so với năm 1996), GDP bình quân đầu người đạt 3,2 triệu đồng, tăng 1,5 lần so với năm 1996. Tăng trưởng hàng năm bình quân đạt 9%. Nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ có tốc độ phát triển khá. Cơ cấu kinh tế bước đầu có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, giá trị sản xuất công nghiệp từ 16,8% (năm 1996) tăng lên 22% (năm 2000), nông nghiệp giảm tỷ trọng từ 72% (năm 1996) xuống còn 65% (năm 2000). Kinh tế phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Năm 1997 giá trị sản xuất ngành công nghiệp đạt 83 tỷ đồng, tăng 38% (năm 1996). Đến năm 2000 giá trị sản xuất công nghiệp tăng đạt 331 tỷ đồng, tăng 5,9 lần so với năm 1996.

Phát huy thế mạnh nông - lâm nghiệp, huyện đẩy nhanh tốc độ phát triển chế biến sản phẩm nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, đa dạng hóa sản phẩm, phù hợp với nhu cầu tiêu thụ của nền kinh tế thị trường. Đến năm 2000, diện tích gieo trồng trong toàn huyện đạt 66.042 ha (tăng 14,6% so với năm 1996), trong đó diện tích cây hàng năm là 8.910 ha, cây lâu năm là 57.135 ha. Năm 2000, toàn huyện có 289 trang trại trồng cây lâu năm đang phát huy hiệu quả cho giá trị kinh tế cao. Nhờ vậy, trong 5 năm tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp tăng bình quân hàng năm 19,71%, giá trị sản phẩm các loại cây công

nghiệp tăng so với đầu nhiệm kỳ, trong đó: cây cà phê tăng 2,14 lần, tiêu 5,49%, cao su 16%, điều 31%, lúa nước 56%; cây điều góp phần quan trọng trong việc xóa đói, giảm nghèo cho hàng ngàn hộ nông dân các dân tộc ở địa phương, diện tích từ 22.017 ha (năm 1997) tăng lên 29.947 ha (năm 2000)⁽¹⁾.

Thu ngân sách hàng năm sau đều tăng, luôn đạt hoặc vượt chỉ tiêu của tỉnh giao. Bình quân thu ngân sách hàng năm đạt 12%. Tổng thu ngân sách trên địa bàn huyện đạt 123 tỷ đồng; năm 1999 đạt 23 tỷ 158 triệu đồng tăng 5,9% so với năm 1996, năm 2000 đạt 23 tỷ 044 triệu đồng. Tổng chi ngân sách trong 5 năm (1996 - 2000) là 110 tỷ đồng, tăng 4,8 lần so với năm 1996. Nhìn chung, ngân sách huyện đáp ứng được nhu cầu hoạt động của các cơ quan, đơn vị, của xã, thị trấn; phục vụ phát triển sản xuất, phát triển cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng khác, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế ở địa phương⁽²⁾.

Trên cơ sở nền kinh tế phát triển ổn định, huyện đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng. Hệ thống giao thông từ trung tâm huyện đến toàn bộ 17 xã và thị trấn được đầu tư nâng cấp và mở mới; cả 17 xã, thị trấn đều có đường trải nhựa đến trung tâm xã; hệ thống đường sỏi đỏ liên xã cũng được chú ý đầu tư xây dựng⁽³⁾. Hệ thống điện lưới quốc gia từ năm 1996 đến năm 2000 được phủ từ 12 xã, thị trấn (với 5.418 hộ dân sử dụng điện đạt 18% tổng số hộ toàn huyện), đến toàn bộ 17/17 xã, thị trấn (với 16.300 hộ dân được sử dụng điện; số hộ có điện sử dụng chiếm 50% tổng số hộ toàn huyện), đã có 20% số hộ đồng bào dân tộc có điện sử dụng. Mạng lưới thông tin và điện thoại toàn huyện

1. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Phước Long, *Lịch sử Đảng bộ, quân và dân Phước Long (1975 - 2014)*, Sđd, tr. 88.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Phước Long, *Lịch sử Đảng bộ, quân và dân Phước Long (1975 - 2014)*, Sđd, tr. 91.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Phước Long, *Lịch sử Đảng bộ, quân và dân Phước Long (1975 - 2014)*, Sđd, tr. 87.

có 6 bưu cục, 6 bưu điện văn hóa xã, thư báo, phát hành đến 17 xã, thị trấn. Từ năm 1996 có 12/14 xã, thị trấn có điện thoại với 1.481 máy, đến năm 2000, có 16/17 xã, thị trấn có điện thoại với 2.843 máy điện thoại, bình quân 1,7 máy/100 dân.

Ở xã Đăk Ôr, nhịp độ phát triển kinh tế nhanh: Tổng sản phẩm năm 1997 là 9,423 tỷ đồng, năm 1998 là 12,139 tỷ đồng, năm 1999 là 14,200 tỷ đồng và năm 2000 là trên 18 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người hàng năm từ 1,091 triệu đồng năm 1997 lên 1,780 triệu đồng năm 1998, 1,832 triệu đồng năm 1999 và trên 2 triệu đồng năm 2000⁽¹⁾. Trong 5 năm (1996 - 2000), xã được đầu tư, nâng cấp và làm mới 6,4 km đường cấp phối vào các thôn, 16 giếng nước cho các cụm dân cư dân tộc thiểu số, 10 km đường điện hạ thế vào 6 thôn đồng bào dân tộc. Cấp cho 483 hộ được sử dụng điện lưới quốc gia (chiếm 27,98% tổng số hộ trong xã), trong đó có 87 hộ đồng bào dân tộc (chiếm 12,8%). Xã đã có 1 đài bưu chính viễn thông tại trung tâm xã, số thuê bao điện thoại 89 máy, đạt 1,14 máy/100 dân (năm 1996 mới đạt 0,11 máy/100 dân)⁽²⁾.

Xã Đúc Hạnh chuyển biến tích cực về kinh tế với diện tích trồng cây cao su tăng từ 5 ha lên 30 ha, cây cà phê trước đây ít được người dân quan tâm, nay đã tăng nhanh lên đến 134 ha, cây điều tăng từ 1.178 ha lên 1.900 ha... Thực hiện Chương trình 327 của Chính phủ về phủ xanh đất trống đồi núi trọc, nhân dân Đúc Hạnh trồng mới 341,7 ha và nhận chăm sóc, bảo quản 522 ha rừng, chăn nuôi trong xã cũng được gia tăng, bình quân mỗi hộ nuôi 1 con heo, 2 hộ nuôi 1 con bò... Đời sống của nhân dân trong xã nhìn chung có chiều hướng đi lên, bình quân thu nhập năm 1996 là hơn 2.400.000 đồng/đầu người, năm 2004 đạt 3.200.000 đồng/đầu người. Trong tổng số 1.781 hộ, có

1. Ủy ban nhân dân xã Đăk Ôr, Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo nhiệm kỳ 1994 - 1999, năm 1999.
2. Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đăk Ôr khóa VIII, trình trước Đại hội Đảng bộ xã lần thứ IX, tháng 5/2000.

561 hộ có mức sống khá (32%), 357 hộ có mức sống trung bình (20%) và 855 hộ nghèo (48%), số hộ đói hầu như không còn. Đến năm 1999, xã Đức Hạnh đã xóa được 585 hộ đói, 916 hộ nghèo. Số xe cộ, máy móc và tiện nghi sinh hoạt cũng tăng lên, bình quân 3 hộ có 1 xe máy, 5 hộ có 1 ti vi, toàn xã có 30 nhà máy xay lúa, trong đó vùng đồng bào dân tộc có 3 nhà máy⁽¹⁾. Năm 1997, toàn xã có 3 trường tiểu học và 1 trường trung học cơ sở với tổng số 44 phòng học; năm học 1999 - 2000 xã đã có 61 phòng học, đảm bảo đủ cơ sở vật chất cho giáo viên và học sinh dạy và học. Năm 1998 Đức Hạnh được công nhận là đơn vị hoàn thành xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học⁽²⁾.

Ở xã Bình Thắng, tốc độ tăng trưởng GDP đạt bình quân 11%/năm, thu nhập bình quân đầu người năm sau cao hơn năm trước, năm 1996 đạt 2,7 triệu/người/năm, năm 2000 đạt 3 triệu/người/năm. Tổng diện tích tự nhiên toàn xã năm 2000 là 5.431 ha; trong đó, diện tích cây lâu năm là 5.112 ha, diện tích cây cao su quốc doanh và tư nhân chiếm 1.239 ha. Các lĩnh vực công nghiệp - xây dựng - tiểu thủ công nghiệp phát triển, nhưng sản xuất nhỏ lẻ. Bình Thắng thực hiện tốt cuộc vận động “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”; năm 1995 xã có 8 phòng học bán kiên cố, đến năm 2000 tăng lên 32 phòng học, khắc phục được tình trạng học ca 3, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường đạt trên 95%, tỷ lệ học sinh lên lớp của khối cấp I và cấp II hàng năm đạt trên 94%... Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân đạt được nhiều kết quả nhờ làm tốt công tác vệ sinh, phòng dịch, trên địa bàn xã hầu như không có dịch bệnh xảy ra. Trong công tác xóa đói, giảm nghèo, Bình Thắng huy động được hàng trăm triệu đồng để giảm được 318 hộ nghèo,

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đức Hạnh, *Lịch sử truyền thống xã Đức Hạnh 1954 - 2004*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2008, tr. 79.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đức Hạnh, *Lịch sử truyền thống xã Đức Hạnh 1954 - 2004*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2008, tr. 78.

xóa 203 hộ đói, giải quyết việc làm cho 186 lao động; đời sống nhân dân được nâng lên, số hộ khá ngày càng tăng.

5. Phát triển văn hóa - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng địa phương

Nguồn vốn của Trung ương (Chương trình 135), của tỉnh, huyện Phước Long (cũ) đã tập trung đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng như: điện, đường, trường, trạm, trung tâm văn hóa thể thao với tổng kinh phí 185 tỷ đồng. Bộ mặt huyện Phước Long (cũ), trong đó có vùng đất Bù Gia Mập ngày càng đổi mới, Khang trang hơn.

Tháng 12 năm 1997, theo yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương và sự sắp xếp lại địa bàn hành chính quốc gia vùng biên giới, Chính phủ ra Nghị định số 119/1997/NĐ-CP chia tách xã Đăk Ôr thành hai xã: Đăk Ôr và Bù Gia Mập, cả hai xã mới vẫn nằm trong địa giới quản lý hành chính của huyện Phước Long.

Ngành giáo dục huyện Phước Long (cũ) với quyết tâm, nỗ lực cao về cơ bản đã xóa được phòng học tranh tre, nứa, lá, khắc phục được tình trạng học sinh phải học ca ba. Năm học 1996 - 1997, toàn huyện có 663 phòng học, trong đó kiên cố là 397, bán kiên cố là 10, phòng tạm là 256; tổng số đội ngũ cán bộ giáo viên là 1.575 người; tổng số học sinh trong năm học 1996 - 1997 là 33.757 em, đến năm học 1999 - 2000 là 44.760 em, trung bình cứ 3,3 người dân có 1 người đi học. Chất lượng dạy và học ngày càng được nâng lên: Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp hàng năm cao, năm học 1997 - 1998 thi tốt nghiệp tiểu học đạt 98%, trung học cơ sở đạt 89%, trung học phổ thông đạt 85%; số học sinh trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp tăng, trong đó có nhiều em là người dân tộc thiểu số⁽¹⁾.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Phước Long, *Lịch sử Đảng bộ, quân và dân Phước Long (1975 - 2014)*, Sđd, tr. 91.

Mạng lưới y tế được xây dựng và củng cố từ tuyến huyện đến xã, trang thiết bị y tế, cơ sở vật chất được tăng cường, đội ngũ cán bộ y tế được bổ sung và nâng dần chất lượng chuyên môn. Đến năm 2000, có 100% xã, thị trấn có trạm y tế, trung bình có 2 bác sĩ/1 vạn dân. Các chương trình y tế quốc gia trên địa bàn huyện đều được triển khai thực hiện và thu được nhiều kết quả quan trọng như: chương trình phòng chống sốt rét, uống vắc-xin phòng bại liệt, chương trình vitamin A cho trẻ em, chống bướu cổ... Hàng năm số trẻ em dưới 1 tuổi và phụ nữ có thai được tiêm chủng đạt hơn 90%. Công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc đã được chú trọng hơn (Năm 2000, ngành y tế huyện Phước Long khám và điều trị cho 283.357 lượt người, tăng 28% so với năm 1999). Công tác quản lý các bệnh xã hội, bệnh nguy hiểm như AIDS được quan tâm thực hiện. Trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh cho nhân dân được đầu tư. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình có chuyển biến tốt, đưa tỷ suất sinh xuống 1% (năm 2000). Công tác chăm sóc, bảo vệ cho trẻ em được quan tâm tích cực, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em giảm xuống còn 38% (năm 2000)⁽¹⁾.

Phong trào xây dựng gia đình văn hóa, ấp xã văn hóa ngày càng phát triển. Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” phát triển tương đối rộng và đi vào cuộc sống được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng. Năm 1999 có 145/170 khu dân cư đăng ký gia đình văn hóa, kết quả có 97 khu dân cư đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa và 13.667 hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa. Các di tích lịch sử - văn hóa được trùng tu, xây dựng và phát huy tác dụng giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ. Thực hiện chỉ tiêu phủ

1. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Phước Long, *Lịch sử Đảng bộ, quân và dân Phước Long (1975 - 2014)*, Sđd, tr. 92.

sóng phát thanh, truyền hình đến vùng sâu vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đến năm 2000, huyện cấp phát 106 ti vi, 820 radio cho các địa phương theo đúng đối tượng; 40% số hộ có ti vi, radio. Khu trung tâm văn hóa huyện được đầu tư hoàn chỉnh dần nhà làm việc, thư viện, sân thể thao... góp phần đáp ứng kịp thời nhu cầu sinh hoạt, vui chơi giải trí và rèn luyện thân thể cho người dân địa phương.

Năm 2000, xã Đăk Ôr có 10 đội bóng đá, 4 đội bóng chuyên, các đội văn nghệ, thể thao thường tổ chức giao lưu, tranh giải với các đơn vị trong và ngoài xã vào các dịp lễ tết phục vụ đồng bào quần chúng nhân dân với nhiều hoạt động sôi nổi, bổ ích. Thực hiện chương trình đưa thông tin về cơ sở, Đăk Ôr cấp cho thôn, sóc và già làng uy tín 10 ti vi, 25 radio; hàng năm có 4 - 5 đoàn nghệ thuật trong và ngoài tỉnh về biểu diễn, phục vụ nhân dân, nhất là các buổi chiếu bóng bộ phim về truyền thống văn hóa phi vật thể của đồng bào dân tộc S'tiêng. Thực hiện cuộc vận động toàn dân xây dựng cuộc sống mới, Đăk Ôr có 1.551/1.675 hộ đăng ký thực hiện “Khu dân cư 5 tốt” và “Gia đình 6 chuẩn mực văn hóa”. Ban chỉ đạo vận động đã bình xét 6 thôn và công nhận 515 hộ đạt gia đình văn hóa mới. Kết quả từ cuộc vận động đã giúp người dân có cách nhìn nhận, đánh giá đúng đắn hơn về giá trị văn hóa, những nét mới trong sinh hoạt tinh thần và lối ăn mặc, cư xử, dễ nhận thấy nhất là tục lệ cà răng căng tai, đóng khố của thanh niên, cái troi của phụ nữ và những tập tục mê tín, lạc hậu khác của đồng bào các dân tộc thiểu số.

Đảng bộ, chính quyền và các ban, ngành, đoàn thể trong huyện luôn quan tâm chăm lo đến các đối tượng chính sách xã hội, gia đình thương binh liệt sĩ, người có công với cách mạng, những đối tượng đặc biệt khó khăn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục vận động nhân dân xây dựng quỹ “Tình nghĩa”, quỹ “Vi người nghèo”, người có công với nước có mức sống bằng

hoặc cao hơn mức sống trung bình của nhân dân nơi cư trú, không có gia đình chính sách khó khăn về nhà ở và đời sống. Từ năm 1996 - 2000, huyện vận động xây dựng 27 căn nhà tình nghĩa, hỗ trợ sửa nhà cho một số đối tượng gia đình chính sách với kinh phí hàng trăm triệu đồng; thường xuyên thực hiện công tác cứu đói cho đồng bào gặp khó khăn trong cuộc sống do thiên tai gây ra. Chỉ một xã Đăk Ơ đã tổ chức bốc mộ, quy tập về nghĩa trang liệt sĩ 11 bộ hài cốt, hoàn chỉnh 98 bộ hồ sơ các đối tượng chính sách; xây dựng và trao tặng 4 căn nhà tình nghĩa trị giá 62 triệu đồng, cấp 300 sổ bảo hiểm y tế; nhận và chi trả lương cũng như thăm hỏi các đối tượng chính sách đúng, đủ, kịp thời; xây nhà bia và hàng rào bia tưởng niệm liệt sĩ...

Thực hiện Nghị quyết 01/NQ-TU của Tỉnh ủy “Về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh”, lực lượng vũ trang huyện đã chú trọng tổ chức triển khai các chủ trương của Đảng và Nhà nước, của tỉnh về quốc phòng - an ninh nhằm nâng cao cảnh giác cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, củng cố xây dựng khu vực phòng thủ (năm 1997: triển khai khu vực phòng thủ cho 14/14 xã - thị trấn, 12 nông trường, 8 đơn vị khối cơ quan, 5 lâm trường). Trong thế trận quốc phòng toàn dân, hàng năm huyện đều có kế hoạch quân sự phù hợp với tình hình của địa phương và của tỉnh, đảm bảo lực lượng sẵn sàng chiến đấu và lực lượng làm nhiệm vụ A2. Xã Đăk Ơ xây dựng và củng cố 34 tổ an ninh nhân dân, nòng cốt là 12 công an viên thuộc 12 đơn vị thôn. Qua công tác diễn tập phòng thủ huấn luyện hàng năm, xã đã điều động và gọi thanh niên nhập ngũ lên đường làm nghĩa vụ quân sự đạt 100% chỉ tiêu, đóng góp rất lớn cho công tác đảm bảo an ninh, chủ quyền của Tổ quốc. Huyện quản lý tốt lực lượng dự bị động viên hàng năm (năm 1997: toàn huyện có 4.109 lực lượng dự bị động viên), tham gia thực hiện tốt các đợt diễn tập chiến đấu của Quân khu, tỉnh và huyện: Công tác

tuyển quân hàng năm đều đạt kế hoạch được giao, đủ về số lượng và chất lượng: năm 1998, toàn huyện có 160 thanh niên lên đường nhập ngũ...⁽¹⁾.

Tình hình tuyển biên giới Việt Nam - Campuchia trong giai đoạn này tuy có ổn định nhưng an ninh biên giới từng nơi từng lúc vẫn còn vi phạm. Công tác quản lý nhân hộ khẩu, dân di cư tự do từ các nơi khác đến sinh sống lập nghiệp nhiều, làm xuất hiện nhiều vấn đề xã hội phức tạp. Tai nạn giao thông và tệ nạn ma túy, mại dâm có chiều hướng gia tăng gây lo lắng trong nhân dân.

Công tác đào tạo, quy hoạch cán bộ được Đảng bộ huyện Phước Long quan tâm, lấy hiệu quả công việc và phẩm chất chính trị làm thước đo, tuân thủ quy trình quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng, đánh giá cán bộ, tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, tạo sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ. Trình độ cán bộ, đảng viên ngày càng được nâng cao cả về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, những năm 1996 - 2000, huyện mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước, mặt trận và đoàn thể cho 4.155 học viên, chủ yếu là cán bộ cơ sở; đưa cán bộ chủ chốt đi đào tạo, bồi dưỡng ở các trường lớp Trung ương (theo học các lớp cử nhân chính trị, cao cấp chính trị, đại học luật) và hàng trăm cán bộ theo học các lớp trung cấp chính trị.

III. CHUYỂN BIẾN KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI (2000 - 2009)

6. Thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế

Bước vào thế kỷ XXI, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Bình Phước về việc tiến hành Đại hội Đảng bộ huyện Phước Long

1. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Phước Long, *Lịch sử Đảng bộ, quân và dân Phước Long (1975 - 2014)*, Sđd, tr. 93.

lần thứ VIII được tổ chức trọng thể tại thị trấn Thác Mơ từ ngày 29 đến 30-11-2000. Đại hội phân tích đánh giá tình hình thực hiện 5 năm cuối thế kỷ XX (1996 - 2000), những ưu khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ, những khó khăn, những thuận lợi và dự báo tình hình 5 năm đầu thế kỷ XXI, từ đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Phước Long 2001 - 2005: *“Phát huy sức mạnh đại đoàn kết thống nhất trong Đảng. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả đường lối đổi mới của Đảng, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Tiếp tục khắc phục những yếu kém tồn tại, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm 9,5%. Phát huy nội lực, thu hút đầu tư trong và ngoài tỉnh, tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật sản xuất. Tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc về đói nghèo, đời sống của đồng bào dân tộc ít người, giải quyết thất nghiệp, cải thiện đời sống nhân dân. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo tiền đề cho tăng trưởng kinh tế, ổn định về xã hội. củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị vững mạnh, củng cố mối quan hệ giữa tổ chức Đảng với nhân dân, giữa đảng viên với quần chúng nhân dân, hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu nhiệm kỳ VIII Đảng bộ huyện đề ra”*. Mục tiêu tổng quát đến năm 2005 của Đảng bộ và nhân dân Phước Long là:

1) Khai thác triệt để và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực địa phương về đất đai, tài nguyên và lao động; đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, nâng cao đời sống các mặt cho nhân dân. Duy trì nhịp độ tăng trưởng kinh tế hàng năm 9,5%, GDP bình quân đầu người đến năm 2005 đạt 350 USD/năm, tăng 1,6 lần so với năm 2000. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ để đến năm 2005 tỷ trọng GDP của các ngành phải đạt: công nghiệp 26%, dịch vụ 19%, nông - lâm nghiệp 55%. Phát triển công nghiệp đồng bộ với phát triển vùng nguyên liệu, tạo ra quy trình sản phẩm hàng hóa bền

vững và khép kín. Huy động mọi nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng, tập trung cho khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc. Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

2) Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trên các lĩnh vực văn hóa - xã hội, trong việc phát huy nhân tố con người để nâng cao trình độ dân trí, đời sống văn hóa tinh thần. Thực hiện tốt các chương trình quốc gia vì mục tiêu con người, nhất là y tế, giáo dục, văn hóa tinh thần, đảm bảo sự đồng bộ giữa tốc độ tăng trưởng kinh tế với tỷ lệ tăng dân số (phấn đấu đến năm 2000 giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 2%); giải quyết việc làm cho người lao động; thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân; xóa hộ đói, giảm hộ nghèo (hàng năm giảm 25%).

3) Giữ vững an ninh trật tự, quốc phòng, đặc biệt là tuyến biên giới của huyện, ổn định để phát triển kinh tế. Tăng cường giáo dục pháp luật cho nhân dân để đưa pháp luật đi vào đời sống, mọi người sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật.

4) Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý điều hành của chính quyền từ huyện đến cơ sở; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phước Long nhiệm kỳ VIII gồm 33 đồng chí; Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ 11 đồng chí; đồng chí Quách Văn Lai tiếp tục được bầu làm Bí thư Huyện ủy, các đồng chí Trần Đức Thủy, Nguyễn Minh Phụng được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy.

Thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ đề ra, Phước Long trong những năm 2001 - 2005 duy trì tăng

trường với tốc độ khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch phù hợp theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, thu ngân sách và tỷ trọng động viên tăng nhanh, kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư, thu hút đầu tư có sự chuyển biến. Các chỉ tiêu kinh tế đều đạt nhịp độ tăng trưởng nhanh, một số chỉ tiêu vượt mức đề ra: Tổng sản phẩm trong (GDP) năm 2005 đạt 1.000 tỷ đồng (tính theo giá thực tế) tăng 1,75% so với năm 2001, GDP bình quân đầu người đạt 5,4 triệu đồng, tăng 1,6 lần so với năm 2001, bình quân mỗi năm GDP tăng 11,34%. Cơ cấu kinh tế từng bước có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, nông nghiệp giảm tỷ trọng từ 63% (năm 2001) xuống còn 55% (năm 2005), giá trị sản xuất công nghiệp từ 23% (năm 2000) tăng lên 26% (năm 2005), dịch vụ từ 14% (năm 2000) tăng lên 19% (năm 2005).

Sản xuất nông nghiệp phát triển tương đối ổn định, cơ cấu nông - lâm nghiệp và kinh tế nông thôn gắn với công nghiệp chế biến nông sản, dịch vụ tạo việc làm tại chỗ, cơ cấu kinh tế được đẩy mạnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đến năm 2005 diện tích gieo trồng các loại cây trên địa bàn huyện đạt 82.150 ha, tăng 13.691 ha. Trong đó diện tích cây hàng năm là 10.816 ha, cây lâu năm 71.334 ha. Tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp tăng bình quân hàng năm 18,31%, giá trị sản phẩm các loại cây trồng tăng so với đầu nhiệm kỳ. Trong đó, cây cao su và cây điều là loại cây chủ lực có giá trị kinh tế cao quyết định sự phát triển của ngành nông nghiệp địa phương, đã hình thành những vùng chuyên canh cao su rộng lớn đem lại nhiều nguồn lợi cho huyện⁽¹⁾.

Nhằm chuyển dịch hơn nữa cơ cấu cây trồng, phát triển các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện khí

1. Năm 2001, toàn huyện có 30.367 ha điều, 20.810 ha cao su; năm 2005, có 48.000 ha điều và 24.000 ha cao su.

hậu, thổ nhượng, Đảng bộ, chính quyền huyện cho tiến hành cải tạo và quy hoạch vùng chuyên canh giống; khuyến khích nhân dân áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, nhất là vùng đồng bào dân tộc, năm 2004 có 550 hộ đăng ký thực hiện chương trình cải tạo thâm canh vườn điều theo Nghị quyết 11 của Huyện ủy với diện tích từ 0,5 đến 1 ha; huy động mọi nguồn vốn trong nhân dân tăng cường đầu tư sản xuất... Địa phương đã phối hợp với Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh, Chi cục Thú y, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân tỉnh mở các lớp tập huấn cho nông dân về phương thức canh tác, kỹ thuật chăm sóc và cách phòng trừ bệnh ở cây, con giống. Thường xuyên duy trì hoạt động các câu lạc bộ khuyến nông, khuyến ngư, thực hiện Chương trình 135, chương trình IBM về chuyển giao cung cấp các loại giống cây có năng suất, vật nuôi, phân bón, thuốc trừ sâu... cho các hộ dân ở các xã đặc biệt khó khăn. Trong hai năm 2003 - 2004, huyện tổ chức 80 lớp tập huấn hướng dẫn cho nông dân kỹ thuật chăm sóc và cách phòng trừ bệnh ở cây, con giống; thường xuyên duy trì hoạt động ở các câu lạc bộ IBM.

Kinh tế trang trại của Phước Long có bước phát triển mạnh từ những năm 2000 và có mặt trong tất cả các thành phần kinh tế, loại hình sản xuất kinh doanh. Kinh tế trang trại đã góp phần tích cực đến việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn; giải quyết một phần không nhỏ lượng lao động ở nông thôn, phân bố lại dân cư và tác động tích cực đến công tác xóa đói giảm nghèo. Đến năm 2005, toàn huyện Phước Long có 698⁽¹⁾ trang trại (không kể các công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần), với tổng diện tích là hàng nghìn ha, sử dụng hàng nghìn lao động. Điểm tích cực trong loại hình kinh tế trang trại ở đây là đã tận dụng được tiềm năng thế mạnh về đất đai, mạnh dạn đầu tư vốn để phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp; từng

1. Nguồn: Niên giám thống kê Bình Phước năm 2013.

bước chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành vùng chuyên canh tập trung cây nguyên liệu công nghiệp, tạo công ăn việc làm cho người dân ở địa phương. Nhìn chung, kinh tế trang trại làm ăn khá hiệu quả, chủ yếu là trồng cây ăn trái, tiêu, cao su và cây lâm nghiệp. Bên cạnh kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác xã có nhiều chuyển biến tích cực. Tính đến năm 2005, Phước Long có 1 hợp tác xã nông nghiệp Long Hà và 3 tập đoàn sản xuất (tập đoàn sản xuất Bình Giai - Đakia, tập đoàn sản xuất Bù Du Nga - Đăk Ôr, tập đoàn sản xuất Bù Đăk Á - Bù Gia Mập) tổng diện tích đất canh tác là hơn 139 ha với 164 hộ, 365 xã viên - tập đoàn viên. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có 25 tổ làm vườn với 437 hội viên, 3 tổ chăn nuôi với 29 hội viên; các tổ vẫn đổi công làm ăn theo mùa vụ.

Kinh tế tập thể được hình thành dựa trên sự hợp tác và liên kết giữa những người lao động có nhu cầu và lợi ích chung, tự nguyện cùng góp sức, góp vốn nhằm phát huy sức mạnh của mỗi hộ và của tập thể. Được sự lãnh đạo đúng đắn và hỗ trợ kịp thời của các cấp lãnh đạo tỉnh, huyện, xã và các ngành chức năng nên các loại hình kinh tế tập thể bước đầu đã mang lại hiệu quả. Các tập đoàn sản xuất của các hộ đồng bào dân tộc trong việc chuyển giao khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi, góp phần tích cực trong việc ổn định và phát triển kinh tế - chính trị - xã hội ở địa phương.

Chăn nuôi tiếp tục trở thành ngành kinh tế chính trong nông nghiệp địa phương. Phước Long khuyến khích nhân dân kết hợp trồng trọt với chăn nuôi, tận dụng đất đai tự nhiên để phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, phát triển mô hình VAC, VACR, chăn nuôi các hộ gia đình tiếp tục được phát triển với quy mô lớn hơn. Ngoài ra, do làm tốt công tác phòng trừ dịch bệnh đối với đàn gia súc, gia cầm nên trong thời gian này trên địa bàn huyện không để xảy ra bệnh dịch lớn. Số lượng đàn gia súc, gia

cầm hàng năm đều tăng, nhất là đàn trâu, bò, heo. Tổng số đàn gia súc, gia cầm đạt 367.729 con, trong đó đàn gia súc 44.972 con; đàn gia cầm 322.757 con. Với nguồn gia súc, gia cầm dồi dào, Phước Long không những cung cấp đủ nhu cầu tiêu dùng thực phẩm cho người dân trên địa bàn mà còn góp phần cung cấp cho các địa phương trên địa bàn tỉnh.

Chú trọng phát triển kinh tế tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ, Phước Long khuyến khích các hộ có tay nghề truyền thống, có vốn mở rộng sản xuất kinh doanh bằng cách bảo đảm quyền tự do kinh doanh, không gây trở ngại, phiền hà cho các hộ sản xuất; chính quyền huyện có nhiều chính sách ưu đãi về thuế, cơ sở vật chất để thuận lợi trong sản xuất kinh doanh. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ trên địa bàn huyện tiếp tục phát triển theo hướng thay đổi cơ cấu tỷ trọng kinh tế của địa phương. Năm 2004, tổng giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ngoài quốc doanh đạt 883,264 tỷ đồng. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng bình quân hàng năm đạt 23,6%; dịch vụ, du lịch tăng 19%.

Về thu chi ngân sách, tổng thu ngân sách trên địa bàn huyện năm 2001 - 2005 luôn đạt và vượt kế hoạch tỉnh giao, năm sau thu cao hơn năm trước (từ 46.860 tỷ đồng năm 2001, lên 185.322 tỷ đồng năm 2004 và đạt 203.854 tỷ đồng năm 2005). Tỷ lệ huy động vốn vào ngân sách trên địa bàn huyện năm 2005 đạt 291 tỷ đồng, tổng vốn cho vay đạt 680 tỷ đồng tăng 6,54 lần so với năm 2001. Tổng chi ngân sách năm 2001 là 27.152 tỷ đồng, năm 2004 là 122.532 tỷ đồng...

7. Chuyển biến đời sống văn hóa, xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng

Đến năm 2005, hệ thống điện lưới quốc gia được phủ đến 18/18 xã, thị trấn, số hộ có điện sử dụng trên 80% số hộ trong

huyện. Số hộ sử dụng điện thoại tăng 22,4%, bình quân 3,5 máy điện thoại cố định/100 dân; tất cả các xã, thị trấn trong huyện có mạng điện thoại.

Việc đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã góp phần không nhỏ vào việc thúc đẩy các dự án định canh định cư ở Phước Long. Trong năm 2001, huyện xét cấp được 2.207 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân; năm 2004, Phước Long cấp 2.695 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân, tiến hành đo đạc lại và điều chỉnh diện tích đất cho 3.500 hộ, tổ chức di dân nội vùng cho 29 hộ đồng bào dân tộc từ xã Long Tân chuyển sang định cư tại xã Long Bình; trợ cấp cho đồng bào dân tộc có đời sống đặc biệt khó khăn từ nguồn vốn Chương trình 135.

Thực hiện Nghị quyết 07 của Tỉnh ủy Bình Phước về “Phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi dân tộc giai đoạn 2000 - 2005”, Phước Long chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nguồn vốn từ Chương trình 134, 135 của Chính phủ, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Chính quyền địa phương đã tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong vùng đồng bào dân tộc, vùng có đạo; trong đó tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình điện, đường, trường, trạm, các công trình thủy lợi, nước sạch, khu vui chơi giải trí. Trong hai năm 2003 - 2004 huyện đã đầu tư xây dựng được 105,29 km đường giao thông nông thôn, 13 cầu cống, 8 công trình thủy lợi; 134 giếng nước sạch; 26 phòng học cho vùng đồng bào dân tộc, vùng đặc biệt khó khăn theo Chương trình 135 của Chính phủ với tổng số tiền trên 8,7 tỷ đồng. Đến năm 2004 các thôn, ấp vùng đồng bào dân trên địa bàn huyện có phòng học cho học sinh học tập, có đường giao thông nông thôn đi lại thuận tiện, công trình thủy lợi, có 2.500 hộ đồng bào dân tộc có điện sử dụng trong sản xuất và sinh hoạt. Trong giai

đoạn 1999 - 2004, tổng nguồn vốn của Trung ương đầu tư cho các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa là 28 tỷ 436 triệu. Trong đó, đầu tư chương trình định canh định cư 2 tỷ 367 triệu đồng, kinh tế mới 1 tỷ 685 triệu đồng, trung tâm cụm - xã 5 tỷ 861 triệu đồng (trung tâm cụm xã Đakia - Bình Thắng và Đăk Ơ - Bù Gia Mập), xây dựng cơ sở hạ tầng 18 tỷ 522 triệu đồng (9 xã: Bù Gia Mập, Đăk Ơ, Đúc Hạnh, Đakia, Long Hà, Long Bình, Long Hưng, Phú Trung, Phú Nghĩa). Ngoài ra, Phước Long kêu gọi vốn của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đầu tư cho các xã nghèo; huy động được 2,945 tỷ đồng (Thành phố Hồ Chí Minh 2,645 tỷ đồng, công ty cao su Phú Riềng 300 triệu đồng), đầu tư xây dựng nhà ở, trường học, dụng cụ sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào nghèo...

Sự nghiệp giáo dục được quan tâm đầu tư. Phước Long sớm huy động mọi nguồn lực của xã hội cho sự nghiệp giáo dục, đồng thời tăng cường cơ sở vật chất để phục vụ nhu cầu giảng dạy, tạo mọi điều kiện cho giáo viên yên tâm công tác, quan tâm đầu tư hơn nữa cho vùng sâu, vùng dân tộc; chất lượng giáo dục ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Năm học 2004 - 2005, toàn huyện có 50.642 học sinh, số học sinh trong độ tuổi được huy động đến trường hàng năm đạt 97,33%. Cơ sở vật chất được đầu tư đảm bảo đủ trường, đủ lớp đáp ứng nhu cầu dạy và học, xóa bỏ được tình trạng học ca ba, phòng học tranh tre, mái lá; năm học 2003 - 2004 Phước Long có 723 phòng học kiên cố, bình quân mỗi năm huyện xây mới được 60 phòng, với 2.518 cán bộ công nhân viên. Chất lượng giáo dục ngày được nâng lên, tỷ lệ học sinh khá - giỏi ngày càng cao, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp ở các bậc học đều tăng... Công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đạt được nhiều kết quả quan trọng. Đến năm 2004, có 17/18 xã, thị trấn xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện miễn giảm học phí cho học sinh nghèo, học

sinh con em gia đình chính sách; đến năm 2005, có 12/17 xã, thị trấn được công nhận hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe vẫn giữ mức quan tâm cao độ cho con người. Các chương trình y tế quốc gia được thực hiện có hiệu quả với việc tiêm chủng mở rộng đạt 100%; mỗi năm 2 đợt phun thuốc diệt muỗi; điều trị dự phòng sốt rét cho bà con đồng bào dân tộc và các vùng sâu, vùng xa. Vẫn giữ vững hoạt động của Trạm y tế ở 17 xã, thị trấn, đảm bảo trung bình 2 bác sĩ/1 vạn dân, tỷ lệ bác sĩ ở các xã, thị trấn đạt trên 60%. Chương trình quốc gia về nước sạch trong giai đoạn 1999 - 2004 đã xây dựng và cấp 1.397 giếng nước sạch cho đồng bào dân tộc thiểu số...

Hệ thống Đài phát thanh được duy trì hoạt động hiệu quả kịp thời tuyên truyền những nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương và chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đài phát thanh, truyền thanh huyện và 17 xã, thị trấn trở thành món ăn tinh thần hàng ngày của hàng chục ngàn dân Phước Long. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư” được triển khai sâu rộng trên 177/177 khu dân cư, có 172 khu dân cư đạt khu dân cư văn hóa, trong đó có 69 khu dân cư đạt khu dân cư tiên tiến xuất sắc và 30.721 hộ đạt gia đình văn hóa.

Hoạt động “Làng vui chơi”, “Làng ca hát”, hội diễn văn nghệ quần chúng, giao lưu bóng đá, bóng chuyền được tổ chức hàng năm thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia hưởng ứng tích cực. Công tác chính sách xã hội, xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm với nhiều chương trình, dự án được triển khai góp phần xóa hộ đói, giảm hộ nghèo. Năm 2005 còn 3.690 hộ đói, chiếm 9,7% tổng số hộ, trong đó có 1.681 hộ đồng bào dân tộc. Công tác “đền ơn đáp nghĩa”, “uống nước nhớ nguồn” chăm sóc thương binh, liệt sĩ, gia đình liệt sĩ, người có công với

cách mạng được thực hiện thường xuyên, đã xây mới và bàn giao 577 căn nhà tình nghĩa, 129 căn nhà tình thương cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...

Tiếp tục thực hiện chính sách an ninh - quốc phòng toàn dân, Phước Long triển khai thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, của Tỉnh ủy về quốc phòng - an ninh, nhất là chương trình hành động của tỉnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, Nghị quyết của Bộ Chính trị về “Chiến lược an ninh quốc gia”, Nghị quyết 09-NQ/CP của Chính phủ về “Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm” và Chỉ thị 15 của Tỉnh ủy về mục tiêu 5 giảm làm chuyển biến sâu rộng về nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức và cộng đồng dân cư. Công tác an ninh biên giới luôn có lực lượng quân sự huyện phối hợp với đồn biên phòng 785, các xã biên giới và các cơ quan chức năng của tỉnh thường xuyên tổ chức truy quét bảo vệ biên giới, chống xâm nhập, buôn lậu, khai thác và vận chuyển lâm sản trái phép. Năm 2004, tổ chức tuần tra truy quét trên tuyến biên giới Campuchia được 396 đợt, trục xuất 17 đối tượng cư trú trái phép, thu giữ nhiều phương tiện vận chuyển trị giá hàng trăm triệu đồng; ngăn chặn có hiệu quả việc lôi kéo, dụ dỗ đồng bào dân tộc thiểu số vượt biên trái phép. Hàng năm tổ chức huấn luyện quân sự cho lực lượng dân quân tự vệ và tham gia diễn tập phòng thủ, tham gia hội thao của tỉnh, quân khu. Công tác tuyển quân, huấn luyện, xây dựng lực lượng thường trực, dân quân tự vệ, dự bị động viên luôn được thực hiện đúng kế hoạch, công tác tuyển giao quân hàng năm đều đạt 100% và vượt chỉ tiêu giao.

Thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, Phước Long xây dựng chương trình, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo trong toàn

Đảng bộ gồm 60 cơ sở Đảng, 1.869 đảng viên tiếp tục xây dựng chi bộ, Đảng bộ trong sạch vững mạnh về mọi mặt, trước hết vững mạnh về chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, tổ chức và cán bộ. Đội ngũ cán bộ, đảng viên trong huyện luôn ổn định về tư tưởng, vững vàng trong các lĩnh vực công tác, giữ gìn phẩm chất cách mạng, chấp hành nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, góp phần làm cho Đảng bộ luôn trong sạch, vững mạnh. Công tác quy hoạch đào tạo cán bộ có nhiều chuyển biến tích cực với hơn 6.679 lượt cán bộ tham gia học tập các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ do Trung ương, tỉnh, huyện tổ chức. Chính quyền, các ban ngành, mặt trận, đoàn thể có nhiều đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, góp phần to lớn thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương. Triển khai thực hiện Nghị định 114 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền. Công tác cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế “một cửa”, từng bước giảm bớt phiền hà cho nhân dân. Tổ chức các đợt tuyên truyền, học tập các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, gắn với nhiệm vụ của từng đoàn thể, xây dựng quy chế phối hợp 3 bên Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc. Vận động các tầng lớp nhân dân tham gia đóng góp các ý kiến về dự thảo các luật, bộ luật, tổng hợp ý kiến cử tri qua các lần tiếp xúc với đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, phản ánh tâm tư nguyện vọng của quần chúng nhân dân với các cơ quan chức năng.

8. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Từ ngày 19 đến 21-10-2005 tại thị trấn Thác Mơ, Đảng bộ huyện Phước Long tiến hành kỳ Đại hội lần thứ IX nhằm tổng kết, đánh giá đầy đủ những thành tựu đã đạt được, dự báo những

khó khăn thách thức mới đang nảy sinh, đề ra phương hướng nhiệm vụ của chặng đường 5 năm 2005 - 2010. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 của Phước Long là:

1) Duy trì nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm từ 10 - 12%; tổng thu ngân sách đến năm 2010 đạt 120 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 450 - 500 USD. Đẩy mạnh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ; phấn đấu đến năm 2010 công nghiệp đạt 26,6%, thương mại - dịch vụ 21,4%, nông - lâm nghiệp còn 52%.

2) Coi trọng và phát huy nhân tố con người, xác định con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chú trọng xây dựng cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ cho các ngành giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao. Từng bước nâng cao trình độ dân trí, đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào vùng sâu, vùng xa. Phấn đấu đến năm 2010, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,9%, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống còn 20%; giảm tỷ lệ hộ đói nghèo hàng năm xuống còn 15 - 16%.

3) Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân; phấn đấu đến năm 2010 về cơ bản hoàn thành trải nhựa các tuyến đường do huyện quản lý; đưa điện lưới quốc gia về đến 100% xã, thị trấn, 90 - 92% số hộ dân trong huyện có điện thắp sáng; đạt tỷ lệ 8 - 10 máy điện thoại/100 dân.

4) Tiếp tục đổi mới và nâng cao hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền Nhà nước trong sạch, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của công tác vận động quần chúng phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới. Nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức cả về chuyên môn và nghiệp vụ công tác.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 37 đồng chí; Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ 10 đồng chí; đồng chí Bùi Văn Danh⁽¹⁾ được bầu giữ chức Bí thư; các đồng chí Cao Minh Thuận, Trương Duy Điều được bầu giữ chức Phó Bí thư.

Kinh tế Phước Long trong 5 năm 2005 - 2010 chuyển biến theo hướng giữ mức tăng trưởng khá, tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp, thương mại - dịch vụ; thu ngân sách hàng năm tăng, kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư. Những chỉ tiêu đề ra như tỷ trọng nông - lâm nghiệp chiếm 53%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 25%, dịch vụ chiếm 22%, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 11,25%, thu nhập bình quân đầu người đạt 10,5 triệu... đến năm 2009 cơ bản đã đạt được.

Giai đoạn này, hoạt động nông - lâm nghiệp vẫn chiếm vị trí mũi nhọn, giữ vững diện tích và mật độ cây trồng, tích cực áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, cải tạo vườn mới, nạo vét kênh mương, lựa chọn giống cây trồng thích hợp với điều kiện thổ nhưỡng cho năng suất cao; hình thành các vùng cây chuyên canh có thể mạnh với quy mô lớn như: cây điều, cao su, cây ăn trái; diện tích cây trồng trên địa bàn huyện được mở rộng, tính đến tháng 10-2009 là 92.435 ha. Chăn nuôi đại gia súc có chiều hướng phát triển mạnh; đến năm 2010 số lượng đàn gia súc, gia cầm là 375.457 con. Công nghiệp, xây dựng cơ bản và dịch vụ từ năm 2006 trở đi phát triển mạnh, chiếm tỷ trọng ngày càng cao, đạt tốc độ tăng trưởng trung bình 16%/năm; giá trị sản xuất công nghiệp năm 2006 đạt 1.500 tỷ đồng; năm 2007 đạt 1.832 tỷ đồng; 2008 đạt 2.199 tỷ đồng; năm 2009 đạt 2.220 tỷ đồng; hoạt động thương mại, dịch vụ du lịch có 8.400 lao động, chiếm gần 10% lực lượng lao động toàn huyện...

1. Ngày 22-2-2007, Tỉnh ủy ra Quyết định luân chuyển đồng chí Nguyễn Minh Được - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh về nhận công tác tại huyện Phước Long, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng bộ huyện và giữ chức Bí thư Huyện ủy Phước Long thay đồng chí Bùi Văn Danh chuyển công tác khác.

Việc khai thác các nguồn lực tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, thúc đẩy sản xuất kinh doanh theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, tập trung cho mở rộng và nâng cấp các tuyến đường nội ô thị trấn Thác Mơ; các hạng mục công trình cơ bản về điện, đường giao thông, thủy lợi, nước sạch, vệ sinh môi trường, làm thay đổi căn bản bộ mặt nông thôn Phước Long. Những năm 2006 - 2009, tổng số vốn đầu tư trên địa bàn huyện là 198 tỷ 377 triệu đồng với 265 công trình, trong đó có 180 công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Hệ thống điện lưới quốc gia đến năm 2009 phủ đến tất cả các xã, thị trấn, trên 90% số hộ trong huyện có điện sử dụng; tất cả các xã, thị trấn trong huyện có mạng lưới điện thoại, bình quân 11 máy/100 dân; toàn huyện có 181/182 thôn, ấp có điện thắp sáng.

Chương trình 135 của Chính phủ ở Phước Long đã cấp đất sản xuất cho 669 hộ đồng bào dân tộc, hộ đói nghèo với diện tích 596,8 ha; hoàn thành và đưa vào sử dụng 24 công trình giếng nước sạch, 686 căn nhà tình thương; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho 5 xã (Bù Gia Mập, Đăk Ôr, Phú Nghĩa, Đúc Hạnh, Đakia) với tổng kinh phí 14 tỷ 471 triệu đồng...

Cùng với sự phát triển kinh tế, đời sống văn hóa tinh thần, việc đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí được cải thiện và nâng cao. Tính đến năm 2009, toàn huyện có 88 trường học, trong đó: mầm non 27 trường, tiểu học 37 trường, trung học cơ sở 18 trường, trung học phổ thông và cấp II - III có 6 trường với 1.702 phòng học; có 21/21 xã, thị trấn hoàn thành xong chương trình xóa mù chữ - phổ cập giáo dục tiểu học, 20/21 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học cơ sở, có 5 trường đạt chuẩn quốc gia... Cơ sở vật chất phục vụ cho việc khám, chữa bệnh cho nhân dân được tăng cường - Đến năm 2009, toàn Phước Long có 36 bác sĩ, 18/21 xã, thị trấn có bác sĩ

(chiếm hơn 85%), 19/21 xã, thị trấn có trạm y tế; 119 cơ sở hành nghề y, 88 cơ sở nghề dược, 18 cơ sở y học cổ truyền...

Xã Bình Thắng có diện tích tự nhiên năm 2000 là 5.431 ha. Trong đó, diện tích cây lâu năm là 5.112 ha, diện tích cây cao su quốc doanh và tư nhân chiếm 1.239 ha. Trong giai đoạn từ 2000 - 2005, giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 262 tỷ đồng; tỷ trọng cơ cấu ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ chiếm 15%, đến năm 2010, xã có hơn 100 hộ kinh doanh, buôn bán và làm dịch vụ. Các phương tiện vận tải vừa và nhỏ được phát triển đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hóa, phục vụ nhu cầu đi lại cho nhân dân; cơ cấu nông - lâm nghiệp chiếm 85%; tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 12%. Năm 2005, tổng diện tích gieo trồng là: 3.695 ha. Trong đó, diện tích cây lâu năm là 3.161 ha, cây điều có giá trị kinh tế quyết định đến sự phát triển nền kinh tế của xã với diện tích 2.913 ha. Năm 2010 diện tích gieo trồng trên địa bàn xã đạt 3.695 ha; trong đó, diện tích trồng cây lâu năm chiếm 85%. Năm 2005, thu nhập bình quân đầu người đạt 4,4 triệu/người/năm. Năm 2010, thu nhập bình quân đầu người đạt hơn 6,5 triệu đồng/người/năm⁽¹⁾.

Hoạt động văn hóa thông tin, thể dục thể thao ngày càng phong phú và đa dạng, đáp ứng nhu cầu thông tin, vui chơi, giải trí của người dân; kịp thời tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư” có 182/182 khu dân cư và 38.306 hộ gia đình đăng ký khu dân cư, gia đình văn hóa; kết quả có 171 khu dân cư và trên 90% gia đình đạt khu dân cư, gia đình văn hóa; 145/182 khu dân cư có nhà văn hóa cộng đồng. Xã Bình Thắng từ năm 2000 - 2004 xây dựng được 14 căn nhà tình nghĩa, 8 căn nhà

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Bình Thắng - huyện Bù Gia Mập - tỉnh Bình Phước, *Lịch sử - truyền thống Đảng bộ và nhân dân xã Bình Thắng (1945 - 2015)*, Sơ thảo, tr. 38.

tình thương cho các gia đình chính sách và đồng bào dân tộc ít người gặp khó khăn về nhà ở trị giá hàng trăm triệu đồng. Năm 2004, số hộ nghèo trên địa bàn xã giảm xuống còn 135 hộ nghèo, giảm 190 hộ so với năm 2000; năm 2005, tỷ lệ hộ nghèo của xã chiếm 7% dân số, giảm 11,6%.

Công tác đền ơn đáp nghĩa đối với người có công với cách mạng, gia đình thương binh, liệt sĩ, trẻ mồ côi, người tàn tật, người già không nơi nương tựa... được thực hiện thường xuyên, kịp thời. Tiếp tục vận động nhân dân xây dựng quỹ “tình nghĩa”, quỹ “vì người nghèo”, đảm bảo người có công với cách mạng có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình của nhân dân nơi cư trú, không có gia đình chính sách gặp khó khăn về nhà ở. Vận động nhân dân chung tay góp sức tham gia vào công tác xóa đói giảm nghèo, giảm hộ nghèo từ 4.484 hộ (năm 2006) xuống còn 2.227 (năm 2009); xây dựng mới 946 ngôi nhà đại đoàn kết, nhà tình thương trị giá hàng trăm triệu đồng. Giải quyết kịp thời, đầy đủ, đúng quy định về chế độ chính sách đối với người có công với cách mạng cho 1.306 đối tượng với số tiền hơn 45 tỷ 397 triệu đồng... Giải quyết việc làm cho 29.390 lao động, đào tạo tay nghề cho 805 người. Công tác phát triển văn hóa giáo dục, y tế, thể dục - thể thao, khoa học - công nghệ... Thực hiện chủ trương xã hội hóa các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao. Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” được triển khai sâu rộng đến 11/11 thôn và bước đầu đạt được kết quả quan trọng. Năm 2000, đã có 11/11 thôn xây dựng hương ước, quy ước khu dân cư, đã có trên 90% hộ đăng ký thực hiện cuộc vận động, kết quả có trên 68% số hộ đạt gia đình văn hóa, hàng năm thường xuyên tuyên truyền vận động, giáo dục mọi người nêu cao ý thức giữ gìn vệ sinh chung, có trách nhiệm bảo vệ môi trường “xanh - sạch - đẹp”. Phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác

Hồ vĩ đại” được mở rộng và phát triển. Đẩy mạnh hoạt động truyền thanh ngày một chất lượng hơn, hiện xã có 1 cụm thông tin tại Ủy ban nhân dân xã, hàng ngày tổ chức phát thanh bản tin nội bộ đảm bảo cho việc phổ biến tuyên truyền kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với người dân⁽¹⁾.

Tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa huyện tiếp tục được giữ vững, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng được củng cố vững chắc. Tổ chức diễn tập phòng thủ dân sự, phòng không nhân dân. Công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh, huấn luyện quân sự đều đạt chỉ tiêu. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của người dân được chú trọng. Các vụ tranh chấp, khiếu kiện của nhân dân, nhất là của đồng bào dân tộc đều được cấp ủy, chính quyền giải quyết kịp thời, không để xảy ra điểm nóng về xã hội. Tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội được kiểm chế và giảm về số lượng, đặc biệt là số vụ tai nạn giao thông. Tình hình an ninh nông thôn, an ninh trong vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo, an ninh chính trị, kinh tế, thông tin luôn được đảm bảo.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực. Phát động trong toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” với hình thức tuyên truyền và bằng nhiều cách làm thiết thực hiệu quả. Đội ngũ đảng viên đến đầu năm 2010 có 2.942 đảng viên sinh hoạt ở 73 chi, Đảng bộ trực thuộc. Qua đánh giá, phân loại chi bộ, đảng viên cuối năm, các chi, Đảng bộ đạt trong sạch vững

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Bình Thắng - huyện Bù Gia Mập - tỉnh Bình Phước, *Lịch sử - truyền thống Đảng bộ và nhân dân xã Bình Thắng (1945 - 2015)*, Sdd, tr. 57.

mạnh chiếm tỷ lệ trên 90%, không có chi bộ yếu kém. Công tác tổ chức, cán bộ từng bước được củng cố, kiện toàn; công tác luân chuyển, đề bạt, bổ nhiệm được thực hiện đúng quy trình, chặt chẽ. Công tác phát triển đảng viên được Đảng bộ các cấp trong huyện quan tâm, đội ngũ đảng viên phát triển mạnh về số lượng và chất lượng. Phước Long kết nạp mới 903 đảng viên, trong đó có 46 đảng viên người dân tộc thiểu số, 13 đảng viên tôn giáo.

* * *

Hơn 20 năm xây dựng và phát triển theo đường lối đổi mới và thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, Bù Gia Mập và toàn huyện Phước Long đã chuyển biến nhanh từ địa bàn hoang sơ, bị tàn phá sau nhiều năm chiến tranh chống Mỹ và chống Khmer Đỏ, thành khu vực phía Bắc của huyện Phước Long có nhiều bước phát triển kinh tế - xã hội khá toàn diện, vững chắc, thậm chí có những đột phá và bứt phá ra khỏi tình trạng trì trệ cố hữu để vươn lên. Các xã trên địa bàn Bù Gia Mập là Bình Thắng, Bù Gia Mập, Đakia, Đăk Ơ, Đúc Hạnh, Phú Nghĩa, Phú Văn trải qua 4 - 5 kế hoạch trung hạn phát triển kinh tế - xã hội để có cơ sở hạ tầng ngày càng đồng bộ hơn, khang trang hơn; đời sống kinh tế, đời sống xã hội, đời sống văn hóa của các tầng lớp nhân dân, trong đó ở nhiều xã có khá đông đồng bào dân tộc thiểu số đều từng bước được cải thiện và nâng lên rõ rệt. Thực tế phát triển ấy trong những năm từ sau giải phóng (1975), nhất là từ khi đổi mới (1986), đến thập niên đầu của thế kỷ XXI, sẽ là cơ sở quan trọng để các xã trên phạm vi rộng về diện tích, đông về dân số, tách ra thành một đơn vị hành chính mới cấp huyện vào năm 2009.

Chương Bốn

HUYỆN BÙ GIA MẬP 10 NĂM XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP (2009 - 2019)

I. HUYỆN BÙ GIA MẬP THÀNH LẬP

1. Diên cách hành chính

Từ năm 1977, sau khi tỉnh Sông Bé thành lập (trên cơ sở hợp nhất ba tỉnh Bình Dương, Bình Long, Phước Long), Phước Long trở thành huyện lớn của tỉnh (gồm ba huyện: Bù Đốp, Phước Bình, Bù Đăng); sau nhiều lần điều chỉnh địa giới, đến năm 2009 Phước Long vẫn là huyện lớn với 21 đơn vị hành chính trực thuộc gồm 19 xã (Đăk Ô, Bù Gia Mập, Bình Thắng, Đức Hạnh, Phú Văn, Phú Nghĩa, Đakia, Phước Minh, Bình Tân, Bình Sơn, Long Bình, Sơn Giang, Phước Tín, Long Hưng, Bù Nho, Long Hà, Phú Riềng, Phú Trung, Long Tân), 2 thị trấn (Phước Bình, Thác Mơ).

Theo Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ, từ ngày 11-8-2009 huyện Phước Long chia cắt và thành lập mới các phường

Long Phước, phường Phước Bình trên cơ sở thị trấn Phước Bình, phường Long Thủy, phường Thác Mơ từ thị trấn Thác Mơ, xã Sơn Giang lên phường, với hai xã Long Giang, Phước Tín để thành lập thị xã Phước Long. 18 đơn vị hành chính còn lại tái thành lập huyện Bù Gia Mập⁽¹⁾, với các xã Đăk Ô, Bù Gia Mập, Bình Thắng, Đức Hạnh, Phú Văn, Phú Nghĩa, Đakia, Phước Minh, Bình Tân, Bình Sơn, Long Bình, Phước Tân, Long Hưng, Bù Nho, Long Hà, Phú Riềng, Phú Trung, Long Tân.

Địa giới hành chính huyện Bù Gia Mập:

- Phía Đông giáp huyện Tuy Đức (Đăk Nông) và huyện Bù Đăng Bình Phước);

- Phía Tây giáp các huyện Hớn Quản, Lộc Ninh, huyện Bù Đốp (Bình Phước);

- Phía Nam giáp huyện Đồng Phú (Bình Phước);

- Phía Bắc là biên giới Việt Nam - Campuchia (giáp huyện Ô Răng, tỉnh Mundukiri, Vương quốc Campuchia).

Ngày 15-5-2015, theo Nghị quyết số 931/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bù Gia Mập, có 10 xã tách ra để thành lập mới huyện Phú Riềng và 8 xã ở lại với huyện Bù Gia Mập mới⁽²⁾. Các đơn vị hành chính của huyện Bù Gia Mập (theo thứ tự thành lập) gồm:

- Xã Đăk Ô (thành lập năm 1976)

- Xã Đakia (thành lập năm 1976)

1. Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ: Về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc huyện Chơn Thành, huyện Bình Long, huyện Phước Long; điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bình Long, huyện Phước Long để thành lập thị xã Bình Long, thị xã Phước Long; thành lập các phường trực thuộc thị xã Bình Long, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
2. Nghị quyết số 931/NQ-UBTVQH ngày 15-5-2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bù Gia Mập để thành lập mới huyện Phú Riềng.

- Xã Đức Hạnh (thành lập năm 1976)
- Xã Bình Thắng (thành lập năm 1980)
- Xã Bù Gia Mập (thành lập năm 1997)
- Xã Phú Nghĩa (thành lập năm 2002)
- Xã Phú Văn (thành lập năm 2007)
- Xã Phước Minh (thành lập năm 2008).

Huyện Bù Gia Mập chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1-11-2009. Trước hết là nhanh chóng sắp xếp tổ chức bộ máy lãnh đạo chính quyền và Đảng bộ.

Ngày 22-10-2009, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước ban hành Quyết định số 1087-QĐ/TU về việc “thành lập Đảng bộ và chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ lâm thời Đảng bộ huyện Bù Gia Mập” gồm 36 đồng chí, trong đó Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 11 đồng chí; đồng chí Dương Văn Dũng được chỉ định giữ chức Bí thư Huyện ủy, các đồng chí Trần Văn Lân, Trần Quang Ty giữ chức Phó Bí thư.

Bộ máy chính quyền từ huyện đến xã được kiện toàn theo hướng nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý Nhà nước. Tổ chức bộ máy các phòng, ban cấp huyện đã được sắp xếp lại theo tinh thần Nghị định 14/2008/NĐ-CP của Chính phủ. Việc sắp xếp, điều động, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo một số cơ quan được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định.

Bù Gia Mập từ đó trở thành huyện biên giới với hai xã biên giới chiều dài trên 65 km; đây cũng là huyện có nhiều đồng bào dân tộc ít người với 32 thành phần dân tộc anh em chiếm hơn 34% dân số, trong đó đông nhất là người S'tiêng. Huyện thuần nông với nền kinh tế sản xuất nông nghiệp chiếm trên 80%; địa bàn rộng, dân di cư không ngừng tăng, các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân quyền để

âm mưu hoạt động chống phá quyết liệt. Cơ sở hạ tầng, xuất phát điểm về kinh tế của huyện thấp; kinh tế phụ thuộc nhiều về yếu tố thị trường và thời tiết.

Huyện ủy Bù Gia Mập và Ủy ban nhân dân huyện nhanh chóng củng cố xây dựng bộ máy ổn định tổ chức, đội ngũ cán bộ, hành chính và quy hoạch; những kinh nghiệm trong các nhiệm kỳ từ sau giải phóng đến nay, nhất là từ khi trở thành đơn vị hành chính độc lập cấp huyện, cho phép Bù Gia Mập giữ vững định hướng phát triển, đề ra quyết sách và những biện pháp khả thi cao nhất, đưa huyện đi lên trong vị thế mới.

2. Đại hội Đảng bộ huyện Bù Gia Mập và những quyết sách phát triển mới

Từ ngày 4 đến 6-8-2010, Bù Gia Mập tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X. Tham dự Đại hội có 247 đại biểu đại diện cho hơn 2.130 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội nhất trí cao với Báo cáo chính trị, Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ huyện Bù Gia Mập (2009 - 2010) và kết quả thực hiện cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng; đánh giá những kết quả đạt được và chưa đạt được trong thời gian qua và giai đoạn 2009 - 2010. Trên cơ sở đó, Đại hội tập trung đánh giá toàn diện các mặt kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, công tác xây dựng Đảng, công tác Mặt trận, đoàn thể trong nhiệm kỳ 2010 - 2015. Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước, xuất phát từ điều kiện cụ thể của địa phương, Đại hội Đảng bộ huyện Bù Gia Mập lần thứ X đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu tổng quát phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2010 - 2015 là:

1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm từ 12 - 13%. Cơ cấu kinh tế: Nông nghiệp chiếm 67,94%; công nghiệp - xây dựng 15,73%; thương mại - dịch vụ 16,33%.

2) Phấn đấu đến năm 2015, tổng GDP trên địa bàn đạt 4.671 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt trên 26 triệu đồng/người/năm.

3) Thu ngân sách tăng bình quân hàng năm từ 13 - 15%.

4) Phấn đấu 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; giảm tỷ suất sinh hàng năm là 0,7‰.

5) Phấn đấu đến năm 2015, 100% số xã có quy hoạch quỹ đất dành cho hoạt động thể dục thể thao; 80% các thôn, ấp có nhà văn hóa cộng đồng; hàng năm có 50% khu dân cư tiên tiến và 80% hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa; 100% hộ gia đình có phương tiện liên lạc, 10% hộ gia đình sử dụng dịch vụ Internet.

6) Giải quyết việc làm mới cho 10.000 lao động; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 13,7%; giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 5,62% theo chuẩn mới vào năm 2015.

7) Phấn đấu có 85% hộ dân được sử dụng nước sạch; 60% hộ dân sinh hoạt, chăn nuôi đảm bảo vệ sinh.

8) Giữ vững quốc phòng - an ninh trên tuyến biên giới và nội địa. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh; xây dựng “thể trận lòng dân”. Phấn đấu hàng năm đạt 100% chỉ tiêu nhập ngũ, 2% tỷ lệ đảng viên nhập ngũ trở lên. Duy trì tốt quan hệ với huyện Ô Răng, tỉnh Mundukiri, Campuchia.

9) Ngăn chặn hiệu quả các loại tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, giữ vững ổn định tình hình trong mọi điều kiện. Nâng cao chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp.

10) Phấn đấu đến năm 2015, 100% thôn, ấp, trường học, trạm y tế trên địa bàn có đảng viên, chi bộ; kết nạp được trên 600 đảng viên mới; 80% đảng viên, tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành

tốt nhiệm vụ trở lên. Đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”. Xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ trình độ, năng lực, phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới⁽¹⁾.

Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa X (2010 - 2015) gồm 41 đồng chí⁽²⁾; Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ 13 đồng chí; đồng chí Dương Văn Dũng giữ chức Bí thư Huyện ủy, các đồng chí Trần Văn Lâm⁽³⁾, Trần Quang Ty được bầu giữ chức Phó Bí thư.

Tròn 5 năm sau, từ ngày 24 đến ngày 26-8-2015, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bù Gia Mập lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 được tiến hành với sự tham dự của 200 đại biểu đại diện cho 1.351 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Trên cơ sở đánh giá toàn diện các mặt kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, công tác xây dựng Đảng, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội với các chỉ tiêu phấn đấu cho 5 năm 2015 - 2020:

1) Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 18,55% năm; giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp, thủy sản tăng 5,74%/năm.

2) Phấn đấu đến năm 2020 có 50% số xã đạt tiêu chuẩn Nông thôn mới.

3) Tiếp tục giữ vững kết quả phổ cập tiểu học, trung học cơ sở, tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập mầm non cho trẻ em 5 tuổi; huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%; có ít nhất 20% trẻ

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bù Gia Mập lần thứ X, nhiệm kỳ 2010 - 2015.
2. Đại hội tiến hành bầu 41 đồng chí ủy viên Ban Chấp hành, nhưng tại Đại hội bầu chính thức 40 đồng chí, khuyết 1 đồng chí Chánh Văn phòng Huyện ủy khi đó chưa đủ điều kiện tham gia chính thức.
3. Ngày 1-9-2010, Tỉnh ủy ra Quyết định điều động đồng chí Cao Minh Thuận - Phó Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy về nhận công tác tại huyện Bù Gia Mập, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng bộ huyện và giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy Bù Gia Mập, tháng 9-2013 đồng chí Trần Văn Lâm chuyển công tác khác.

trong độ tuổi nhà trẻ và 60% trẻ độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non.

4) Phấn đấu đến năm 2020: hoàn thành các thiết chế của Trung tâm văn hóa - thể thao, Nhà Truyền thống và Thư viện huyện; 50% xã có khu thể thao, khu vui chơi giải trí; 85% thôn có nhà văn hóa; hàng năm đạt từ 85% trở lên hộ gia đình đạt và giữ vững danh hiệu “Gia đình văn hóa” và 40 - 50% thôn được công nhận danh hiệu khu dân cư văn hóa; có 15% hộ gia đình, 27% dân số của huyện tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

5) Giữ vững quốc phòng - an ninh trên tuyến biên giới và nội địa. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh; xây dựng “thế trận lòng dân”. Phấn đấu hàng năm đạt 100% chỉ tiêu nhập ngũ, 2% tỷ lệ đảng viên nhập ngũ trở lên. Duy trì tốt quan hệ với huyện Ô Răng - Campuchia, huyện Tuy Đức - Đắk Nông.

6) Ngăn chặn hiệu quả các loại tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, giữ vững ổn định tình hình trong mọi điều kiện. Nâng cao chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp.

7) Phấn đấu thành lập mới 5 tổ chức Công đoàn ở các công ty, doanh nghiệp ngoài quốc doanh; hàng năm có 85% tổ chức Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể cấp huyện, xã đạt tiên tiến, xuất sắc.

Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa XI (2015 - 2020) gồm 41 đồng chí; Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ 12 đồng chí; đồng chí Trần Quang Ty giữ chức Bí thư Huyện ủy, các đồng chí Phùng Hiệp Quốc, Lê Quang Oanh giữ chức Phó Bí thư.

Sau Đại hội, Đảng bộ, chính quyền huyện Bù Gia Mập tiếp tục củng cố các đơn vị hành chính, các cơ quan chính quyền,

ban ngành đoàn thể và đội ngũ cán bộ sau khi chia tách huyện, vững bước phấn đấu thực hiện các mục tiêu đề ra. Với sự nỗ lực, năng động sáng tạo của Đảng bộ, chính quyền và sự đoàn kết nhất trí cao của các tầng lớp nhân dân huyện Bù Gia Mập, tình hình kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng tiếp tục phát triển.

II. NHỮNG BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI TRONG CHẶNG ĐƯỜNG ĐẦU TIÊN

3. Duy trì tốc độ phát triển kinh tế - xã hội

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 11,68%; thu nhập bình quân đầu người đạt 14,58 triệu đồng; về cơ cấu kinh tế: nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 80,19%; công nghiệp - xây dựng chiếm 9,31%; thương mại, dịch vụ 10,5%. Tổng giá trị tăng thêm ngành nông lâm nghiệp đạt 578 tỷ đồng, trong đó trồng trọt đạt 535,18 tỷ đồng, chăn nuôi đạt 42,82 tỷ đồng. Công tác khuyến nông, khuyến lâm, bảo vệ thực vật, thú y được chú trọng thực hiện, các tiến bộ kỹ thuật từng bước được ứng dụng vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi. Trên địa bàn huyện đã hình thành các cụm công nghiệp Bình Tân, Cao su Phú Riềng, Mỹ Lệ và khu dân cư Bù Nho. Để phát triển kết cấu hạ tầng, ngân sách nhà nước đã tập trung đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm như đường giao thông liên xã, liên huyện, trường học, trạm y tế, lưới điện...; 100% xã có đường nhựa đến trung tâm xã; 88,35% hộ dân đã được sử dụng điện. Hệ thống thương mại, dịch vụ được mở rộng tới tận các khu dân cư; dịch vụ phát triển theo hướng đáp ứng nhu cầu ngày một tăng của sản xuất và đời sống xã hội⁽¹⁾.

1. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bù Gia Mập lần thứ X, nhiệm kỳ 2010 - 2015, tr. 2.

Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế Bù Gia Mập cũng bộc lộ những tồn tại: Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, đầu tư phát triển nông nghiệp chưa theo quy hoạch vùng nguyên liệu; Việc định hướng cây trồng, vật nuôi, cung cấp thông tin về thị trường cho người dân còn hạn chế; Công tác khuyến nông, khuyến lâm chưa được thực hiện sâu rộng, nhất là trong việc chuyển giao khoa học kỹ thuật; Công tác quản lý bảo vệ rừng còn lỏng lẻo, tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng, mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép diễn ra ở địa bàn một số xã; Công nghiệp chế biến chỉ mới dừng lại ở dạng sơ chế; Quy hoạch xây dựng ở những khu dân cư nông thôn còn chậm; Kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng cho sự phát triển kinh tế, xã hội; Kinh tế hộ gia đình phát triển mạnh nhưng thiếu tính bền vững...

Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện; chất lượng hoạt động y tế từng bước được nâng cao, đảm bảo được công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân; các cấp, các ngành thực hiện tốt các chính sách xã hội, dân tộc, tôn giáo, xóa đói giảm nghèo; công tác phổ cập giáo dục, xây dựng trường, lớp tiếp tục được quan tâm. Công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm, thực hiện đổi mới phương pháp dạy học có chuyển biến tích cực, tỷ lệ học sinh bỏ học ở các cấp giảm so với nghị quyết đề ra. Hoạt động văn hóa, thông tin truyền thông, thể dục thể thao chuyển biến tích cực, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương, các hoạt động thể dục, thể thao được đẩy mạnh cả về quy mô lẫn chất lượng, bằng nhiều hình thức phong phú, thu hút người dân vào những hoạt động rèn luyện, vui chơi lành mạnh. Các chính sách xã hội ngày càng được quan tâm, đẩy mạnh việc thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội đã góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 13,12% (theo chuẩn mới). Công tác quản lý, bảo vệ môi trường ngày càng được chú trọng. Công tác quản lý, bảo vệ rừng được

tăng cường thường xuyên; tỷ lệ che phủ đất trên địa bàn huyện được duy trì với tỷ lệ trên 70%⁽¹⁾.

Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục còn thiếu, năng lực quản lý của một bộ phận cán bộ quản lý giáo dục còn hạn chế; tỷ lệ học sinh yếu kém, bỏ học ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn cao; tiến độ đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia chậm; việc chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đời sống còn hạn chế; công tác triển khai xây dựng cơ sở y tế đạt chuẩn quốc gia còn chậm; cơ sở vật chất cho hoạt động về văn hóa, thông tin, thể thao chưa được đầu tư nhiều do mới chia tách huyện; chất lượng xóa đói giảm nghèo chưa thật sự bền vững.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững và ổn định, thế trận quốc phòng, an ninh nhân dân trên địa bàn huyện vững mạnh, toàn diện, rộng khắp; Công tác điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật; Hoạt động kiểm tra, giám sát, thi hành án được tăng cường; Công tác tuyên truyền, giáo dục và phổ biến pháp luật cho các tầng lớp nhân dân được đẩy mạnh; Phòng, chống có hiệu quả các loại tội phạm; Công tác tiếp dân được chú trọng...

Phương thức lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ lâm thời từng bước được củng cố và hoạt động theo đúng quy chế; Công tác tổ chức, cán bộ từng bước được cải tiến. Ban Tổ chức đã tập trung tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy thành lập các cơ sở Đảng trực thuộc sau khi chia tách huyện; thành lập các cơ quan tham mưu cho cấp ủy; đề nghị Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh thành lập, chỉ định Ban Chấp hành lâm thời và các chức danh chủ chốt của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể huyện. Công tác quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các

1. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bù Gia Mập lần thứ X, nhiệm kỳ 2010 - 2015, tr.4.

cấp chuyển biến tích cực, bảo đảm tính hành chính thống nhất từ huyện đến cơ sở. Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các cơ quan ban, ngành của huyện tham mưu giải quyết kịp thời nhu cầu của nhân dân, đề ra những giải pháp phát triển kinh tế, xã hội. Việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính được triển khai thực hiện. Tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy đoàn thể từ huyện đến cơ sở.

Tuy nhiên, do mới tách huyện nên đội ngũ cán bộ mới nhiều, kinh nghiệm thực tế ở cơ sở còn thiếu, năng lực tham mưu có mặt còn hạn chế; một số cấp ủy cơ sở chưa chủ động nắm bắt tình hình để kịp thời phát hiện các dấu hiệu vi phạm để giáo dục, ngăn chặn; công tác phát triển đảng viên mới tại thôn, ấp chưa đạt yêu cầu; chậm đổi mới phương thức vận động, tập hợp quần chúng. Công tác cải cách hành chính, thực hiện cơ chế “một cửa” ở cơ sở còn lúng túng, hiệu quả chưa cao. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, nhất là một số nơi ở cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

4. Xây dựng cơ cấu kinh tế - xã hội phù hợp với tiềm lực địa phương

Kinh tế tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 12,12%. Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP tăng từ 9,31% lên 13,68% năm 2015, tỷ trọng thương mại, dịch vụ, du lịch tăng từ 10,5% lên 17,41% và tỷ trọng nông, lâm nghiệp giảm từ 80,19% còn 68,91%; thu nhập bình quân đầu người đến năm 2015 đạt 34,9 triệu đồng, tăng gần 2,5 lần so với năm 2010 và vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.

Công nghiệp và xây dựng đạt được tốc độ phát triển nhanh, giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2011 - 2015 tăng 17,62%; thu hút 97 doanh nghiệp và 1.110 cơ sở cá thể hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, bình quân mỗi năm

tăng 11,28%. Đầu tư xây dựng tăng khá nhanh, góp phần từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn, trong đó tập trung đầu tư cho nhiều công trình giao thông, cơ sở vật chất có ý nghĩa quan trọng. Kết cấu hạ tầng nông thôn có bước phát triển rõ rệt, nhất là hệ thống đường giao thông nông thôn, cấp điện, trường học, trạm y tế... Hệ thống điện và chiếu sáng được ưu tiên đầu tư, đặc biệt là trung tâm hành chính huyện và trung tâm các xã, cơ bản đáp ứng được nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Mạng truyền dẫn Internet trên địa bàn huyện đã được phủ sóng đến 100% xã trong huyện, với 10,8% số hộ đầu nối Internet.

Thương mại - dịch vụ tiếp tục phát triển cả về quy mô và ngành nghề hoạt động. Đến năm 2015, số cơ sở thương mại, dịch vụ trên địa bàn huyện tăng bình quân 7,38%/năm. Mạng lưới thương mại, dịch vụ phát triển nhanh, nhất là ở khu vực trung tâm xã, đáp ứng các yêu cầu phục vụ sản xuất, đời sống của nhân dân. Dịch vụ vận tải hành khách tăng nhanh với sự phát triển của các doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực vận tải đã cơ bản đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân.

Nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ máy móc hiện đại vào sản xuất, tăng năng suất lao động, huyện đã phối hợp cùng Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh Bình Phước thực hiện nhiều hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn về thay đổi công nghệ, hỗ trợ vay vốn, dạy nghề cho lao động được tuyển dụng... Kết quả là các doanh nghiệp đã được duy trì và phát triển.

Công tác quản lý, điều hành ngân sách được thực hiện chặt chẽ, đúng pháp luật và đạt hiệu quả. Tổng thu ngân sách hàng năm đều đạt và vượt dự toán tỉnh giao, trong đó thu mới ngân sách 5 năm đạt hơn 944 tỷ đồng, bình quân thu ngân sách hàng

năm tăng 6,38% so với chỉ tiêu tỉnh giao. Chi ngân sách được chú trọng cân đối, đảm bảo cho hoạt động chi thường xuyên của hệ thống chính trị, đồng thời cân đối nguồn vốn bố trí cho chi đầu tư xây dựng cơ bản, các sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác. Bên cạnh các nguồn vốn bổ sung từ ngân sách tỉnh, các chương trình mục tiêu quốc gia, trong 5 năm qua ngân sách huyện đã bổ sung trên 12 tỷ đồng từ nguồn vượt thu hàng năm để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn, bổ sung cho các xã xây dựng hoàn thiện trụ sở làm việc và các công trình phúc lợi khác.

Nông nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao. Các đề án quy hoạch tiểu vùng sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, xây dựng nông thôn mới đã và đang được triển khai khá hiệu quả. Đến năm 2015, đã từng bước hình thành vùng chuyên canh tập trung một số cây trồng chủ lực như tiêu, điều, cao su với năng suất và chất lượng nông sản đáp ứng được nhu cầu của thị trường: Cây cao su tăng từ 34.000 ha năm 2011 lên đến 40.165 ha năm 2015, sản lượng đạt 48.026 tấn, tăng 14,65% so với năm 2011. Cây điều từ 44.554 ha năm 2011 giảm còn 40.952 ha năm 2015, sản lượng đạt 64.235 tấn. Diện tích cây tiêu năm 2015 đạt 1.597 ha, tăng 13,58% so với năm 2011, sản lượng đạt 3.053 tấn, tăng 28,27%. Diện tích cây cà phê tăng 2,48%, đạt 3.384 ha, sản lượng đạt 5.503 tấn tăng 30,4% so với năm 2011. Đàn heo năm 2015 đạt 34.585 con tăng 98,8% so với năm 2011, đàn bò năm 2015 có 5.560 con, tăng 23,55% so với năm 2011, đàn trâu 1.820 con, giảm 0,11%; tổng đàn gia cầm đạt 356.000 con, tăng 15,09% so với năm 2011. Mô hình kinh tế trang trại tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện, xu hướng chăn nuôi kinh tế trang trại tập trung có quy mô vừa và nhỏ ngày càng phát triển và phổ biến, với quy mô trang trại chăn nuôi gia súc từ 500 - 2.000 con, chăn

nuôi gia cầm từ 1.000 - 10.000 con, hiện có 140 trang trại chăn nuôi tập trung vừa và nhỏ trên địa bàn huyện⁽¹⁾.

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, huyện chọn hai xã Bù Gia Mập và Phú Nghĩa xây dựng chương trình giai đoạn 2010 - 2015, lập và được phê duyệt quy hoạch đề án xây dựng NTM ở các xã khác trên địa bàn. Giao thông nông thôn huyện đến năm 2015 có 67 tuyến đường ĐH với tổng chiều dài 160 km; thực hiện xã hội hóa giao thông nông thôn đã nâng cấp láng nhựa 11 tuyến đường, với tổng chiều dài 32,9 km; đường liên xã là 867 tuyến, với tổng chiều dài 1.628 km, thực hiện nâng cấp 246,2 km, chiếm tỷ lệ đạt 15,12%⁽²⁾.

Đảng bộ huyện đã xây dựng và triển khai thực hiện Nghị quyết chuyên đề về quy hoạch đất trên địa bàn toàn huyện gắn với giải quyết vấn đề di dân tự do, ổn định dân cư gắn với bảo vệ rừng. Đến năm 2015 cơ bản hơn 95% số hộ trên địa bàn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài nguyên, khoáng sản được tăng cường quản lý, từng bước khắc phục tình trạng các cá nhân, tổ chức khai thác và sử dụng trái phép. Công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn được theo dõi thường xuyên. Tính đến năm 2014, huyện có 84,1% số hộ dân sử dụng nước sạch. Công tác phòng chống cháy rừng được thực hiện tốt nên các năm qua không xảy ra cháy rừng gây thiệt hại lớn. Tỷ lệ rừng che phủ đất trên địa bàn đạt 70,1%.

1. Báo cáo tham luận, Công tác tham mưu các giải pháp nhằm đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao chất lượng, hiệu quả các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bù Gia Mập lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015 - 2020.
2. Báo cáo tham luận, Công tác tham mưu chính quyền các giải pháp tập trung huy động các nguồn lực đầu tư phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn huyện giai đoạn 2015 - 2020.

Về giáo dục và đào tạo, toàn huyện có 9 trường đạt chuẩn quốc gia và toàn bộ các xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, có 1.952 giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn, chiếm 98,53%. Hàng năm số lượng học sinh, sinh viên đồng bào các dân tộc thiểu số tăng lên đáng kể ở các cấp học; năm học 2013 - 2014 có 1.005 học sinh giáo dục mầm non; 5.286 học sinh giáo dục tiểu học; 1.602 học sinh giáo dục trung học cơ sở; năm 2014 thành lập trường Dân tộc nội trú huyện Bù Gia Mập⁽¹⁾. Từ năm 2009 - 2014 huyện cử tuyển 44 học sinh là con em đồng bào dân tộc thiểu số đi học tại các trường đại học, cao đẳng. Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp ngày càng được chú trọng và đẩy mạnh. Trang thông tin điện tử của huyện được đưa vào hoạt động, góp phần phục vụ cho công tác thông tin tuyên truyền, giới thiệu hình ảnh, kêu gọi đầu tư của địa phương. Công tác lắp đặt đường truyền thông tin băng thông rộng (Mega Wan) và triển khai mạng cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ hoạt động của cấp ủy Đảng đã được thực hiện tại tất cả các xã để kết nối vào hệ thống cấp ủy các cấp.

Việc bảo tồn, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc được chú trọng; đã xây dựng và triển khai thực hiện Đề án bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc S'tiêng trên địa bàn huyện giai đoạn 2013 - 2018. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai sâu rộng và có tác động tích cực đến nhiều lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố quốc phòng an ninh. Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển sâu rộng, thu hút đông đảo người dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên. Hàng năm duy trì và tổ chức các giải thể thao truyền thống, tham gia các giải thể thao cấp tỉnh, cấp quốc gia đạt nhiều thành tích cao.

1. Văn kiện Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số huyện lần thứ I, năm 2014.

Hệ thống y tế từ huyện đến cơ sở được tập trung củng cố về nhân sự, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất. Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng được triển khai thực hiện đầy đủ, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi giảm 7,05%. Triển khai chiến dịch chương trình lồng ghép đưa các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình về vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn theo đúng kế hoạch tại tất cả các xã trên địa bàn huyện. Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên bình quân giảm 1,29%. Thực hiện quản lý về vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm. Tăng cường quản lý hành nghề y dược tư nhân, cơ sở dịch vụ y tế, không để các cơ sở hoạt động không phép, hành nghề vượt quá chức năng cho phép.

Các hoạt động bảo trợ xã hội, chăm sóc người có công với nước được thực hiện tốt. Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn” trong xã hội tiếp tục được đẩy mạnh. Tổ chức giải quyết chính sách tử động sau chiến tranh cho các đối tượng tham gia hoạt động qua các thời kỳ. Xây dựng và thực hiện Đề án chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011 - 2020. Qua đó, quán triệt, triển khai đến các xã thực hiện và kết quả tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 4,6%. Các chính sách đối với người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số như tín dụng ưu đãi, đào tạo nghề miễn phí, khuyến nông, khuyến công, hỗ trợ y tế, giáo dục... được triển khai thực hiện đạt kết quả tốt. Số hộ dân có nhà kiên cố và phương tiện sinh hoạt có giá trị ngày càng tăng so với trước đây.

Chương trình 135 với vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tỉnh giao 26 tỷ 755 triệu đồng, xây dựng được 129 công trình, đã đưa vào sử dụng; duy tu 01 công trình, đạt tỷ lệ 100% so với kế hoạch của tỉnh. Vốn hỗ trợ phát triển sản xuất tỉnh giao 5 tỷ 010 triệu đồng giao về cho từng xã, số hộ thụ hưởng là 5.325 hộ; số mô hình thực hiện: 51 mô hình; hỗ trợ 381 phương tiện, máy móc,

thiết bị, công cụ sản xuất, vật tư nông nghiệp, cây, con giống. Vốn đào tạo cán bộ cơ sở và cộng đồng là 1 tỷ 197 triệu đồng, đã tổ chức 30 lớp đào tạo, tập huấn tại các xã cho đối tượng là cán bộ và nhân dân. Vốn hỗ trợ, cải thiện các dịch vụ, nâng cao đời sống nhân dân và trợ giúp pháp lý là 48 triệu đồng, phân bổ cho 7 xã trong 5 năm. Chương trình 134 trên địa bàn huyện Bù Gia Mập có 698 hộ với diện tích khoảng 514,67 ha, trong đó: 438 hộ sản xuất ổn định toàn phần với diện tích khoảng 337,21 ha; 27 hộ sản xuất được một phần với diện tích 15,94 ha; 233 hộ bị lấn, chiếm hoàn toàn với diện tích khoảng 153,08 ha; 21 công trình giếng nước tập trung, trong đó 11 công trình giếng nước vẫn sử dụng được; hỗ trợ đất ở cho 574 hộ (bình quân trên 30 m²/hộ); hỗ trợ nhà ở 686 căn, đã nghiệm thu đưa vào sử dụng 678 căn...

Thực hiện Quyết định 1592/QĐ-TTg, ngày 12-10-2009 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt đến năm 2010 cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn. Huyện có 97 hộ hỗ trợ đất sản xuất và 247 hộ hỗ trợ nước sinh hoạt. Thực hiện Quyết định 33/QĐ-TTg, ngày 5-3-2007 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ di dân, thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số, huyện tạm giao đất sản xuất cho 92 hộ đồng bào dân tộc thiểu số với diện tích đất là 92 ha. Thực hiện Dự án ổn định dân di cư tự do theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24-8-2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, xung yếu và rất xung yếu của rừng phòng hộ, khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2015, huyện cấp đất sản xuất cho tổng số 219 hộ với diện tích 252 ha, trong đó: có 51 hộ đồng bào dân tộc thiểu số với diện tích 59 ha. Thực hiện Quyết định số 32/QĐ-

TTg, ngày 5-3-2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số, huyện hỗ trợ cho 70 hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn thuộc ba xã Đăk Ơ, Bù Gia Mập, Phú Nghĩa tổng kinh phí là 350 triệu đồng. Thực hiện Quyết định số 102/QĐ-TTg ngày 7-8-2009 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo vùng khó khăn, huyện hỗ trợ cây trồng cho 770 hộ nghèo. Triển khai Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20-5-2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn đặc biệt khó khăn, huyện đề nghị hỗ trợ 1.409 đối tượng. Ngoài ra huyện Bù Gia Mập còn thực hiện Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14-5-2010 của Chính phủ Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ kinh phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục hệ thống giáo dục quốc dân, Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay vốn đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn... Nhờ đó đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số được nhiều cải thiện cả vật chất và tinh thần, thu hẹp khoảng cách và trình độ phát triển giữa các địa bàn, giữa dân tộc, nhóm dân cư.

Công tác quản lý nhà nước đối với 32 tổ chức hội được quan tâm hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân, tạo niềm tin cho quần chúng về sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội. Công tác an ninh, quốc phòng, nội chính tiếp tục được tăng cường, củng cố. Hoạt động pháp luật được nâng cao chất lượng về mọi mặt. Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” được tổ chức thực hiện thường xuyên; năm 2009 toàn huyện có 28.280 hộ đạt Gia đình văn hóa chiếm tỷ lệ 88,36%; có 19 Khu dân cư văn hóa, chiếm 12,6%. Đến năm 2014, có 56/156 khu dân cư đề nghị

công nhận khu dân cư đạt chuẩn văn hóa (chiếm tỷ lệ 35,9%); có 31.805/35.491 hộ được công nhận gia đình văn hóa chiếm 89,6%⁽¹⁾. Cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” được các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân hưởng ứng tích cực bằng nhiều hình thức phong phú. Trong 5 năm vận động quỹ được hơn 893.920.000 đồng; xây dựng, sửa chữa 48 căn nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo trị giá 777.000.000 đồng... Thực hiện chương trình “mái ấm người nghèo nơi biên giới”, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện phối hợp với bộ đội Biên phòng vận động xây dựng được 5 căn nhà, vận động nhân dân hiến đất, đóng góp trên 19,35 tỷ đồng, 3.102 ngày công lao động để nâng cấp, sửa chữa 119 km đường giao thông nông thôn, xây dựng 13 nhà văn hóa⁽²⁾. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Bù Gia Mập đẩy lên các phong trào thanh niên tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng, như: “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Thanh niên tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng”, phối hợp với các cơ quan chức năng tham mưu giải quyết các chế độ chính sách cho cựu Thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong chiến tranh đang sinh sống tại địa phương, phối hợp với Đoàn khối doanh nghiệp tỉnh, Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh tặng quà cho học sinh và bà con nhân dân nghèo xã Đăk Ô, Phước Tân, Phước Minh, phối hợp với các ban ngành địa phương tổ chức đêm văn nghệ mừng Đảng - mừng xuân⁽³⁾.

Đối với nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân và xây dựng khu vực phòng thủ của huyện, lực lượng chức năng phối hợp với các đồn biên phòng đứng chân trên địa bàn nắm chắc

1. Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2009 - 2014 và phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2014 - 2019 của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện.
2. Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2009 - 2014 và phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2014 - 2019 của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện.
3. Báo cáo trình Đại hội đại biểu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Bù Gia Mập, nhiệm kỳ 2010 - 2012.

tình hình nội, ngoại biên và khu vực biên giới; duy trì tốt công tác đối ngoại với huyện Ô Răng (Campuchia), huyện Tuy Đức (tỉnh Đắk Nông). Công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện, xây dựng khu vực phòng thủ huyện được chú trọng; tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ luôn đạt 100% chỉ tiêu trên giao, tỷ lệ đảng viên nhập ngũ đạt trên 2,22%; lực lượng Dân quân tự vệ, dự bị động viên và quân báo trình sát xây dựng đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch và từng bước đi vào hoạt động có hiệu quả; tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện sát với điều kiện thực tiễn của địa phương và đạt mục đích yêu cầu đề ra. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn ổn định, thường xuyên nắm chắc tình hình, giải quyết các vấn đề phức tạp nảy sinh trên các lĩnh vực an ninh nông thôn, an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa tư tưởng, phòng chống các hoạt động lợi dụng dân tộc, tôn giáo. Huyện ban hành Nghị quyết chuyên đề về chuyển hóa địa bàn phức tạp về an ninh trật tự thành địa bàn không có tội phạm hoặc giảm tội phạm đến mức thấp nhất ở các xã Phú Riêng, Bù Nho, Long Hà. Một số hoạt động lấn, chiếm đất sản xuất thuộc các chương trình, chính sách của Nhà nước và tình hình khiếu nại, khiếu kiện đông người vượt cấp liên quan đến vấn đề đất đai vẫn diễn ra, song cơ bản tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số đến nay vẫn đảm bảo giữ vững sự ổn định. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân được chú trọng thực hiện, tỷ lệ giải quyết đơn hàng năm đạt trên 97,5%.

Việc “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” được các cấp ủy Đảng tiếp tục tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện và đã trở thành đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ, có sức lan tỏa mạnh và tạo những tác động tích cực trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Có 95% các chi bộ, tổ chức cơ sở Đảng đưa các nội dung của việc

học tập và làm theo Bác vào sinh hoạt định kỳ như kiểm điểm, đánh giá đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, xây dựng và niêm yết công khai chuẩn mực đạo đức của chi bộ, cơ quan tại trụ sở, nơi làm việc... Đến năm 2014 đã thành lập mới 9 chi bộ cơ sở; toàn Đảng bộ phát triển 839 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên của Đảng bộ lên 2.905 đảng viên; chất lượng và hiệu quả hoạt động của các tổ chức cơ sở Đảng trong Đảng bộ không ngừng được nâng lên, phát huy được vai trò hạt nhân chính trị ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị, chất lượng phân loại đảng viên ngày càng được chú trọng và nâng cao.

Công tác kiện toàn sắp xếp bộ máy cán bộ được tiến hành đồng bộ, thực hiện việc bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo; điều động, luân chuyển cán bộ nhằm tăng cường củng cố công tác ở các phòng ban, cơ sở. Huyện đã hoàn thành công tác quy hoạch cán bộ đối với các chức danh chủ chốt của huyện và xã; thực hiện đồng bộ công tác đánh giá, luân chuyển và đào tạo cán bộ gắn với việc xây dựng quy hoạch cán bộ. Tổng số cán bộ được đưa vào quy hoạch các chức danh chủ chốt của huyện là 185 đồng chí, tuyển cử 101 đồng chí đi học các lớp chính trị, 232 cán bộ đi học các lớp chuyên môn, đồng thời tiến hành luân chuyển để đào tạo cán bộ trẻ thuộc đối tượng cán bộ dự nguồn. Thông qua sự phân công phụ trách cơ sở của Ban Thường vụ Huyện ủy, 100% ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã tham gia giám sát 546 lượt đối với hoạt động, sinh hoạt của chi, đảng bộ trực thuộc; qua đó đã hỗ trợ, hướng dẫn cơ sở trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, đồng thời đóng góp, nhắc nhở kịp thời những thiếu sót, góp phần ngăn ngừa, hạn chế những vi phạm có thể xảy ra. Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Chương trình hành động số 07/CTr-HĐ về đào tạo cán bộ và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2010 - 2015 nhằm phát triển nguồn

nhân lực phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội bước đầu đạt được một số kết quả.

Hội đồng nhân dân huyện và xã đảm bảo về chất lượng, trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu, góp phần nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động giám sát trên nhiều lĩnh vực: cải cách hành chính, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, công tác đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản trọng điểm về giao thông, y tế, giáo dục... Hoạt động tiếp xúc cử tri từng bước được đổi mới thể hiện qua việc tổ chức đối thoại về những bức xúc của cử tri ở một số địa phương trọng điểm. Công tác cải cách hành chính được lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện với cơ chế “một cửa” ở các cơ quan cấp huyện và xã; đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác này được kiện toàn; cơ sở vật chất, trang thiết bị được nâng cấp, xây dựng mới, góp phần nâng cao một bước hiệu quả hoạt động của bộ phận “một cửa” ở cả hai cấp huyện và xã, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc giải quyết các thủ tục hành chính.

5. Từng bước đẩy nhanh tốc độ phát triển và năng lực cạnh tranh

Từ năm 2016, huyện đã triển khai 28 mô hình sản xuất cho các xã thực hiện, trong đó có 9 mô hình bò sinh sản, 3 mô hình cải tạo vườn điều năng suất thấp, 12 mô hình tưới nước nhỏ giọt và 1 mô hình nuôi dê sinh sản... Huyện cũng chú trọng đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn, thành lập 11 tổ hợp tác về các ngành nghề như: khoanh nuôi bảo vệ rừng, các tổ hợp tác nuôi dê, nghề cá, nuôi bò, mô hình tập đoàn điều...; thành lập 4 hợp tác xã nông nghiệp, nông lâm nghiệp - dịch vụ, thương mại - dịch vụ nông nghiệp và 1 hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới; các hợp tác xã hoạt động và bước đầu đạt hiệu quả tốt.

Dù gặp bất lợi về thời tiết, dịch bệnh, giá cả nên sản lượng và giá trị một số sản phẩm cây công nghiệp giảm, nhưng sản xuất nông nghiệp vẫn giữ vững vị trí hàng đầu. Đến đầu năm 2018, diện tích cây cao su 18.658 ha, tăng 18,2% so với năm 2015, sản lượng đạt 24.534 tấn tăng 30% so với năm 2015 (18.867 tấn), năng suất 1,87 tấn/ha tăng 6,25% so với năm 2015 (1,76 tấn/ha); cây điều 20.417 ha tăng 0,06% so với năm 2015 (20.404 ha), năng suất đạt 1,1 tấn/ha, tương ứng giảm 45% so với năm 2015 (2,0 tấn). Cây tiêu có xu hướng tăng mạnh từ 1.442 ha năm 2015 lên 2.292 ha năm 2018 tương ứng tăng 58,9%, sản lượng đạt 2.998 tấn, tăng 22,7% so với năm 2015 (2.443 tấn), năng suất đạt 2,7 tấn/ha giảm 6,8% so với năm 2015 (2,9 tấn/ha). Cây cà phê đạt 1.620 ha không thay đổi so với năm 2015, sản lượng đạt 2.630 tấn, tăng 0,38% so với năm 2015 (2.620 tấn), năng suất 1,62 tấn/ha tăng 0,6% so với năm 2015 (1,61 tấn). Còn lại 162 ha các loại cây lâu năm khác tăng 8,7% so với năm 2015 (149 ha)⁽¹⁾; chăn nuôi gia súc gia cầm, thủy sản đáp ứng nhu cầu tiêu thụ thực phẩm của nhân dân. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng đều hàng năm, năm 2017 đạt 1.666 tỷ đồng tăng 49,15% (chỉ tiêu tăng 18,55%/năm). Tổng giá trị sản xuất nông nghiệp theo giá hiện hành đến hết năm 2017 đạt 2.150 tỷ đồng giảm 9,39% so với cùng kỳ năm 2015 (chỉ tiêu tăng 5,74%).

Công tác quản lý điều hành thu - chi ngân sách luôn đảm bảo theo dự toán và kế hoạch được giao. Tổng thu ngân sách nhà nước từ năm 2015 tăng bình quân 5%/năm: năm 2015 đạt 545.497 triệu đồng; năm 2016 đạt 427.712 triệu đồng; năm 2017 đạt 502.347 triệu đồng; trong đó, thu theo dự toán (thu mới) năm 2015 đạt 114.186 triệu đồng; năm 2016 đạt 64.230 triệu đồng; năm 2017 đạt 81.669 triệu đồng. Tổng chi ngân sách nhà nước:

1. Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện nghị quyết đại hội Đảng bộ các cấp và nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

năm 2015 đạt 507 tỷ 996 triệu đồng; năm 2016 đạt 407 tỷ 328 triệu đồng; năm 2017 đạt 462 tỷ 666 triệu đồng, tăng 13,58% so với năm 2016.

Huyện hoàn thành công tác kiểm kê, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; đã thực hiện cấp mới 3.443 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tiếp nhận, cho phép 332 đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất diện tích 93.237,3 m² cho hộ dân. Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản luôn chiếm tỷ trọng lớn trong ngân sách (năm 2015: đạt 96.712 triệu đồng; năm 2016: đạt 93.474 triệu đồng; năm 2017: đạt 100.530 triệu đồng; đầu năm 2018: đạt 105.818 triệu đồng); quản lý xây dựng và điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tại trung tâm hành chính huyện và tại các xã đảm bảo theo đúng tiến độ; hoàn thành điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Đakia, quy hoạch chi tiết chợ xã Phú Văn; quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư B11, B12 Trung tâm hành chính huyện; quy hoạch khu phức hợp, thương mại dịch vụ; sơ đồ phân khu chức năng 13 đơn vị trường học trên địa bàn huyện và Ủy ban nhân dân xã Bình Thắng; đồ án quy hoạch đường giao thông nông thôn huyện Bù Gia Mập tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Phú Nghĩa I, Phú Nghĩa II; đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 Trung tâm huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đến năm 2030. Nhiều hạng mục công trình lớn, quan trọng được triển khai thực hiện: Trường Trung học phổ thông Bù Gia Mập, trường Mẫu giáo Phú Nghĩa, đường vành đai trung tâm hành chính huyện; đảm bảo cung cấp điện ổn định phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho nhân dân, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 96% (đạt mức phấn đấu năm 2020).

Về xây dựng nông thôn mới, tính đến tháng 9-2019, huyện có 4 xã đạt danh hiệu nông thôn mới: Phú Nghĩa (2016), Đức

Hạnh (2017), Đakia (2018) và Bình Thắng (2019); 4 xã còn lại đạt từ 9 đến 14/19 tiêu chí. Công tác định canh, định cư đã cấp đất sản xuất cho 33 hộ với diện tích 16,915 ha tại tiểu khu 42; cấp đất ở cho 174 hộ với diện tích 8,98 ha tại Tiểu khu 42 và Tiểu khu 119; bàn giao nhà ở cho 162 hộ đồng bào dân tộc thiểu số; trong năm 2017 tiến hành ủi, khai hoang được 31,1% (khoảng 30,88 ha tại Tiểu khu 42).

Công tác giáo dục và đào tạo toàn huyện hiện có 100% giáo viên đạt chuẩn và 73,8% đạt trên chuẩn; hoàn thành phổ cập tiểu học, trung học cơ sở, tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi. Huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%; 70% trẻ độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non; đã có 5/8 trường đạt chuẩn quốc gia (4 trường Tiểu học, 1 trường Trung học cơ sở). Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông huyện Bù Gia Mập có 464 học sinh là con em đồng bào dân tộc thiểu số theo học, với 54 phòng ký túc xá. Tỷ lệ trẻ em người đồng bào dân tộc thiểu số theo học năm 2014 đạt 97%, 2018 đạt 99,81%; trẻ em đồng bào dân tộc thiểu số từ 11 - 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học năm 2014 đạt 84,5%, 2018 đạt 90,5%; tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 10 tuổi trở lên biết chữ năm 2014 đạt 85,3%, năm 2018 đạt 91,01%; tỷ lệ mù chữ đối với nữ đồng bào dân tộc thiểu số năm 2014 là 11,8%, năm 2019 còn dưới 10%; tỷ lệ nữ học sinh đồng bào dân tộc thiểu số theo học các bậc học năm 2014 là 64,04%, năm 2018 là 75%⁽¹⁾. Năm 2018, huyện cử tuyển 25 học sinh là con em các dân tộc thiểu số theo học các trường cao đẳng, đại học, sau khi ra trường được xem xét, bố trí công tác tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện.

1. Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số huyện Bù Gia Mập lần thứ II, năm 2019.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho dân được chú trọng, các chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai thực hiện. Đến tháng 8-2018 có 5 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; đạt 2,02 bác sĩ/vạn dân và 6,32 giường bệnh/vạn dân; bảo hiểm y tế toàn dân trên địa bàn huyện đạt 97,38%.

Thực hiện tốt các công tác chính sách xã hội đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội; công tác xóa đói giảm nghèo được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo bằng việc lồng ghép các chương trình dự án với công tác xóa đói giảm nghèo, tạo điều kiện cho các hộ nghèo được vay vốn, hỗ trợ đất sản xuất, đẩy mạnh công tác khuyến nông, chăm lo giáo dục và sức khỏe cho người nghèo. Đến cuối năm 2017 áp dụng chuẩn nghèo mới, huyện còn 2.849 hộ nghèo với 11.531 nhân khẩu, chiếm tỷ lệ 16,23%; 1.404 hộ cận nghèo với 5.956 nhân khẩu, chiếm tỷ lệ 8%; đào tạo nghề cho 1.150 lao động, giải quyết việc làm cho 6.260 lao động (78,25%).

Triển khai thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW, Chỉ thị 05-CT/TW, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với cuộc vận động “Người Bình Phước nói lời hay, làm việc tốt”, Bù Gia Mập có 2 xã có khu thể thao vui chơi giải trí phục vụ nhân dân (Phú Nghĩa, Đức Hạnh) đạt tỷ lệ 25%, có 60/68 thôn có nhà văn hóa; tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa trung bình đạt 89,07% (chỉ tiêu Nghị quyết đề ra 85%); tỷ lệ thôn được công nhận “thôn văn hóa” đạt tỷ lệ 53,9% (chỉ tiêu Nghị quyết đề ra 40 - 50%); tỷ lệ hộ gia đình tham gia tập luyện thể dục, thể thao đạt 14,3%; có 6/8 xã với 49/68 số thôn có trạm, cụm truyền thanh vô tuyến (72%).

Quốc phòng - an ninh, nội chính là công tác thường xuyên với nhiều chỉ thị được ban hành và nhiều hoạt động được thực hiện ở các địa phương. Lực lượng vũ trang huyện, xã huấn luyện sẵn sàng chiến đấu; tăng cường biện pháp bảo đảm an ninh trên

tuyến biên giới, vận chuyển xây dựng 36 cột mốc phụ trên tuyến biên giới. Công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng, thường xuyên tuần tra, truy quét ngăn chặn nạn phá rừng làm rẫy, lấn chiếm đất lâm nghiệp, khai thác vận chuyển lâm sản trái phép để xử lý theo quy định; phát hiện và xử lý 28 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng, không có vi phạm về phá rừng, lấn chiếm đất rừng. Triển khai có hiệu quả kế hoạch công tác ngành tư pháp, kế hoạch tuyên truyền và phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn huyện; công tác hòa giải ở cơ sở đạt hơn 50% số vụ việc tiếp nhận. Triển khai thực hiện tốt các chương trình hành động của tỉnh, huyện về bảo vệ Tổ quốc, đảm bảo an ninh trật tự và phòng, chống tội phạm; về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Bù Gia Mập cũng là trọng điểm của tỉnh thực hiện Chương trình 134, 135, Quyết định 33, 102, 755, 54 của quốc gia, huyện phối hợp với Ban Dân tộc của tỉnh và các ban ngành chức năng đảm bảo thực thi nghiêm chính sách quốc gia, hỗ trợ kịp thời đồng bào các dân tộc thiểu số trong xây dựng và phát triển đời sống miền biên giới. Năm 2019 huyện ban hành Chỉ thị 09-CT/HU về tăng cường biện pháp quản lý, ngăn chặn tình trạng bán điều non, vay tiền lãi suất cao, cầm cố đất, bán đất trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện; tổ chức gặp mặt các chức sắc tôn giáo; thăm, tặng quà cho già làng, người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các cơ sở tôn giáo được nhà nước công nhận. Nhìn chung các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định của pháp luật, các tín đồ sống tốt đời đẹp đạo, chăm lo sản xuất phát triển kinh tế.

Vấn đề an ninh nông thôn được chỉ đạo thực hiện bằng những công việc cụ thể như tổ chức tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo theo đúng quy trình, quy định của pháp luật; lực lượng chức năng huyện thường xuyên theo dõi, nắm tình

hình, tổ chức đối thoại, vận động người dân không tham gia khiếu kiện đông người, vượt cấp, gây mất an ninh trật tự. An ninh trật tự và an ninh nông thôn ở Bù Gia Mập còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp⁽¹⁾, nhưng địa phương hoàn toàn làm chủ tình hình, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện và các cơ quan chức năng của huyện nắm vững tình hình, chủ động xử lý hiệu quả các diễn biến.

Công tác tổ chức cán bộ và xây dựng Đảng trước hết tập trung vào giáo dục chính trị - tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, huyện duy trì tổ chức hội nghị thông tin thời sự định kỳ, các hội nghị triển khai việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, mở lớp trung cấp lý luận chính trị, lớp bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, đảng viên, giáo viên, đoàn viên, hội viên; chỉ đạo cán bộ, đảng viên các tổ chức cơ sở đảng thực hiện nghiêm túc các hoạt động trong lĩnh vực tuyên giáo. Qua đó, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là trách nhiệm gương mẫu, đi đầu của cán bộ lãnh đạo chủ chốt được nâng cao hơn trước, trực tiếp góp phần vào việc thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của huyện. Tính đến ngày 30-9-2019, Đảng bộ có 1.583 đảng viên, với 44 tổ chức chi, đảng bộ cơ sở và 132 chi bộ trực thuộc; trong nhiệm kỳ đã kết nạp thêm 232 đảng viên mới; công tác đánh giá, phân loại tổ chức đảng và đảng viên hàng năm được thực hiện đảm bảo theo đúng quy trình, hướng dẫn của cấp trên: Năm 2015, có 28/46 tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, đạt 60,86%; 18/46 tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt 39,14%; không có tổ chức cơ sở đảng yếu kém. Năm 2016, có 25/49 chi, đảng bộ cơ sở đạt trong sạch vững mạnh, 24/49

1. Từ 2015 - 2017, trung bình mỗi năm có 223 hộ cầm cố với diện tích 303,83 ha; 153 hộ sang nhượng với diện tích 165,5 ha; bán điều non trung bình có 207 hộ với diện tích 298,58 ha; vay tiền lãi suất cao (từ 30 - 50%/năm) là 220 hộ với số tiền 11 tỷ 271 triệu đồng, việc khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép còn diễn ra; vẫn còn tình trạng nhóm họp, truyền đạo trái phép.

chi, đảng bộ cơ sở đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đối với chi bộ trực thuộc có 62 chi bộ trong sạch vững mạnh (đạt 46,97%), 66 chi bộ xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ (đạt 50%), có 4 chi bộ xếp loại hoàn thành nhiệm vụ (đạt 3,03 %), không có tổ chức đảng xếp loại yếu, kém. Năm 2017, có 28/49 chi, đảng bộ cơ sở đạt trong sạch vững mạnh, 21/49 chi, đảng bộ cơ sở đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ. Năm 2018, có 10/47 chi, đảng bộ cơ sở đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 34/47 chi, đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ, 1/47 chi, đảng bộ hoàn thành nhiệm vụ, 2 chi bộ miễn đánh giá. Đã thành lập được 1 tổ chức Đảng theo tinh thần Kết luận 80. Việc sắp xếp, bố trí, luân chuyển và phân công nhiệm vụ cho cán bộ được thực hiện đảm bảo các quy trình theo quy định và phân cấp quản lý cán bộ tạo được sự thống nhất trong toàn hệ thống chính trị, đội ngũ cán bộ, đảng viên. Hoàn thành công tác quy hoạch Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các chức danh chủ chốt cấp huyện, xã nhiệm kỳ tới; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được thực hiện tốt: ban hành quyết định cử 42 đồng chí đi học Cao cấp Lý luận Chính trị và tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng đối tượng 2, 3. Tổ chức mở 3 lớp Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính với số lượng 203 học viên và 30 lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho trên 2.855 cán bộ, đảng viên. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được các cấp ủy đảng chú trọng triển khai thực hiện chặt chẽ, đúng quy định. Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong thời gian qua được tăng cường và đổi mới, chất lượng, hiệu quả ngày được nâng cao. Các cấp ủy, tổ chức đảng luôn coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quán triệt, triển khai, nghị quyết, quy định, các văn bản của Đảng có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy đã thực hiện giám sát thường xuyên đối với 128 lượt tổ chức đảng và 1.159 lượt đảng viên; giám sát chuyên đề đối với 6 tổ chức đảng và 4 đảng viên; kiểm tra 3 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm qua kiểm tra phải

thi hành kỷ luật 1 đồng chí; kiểm tra 1 tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm về việc thực hiện chế độ và nội dung sinh hoạt chi bộ theo Chỉ thị 10; kiểm tra 5 tổ chức Đảng về thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật; kiểm tra tài chính đảng đối với 3 tổ chức đảng.

Về công tác dân vận, các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực được Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể phát động được thực hiện có hiệu quả, có sự thay đổi rõ nét trong nhận thức và hành động của các cấp ủy Đảng từ huyện đến cơ sở, thu hút đông đảo đoàn viên, hội viên tham gia và đạt nhiều kết quả quan trọng góp phần xóa đói, giảm nghèo, đời sống của nhân dân ngày càng nâng lên rõ rệt. Phong trào thi đua “Dân vận khéo” đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức trong hệ thống chính trị, các lực lượng làm công tác dân vận quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện, đã trở thành phong trào sâu rộng, thực sự đi vào đời sống xã hội, được đông đảo các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Bù Gia Mập thường đi đầu trong nhiều phong trào, cuộc vận động ở địa phương như: “Tuổi trẻ Bù Gia Mập học tập và làm theo lời Bác”; “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; “Ông bà mẫu mực, con cháu hiếu thảo”, chương trình “Thắp sáng ước mơ Việt Nam”... Công tác xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tập trung lãnh đạo các cấp chính quyền tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Ngày 19-12-2017, Hội đồng nhân dân huyện Bù Gia Mập đã tổ chức kỳ họp thứ 5 Hội đồng nhân dân huyện khóa III, nhiệm kỳ 2016 - 2021. Kỳ họp dành nhiều thời gian cho chất vấn và trả lời chất vấn về việc thực hiện Đề án xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2016 - 2020. Thực tế là số điểm trường

mẫu giáo bị xuống cấp và phòng học còn thiếu; việc thực hiện xây dựng nhà ở cho các hộ dân thụ hưởng Dự án 193, Chương trình 33, cùng những khó khăn vướng mắc cần giải quyết. Kỳ họp lần này thông qua 10 Nghị quyết, trong đó có 4 Nghị quyết về quy phạm pháp luật, với sự đồng thuận, nhất trí cao của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện dự họp.

Năm 2016 và 2017, chương trình xây dựng Nông thôn mới ở huyện Bù Gia Mập đã huy động 94% người dân tham gia bằng nhiều việc làm cụ thể, thiết thực. Ở xã Đakia, từ năm 2016 đến nay, nhân dân đóng góp 11 tỷ đồng cùng Nhà nước xây dựng 40 km đường giao thông; người dân ở các khu dân cư tự nguyện đóng góp gần 600 triệu đồng xây dựng hệ thống chiếu sáng đường thôn, trục đường ĐT759 dài hơn 10 km. Ở xã Bù Gia Mập, người dân không chỉ đóng góp 2 tỷ đồng cùng Nhà nước xây dựng cơ sở hạ tầng Nông thôn mới mà còn tự nguyện đóng góp hàng ngàn ngày công lao động xây dựng đường bê tông, phát quang thu gom rác thải, khơi thông cống rãnh tại các tuyến đường liên thôn; người dân hiến đất, nhiều cây trồng các loại để mở đường liên thôn Bù Rên - Đăk Côn.

Bước vào năm thứ 10 kỷ niệm thành lập huyện, Bù Gia Mập đã có 3 xã là Phú Nghĩa, Đức Hạnh, Đakia đạt 19/19 tiêu chí Nông thôn mới; xã Bình Thắng cũng phấn đấu về đích Nông thôn mới trong năm 2019. Hệ thống giao thông nông thôn của huyện được đầu tư phát triển: nâng cấp 153,647 km, trong đó 33,498 km đường bê tông xi măng, 72 km đường nhựa (100% đường đến trung tâm các xã được trải nhựa). Năm 2019 Bù Gia Mập xây dựng kế hoạch hỗ trợ 150 hộ dân tộc thiểu số là hộ nghèo được thoát nghèo. Các nhóm giải pháp cụ thể đã được chú trọng là: Hỗ trợ vốn sản xuất, hỗ trợ phương tiện sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề, tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người lao động gắn với giải quyết việc làm, hỗ trợ giải quyết việc làm...

III. MỤC TIÊU NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Trong chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020 huyện Bù Gia Mập nhằm đến nhiều mục tiêu cơ bản về kinh tế - xã hội; thực tế đến năm 2019 đã cơ bản đạt được, trong đó quan trọng nhất là:

- Năm 2020 giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 18,55% năm và giá trị sản xuất nông nghiệp, thủy sản tăng 5,74%/năm.

- Năm 2020 có 50% số xã đạt chuẩn Nông thôn mới.

- Năm 2020 có 100% số trẻ từ mầm non đến 6 tuổi được đi học; 20% trẻ trong độ tuổi nhà trẻ và 60% trẻ độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non.

- Đến năm 2020: hoàn thành các thiết chế của Trung tâm văn hóa - thể thao, Nhà Truyền thống và Thư viện huyện; 50% xã có khu thể thao, khu vui chơi giải trí; 85% thôn có nhà văn hóa...

Trong mục tiêu năm 2030 đưa Bình Phước trở thành tỉnh phát triển khá ở khu vực phía Nam, huyện Bù Gia Mập để ra chiến lược trung hạn tầm nhìn đến 2030 khá toàn diện.

Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030, nâng cấp Quốc lộ 14C theo chức năng đảm bảo an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế dọc theo biên giới Campuchia sẽ nâng cấp một đoạn của ĐT.741 từ Bù Gia Mập (ranh Đăk Nông) đến xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, đi theo đường Gerbert, ĐT Lộc Tấn - Hoàng Diệu đến ngã ba Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh. Ngoài ra Bù Gia Mập cũng nằm trong quy hoạch đường tuần tra biên giới nhằm gắn kết với hệ thống đường giao thông trong khu vực, tạo ra hệ thống giao thông liên hoàn ở khu vực biên giới, vành đai biên giới, góp phần ổn định an ninh, chính trị khu vực biên

giới, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo cho đồng bào các dân tộc khu vực biên giới⁽¹⁾.

Theo Nghị quyết về phát triển du lịch tỉnh Bình Phước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, phấn đấu đưa Bình Phước trở thành điểm đến hấp dẫn của vùng Đông Nam Bộ, thu hút ngày càng nhiều khách du lịch trong và ngoài nước, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Khu du lịch sinh thái Vườn quốc gia Bù Gia Mập là một trong những trọng điểm đầu tư.

Quy hoạch phát triển 35 cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 tầm nhìn đến 2030, theo đó huyện Bù Gia Mập có 4 cụm công nghiệp tổng diện tích 159 ha (3 cụm ở xã Phú Nghĩa, 1 cụm ở xã Đakia), đó là các cụm chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng:

- Cụm công nghiệp Phú Nghĩa 1 có diện tích quy hoạch 32 ha, tại thôn Tân Lập, xã Phú Nghĩa, với tổng mức đầu tư 160 tỷ đồng.

- Cụm công nghiệp Phú Nghĩa 2 diện tích 50 ha, tại thôn Khắc Khoan, xã Phú Nghĩa, tổng mức đầu tư 250 tỷ đồng.

- Cụm công nghiệp Phú Nghĩa 3 diện tích 45 ha cũng tại thôn Khắc Khoan, tổng mức đầu tư 250 tỷ đồng.

- Cụm công nghiệp Đakia diện tích 32 ha, tại thôn 4, xã Đakia, có tổng mức đầu tư 160 tỷ đồng.

Ưu tiên phát triển các cụm công nghiệp có quy mô hợp lý, phục vụ nhu cầu di dời và mở rộng mặt bằng sản xuất để phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại khu vực nông thôn, làm nền tảng phát triển công nghiệp hỗ trợ. Đồng thời gắn

1. Quyết định 09/2014/QĐ-UBND phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái, sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm và phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững⁽¹⁾.

Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 Trung tâm huyện lỵ tại Phú Nghĩa đến năm 2025 tầm nhìn đến 2030, theo đó huyện lỵ có quy mô diện tích khoảng 500 ha, dân số khoảng 30.000 dân, là trung tâm hành chính, kinh tế, thương mại dịch vụ, văn hóa - xã hội, có vị trí chiến lược quan trọng về an ninh quốc phòng của huyện Bù Gia Mập. Dự kiến trung tâm huyện lỵ đạt tiêu chí đô thị loại V với hai trục đường giao thông chính là ĐT.741 (lộ giới 60 m) và ĐT.760 (lộ giới 40 m), các trục đường trong khu vực có lộ giới từ 32 m - 44 m; có 6 khu theo không gian gồm khu trung tâm hành chính, khu cửa ngõ đô thị, khu trung tâm thương mại dịch vụ, khu cây xanh công viên thể dục thể thao⁽²⁾.

Tiếp tục thực hiện “Tam nông” theo Nghị quyết số 26⁽³⁾, Ủy ban nhân dân huyện Bù Gia Mập xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 1-6-2016 nhằm thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn huyện. Mục tiêu đến năm 2020 Bù Gia Mập chuyển dịch cơ cấu cây trồng, nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm đạt 30%; sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa đạt 80%; huy động nguồn lực trong nhân dân tham gia xây dựng Nông thôn mới đạt 10 - 30%; có 50% số xã đạt chuẩn Nông thôn mới. Mục tiêu đặt ra đến năm 2030 là:

1. Quy hoạch phát triển 35 cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 tầm nhìn đến 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước phê duyệt ngày 2-3-2018.
2. Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 Trung tâm huyện lỵ tại Phú Nghĩa đến năm 2025 tầm nhìn đến 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước phê duyệt ngày 28-12-2018.
3. Nghị quyết số 26 Hội nghị Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông thôn, nông dân.

- Giá trị sản phẩm các loại cây trồng/ha đất bình quân đạt trên 150 triệu đồng;
- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) giảm còn khoảng 3%;
- Tổ chức đào tạo lao động mới đạt 90%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng lên khoảng 98%;
- Thu nhập bình quân khu vực nông thôn đạt từ 45 - 50 triệu đồng/người/năm;
- Tỷ lệ nông dân được sử dụng nước hợp vệ sinh vào năm 2030 đạt 99%;
- Phấn đấu đến năm 2030 có 100% xã đạt nông thôn mới...⁽¹⁾

Còn nhiều những dự án và quy hoạch như thế để thay đổi diện mạo huyện Bù Gia Mập từ nay đến nửa đầu thế kỷ XXI; chắc chắn không thể so sánh với cuối thế kỷ trước khi nơi đây chưa có khuôn khổ một huyện hành chính hiện hình; nhưng tầm nhìn từ đây vẫn cho phép 80 ngàn người dân Bù Gia Mập hiện nay hình dung một huyện biên giới đến thập niên 20 - 30 thật trẻ trung, hiện đại, văn minh trong đất nước Việt Nam hội nhập với thế giới.

* * *

Mười năm thành lập huyện (2009 - 2019) là một chặng đường mới trong lịch sử Bù Gia Mập - chặng đường phát triển độc lập lần đầu tiên của một đơn vị hành chính cấp huyện trong 11 đơn vị huyện - thành phố - thị xã của tỉnh Bình Phước.

Trong 10 năm, Bù Gia Mập thực hiện 60 mô hình phát triển kinh tế về nông nghiệp; chỉ riêng Trạm Khuyến nông thực hiện 32 mô hình (trồng nấm; trồng mới điều; cải tạo vườn điều già năng suất thấp; chăm sóc tiêu theo hướng sinh học; cao su tăng

1. <http://baobinhphuoc.com.vn/>, ngày 23-9-2018.

độ; ghép cải tạo vườn cà phê...), đó là một trong những nội dung quan trọng, vừa là mục tiêu, vừa là giải pháp của Bù Gia Mập để thực hiện hiệu quả cơ chế đặc thù trong xây dựng Nông thôn mới.

Bù Gia Mập đã từng bước hình thành các vùng sản xuất hàng hóa gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm thông qua các hợp tác xã nông lâm nghiệp; chăn nuôi phát triển theo hướng trang trại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với định hướng phát triển công nghiệp, dịch vụ... Còn nhiều việc phải làm như tái cơ cấu, phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, phát triển các ngành công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa, nông thôn văn minh, hiện đại, đặc biệt là phải giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội nông thôn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn... Nhưng Bù Gia Mập đã trải qua 10 năm đầu “Vạn sự khởi đầu nan”, chặng đường tiếp theo đầy khả quan về những bước phát triển mạnh mẽ và bền vững.

KẾT LUẬN

1. Những chặng đường lịch sử vẻ vang

Cho đến đầu thế kỷ XX lịch sử chưa ghi chép gì về địa bàn Bù Gia Mập (mặc dù đất Phước Long dinh Trấn Biên phủ Gia Định có từ 300 năm trước); ngay cả đến giữa thế kỷ XX thì cái tên Bù Gia Mập vẫn dường như xa lạ với người xứ Phước Long - Bà Rá (mặc dù khi ấy đất nước đã có tên trên bản đồ và đi qua một cuộc kháng chiến trường kỳ). Thực tế tình hình miền Nam từ sau Hiệp định Giơnevơ đến những năm đen tối 1958 - 1959, khi Tỉnh ủy Phước Long ra đời (tháng 6-1960) và hệ thống các K xuất hiện, địa bàn K4 Bù Gia Mập lần đầu tiên đi vào thực tiễn chỉ đạo cách mạng trong vùng Phước Long.

Từ đó đến khi đấu tranh diệt ác phá kềm, củng cố và mở rộng vùng giải phóng (1961 - 1965), hình thành vùng căn cứ Bù Gia Mập; khi đấu tranh chống địch tìm diệt và bình định (1965 - 1968), Bù Gia Mập kiên cường bám trụ, giữ vững vùng căn cứ; khi chống phá bình định, bảo vệ và củng cố vùng giải phóng, góp phần giải phóng Phước Long (1969 - 1975), đồng bào và cán bộ, chiến sĩ hoạt động bám trụ trên vùng căn cứ Bù Gia Mập càng tích cực tham gia các hoạt động của quân, dân toàn tỉnh, góp sức lực vào cuộc giải phóng hoàn toàn quê hương. Từ năm 1972, nhất là từ sau Hiệp định Paris, từ Bù Gia Mập đến Lộc Ninh hình thành đoạn đầu mối cuối cùng trong hệ thống đường vận tải chiến lược Bắc - Nam, trong đó có hệ thống đường ống

và trạm xăng dầu, góp phần trực tiếp vào việc thực hiện quyết tâm của quân dân toàn miền và cả nước “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào” để kết thúc kháng chiến. Đó là 15 năm vượt qua những khó khăn thử thách, giữ vững và phát huy tốt truyền thống đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, bám trụ, giữ gìn, xây dựng, bảo vệ, giải phóng quê hương Phước Long - Bù Gia Mập.

Hành trình 10 năm sau giải phóng (1975 - 1985) và hơn 20 năm đầu đổi mới (1986 - 2009), Bù Gia Mập vẫn thầm lặng vận động phát triển trong huyện Phước Long rộng lớn vững chắc trên miền biên cương tỉnh Bình Phước. Gần 35 năm sau chiến tranh chống Mỹ cứu nước (1975 - 2009), tuy vẫn có thời kẻ thù phá hoại và xâm lấn biên giới, nhưng cơ bản đó vẫn là thời kỳ hòa bình để từng bước chuyển biến, từng lĩnh vực kinh tế - xã hội - văn hóa - an ninh vượt qua khó khăn và vươn lên, từng xã ấp, con người vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trải qua nghèo đói đến cải thiện và tiến đến đổi thay nhanh chóng.

Nhưng thay đổi nhanh nhất, toàn diện nhất vẫn là 10 năm thành lập huyện (2009 - 2019), cho dù có 4 năm điều chỉnh địa giới hành chính, Bù Gia Mập vẫn coi đó là chặng đường quan trọng có tính đột phá, mở ra hành trình dài tiếp theo cho lịch sử phát triển về sau. 10 năm vẫn làm nên nền móng vững chắc để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân huyện Bù Gia Mập vững bước đi vào thời kỳ cách mạng mới, đầy tự tin để thực hiện thắng lợi công cuộc phát triển và hội nhập.

Như thế, tính từ giữa thế kỷ XX đến nay là gần 70 năm, đã có 2 - 3 thế hệ sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Phước Long xưa, Bù Gia Mập ngày nay; nhìn lại quá khứ thấy chặng đường dài vút cả đời người với bao gian khổ hy sinh; nhìn hiện tại thấy diện mạo đổi thay nhanh chóng, mới thấm giá trị lịch sử quý báu, tiếp nối những thế hệ từ thời chiến đến thời bình: vinh quang, tự hào và trân quý.

2. Những đóng góp to lớn

Trong đấu tranh giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân Bù Gia Mập đã có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực kháng chiến. Cụ thể là:

- Xây dựng buôn làng căn cứ giải phóng trong nhiều năm liền, trở thành hậu cứ vững chắc.

- Tổ chức phong trào du kích chiến tranh nhân dân, chiến đấu chống địch càn quét, lấn chiếm vùng căn cứ cách mạng, gây cho chúng nhiều thiệt hại, đánh bại âm mưu ý đồ của địch hòng thành lập đội quân sắc tộc chống lại chính đồng bào của mình.

- Giữ đất, giữ dân, động viên hơn 4.000 dân trong vùng giải phóng Bù Gia Mập vượt qua nhiều khó khăn gian khổ, chịu đựng bom đạn ác liệt, chịu đói cơm lạt muối để cùng cán bộ chiến sĩ cách mạng kiên trì đấu tranh một mất một còn với địch.

- Bám giữ dân, bảo vệ dân, bảo vệ nguồn nhân lực tại chỗ vừa làm lực lượng trực tiếp bảo vệ buôn làng, khu căn cứ, vừa là nguồn bổ sung lực lượng vũ trang, lực lượng dân công hỏa tuyến cho các hoạt động chiến dịch trong kháng chiến cứu nước.

- Bám giữ đất - vùng căn cứ rộng lớn với địa bàn hiểm trở, với lực lượng quần chúng yêu nước, giác ngộ cách mạng, hết lòng ủng hộ kháng chiến; xây dựng và bảo vệ vững chắc vùng căn cứ của tỉnh, của khu, căn cứ hậu cần chiến lược và đường ống dẫn dầu, đảm bảo đường hành lang thông suốt từ Bắc vào Nam, từ ngã ba biên giới về miền Đông Nam Bộ; từ đó luôn hàng hậu cần, vũ khí, phương tiện chiến tranh và hàng vạn cán bộ, chiến sĩ từ hậu phương miền Bắc chi viện kịp thời cho chiến trường miền Nam.

- Quá trình xây dựng bảo vệ căn cứ, vùng giải phóng ở Bù Gia Mập cũng là quá trình xây dựng bảo vệ buôn làng, hình thành thể trận chiến tranh nhân dân và thể trận phòng thủ vững chắc.

Trên cơ sở thực lực cách mạng từng bước được xây dựng, củng cố qua các thời kỳ chiến tranh, lực lượng vũ trang địa phương được hình thành và phát triển ngày càng đông về số lượng, mạnh về sức chiến đấu, làm nòng cốt cho phong trào chiến tranh du kích. Du kích và nhân dân, trong đó rất đông đồng bào các dân tộc thiểu số đã bố phòng hàng ngàn chông tre, lỗ ô chống địch xâm nhập, chống địch đổ bộ bằng trực thăng, chống địch càn quét lùng sục, lấn chiếm vùng giải phóng, khu căn cứ, biến khu căn cứ và vùng giải phóng thành “vùng tử địa” đối với địch.

- Quá trình bám trụ cũng là quá trình xây dựng phát triển các đội, mũi công tác, nhất là trong vùng đồng bào dân tộc; hệ thống tổ chức đảng, chính quyền cách mạng, đoàn thể chính trị quần chúng cũng từng bước được củng cố phát triển; động viên nhân dân, nhất là con em đồng bào dân tộc thiểu số đóng góp sức người, sức của cho cách mạng, xây dựng thực lực cách mạng và tổ chức phối hợp hoạt động với bộ đội tỉnh, huyện, dân công hỏa tuyến trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Ra khỏi chiến tranh, Bù Gia Mập có danh sách đóng góp về con người cho thắng lợi của kháng chiến ở các xã như sau: xã Bù Gia Mập: 22 liệt sĩ; xã Đăk Ô: 33 liệt sĩ; xã Phước Minh: 30 liệt sĩ; xã Bình Thắng: 114 liệt sĩ; xã Phú Nghĩa: 18 liệt sĩ; xã Đakia: 27 liệt sĩ; xã Phú Văn: 11 liệt sĩ; xã Đức Hạnh: 44 liệt sĩ; toàn huyện có 299 hồ sơ liệt sĩ. Có 304 thương, bệnh binh, nạn nhân chất độc da cam (gồm 109 thương binh, 27 bệnh binh, 18 người hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc hóa học).

Chiến công tiêu biểu qua danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân theo thời gian được tặng thưởng có: Nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Bù Gia Mập (tháng 11-1978); Đại đội 568 Bù Gia Mập (tháng 12-1979); Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Đăk Ô (tháng 11-1990); Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Đức Hạnh (tháng 1-1996); Nhân dân và lực lượng vũ

trang xã Bình Thắng (tháng 4-2000). Toàn huyện có 15 mẹ Việt Nam anh hùng, trong đó có 2 mẹ còn sống cùng ngụ tại xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập.

Từ sau giải phóng năm 1975, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội, quân và dân Bù Gia Mập phát huy những truyền thống anh dũng kiên cường thời kháng chiến, tiếp tục đóng góp cho cách mạng nhiều công sức, trí lực, vật lực. Cụ thể là:

- Đẩy mạnh phong trào sản xuất lương thực, giải quyết tình trạng thiếu đói cho tỉnh Sông Bé, đã hỗ trợ hàng trăm ngàn tấn khoai mì khô cho tỉnh Sông Bé, cho huyện Phước Long.

- Hưởng ứng tích cực phong trào định canh định cư, tách hộ lập vườn sản xuất cây lương thực và với cây công nghiệp, đưa cây điều vào đời sống làm “cây thoát nghèo”, từng bước thiết lập lợi ích kinh tế tạo ra động lực thúc đẩy kinh tế hộ gia đình phát triển, hình thành vùng cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao (tiêu, điều, cao su, cà phê...) phát triển đến ngày nay.

- Nhiều xã Bù Gia Mập đi đầu trong phong trào xây dựng hợp tác xã, tập đoàn sản xuất; tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đường sá giao thông, điện, phát thanh truyền hình phục vụ đời sống dân cư, nhất là các xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tổ chức đời sống văn hóa xã hội mới, xây dựng đời sống mới, chú trọng phát triển giáo dục nâng cao dân trí, chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, y tế, nhất là trong con em đồng bào dân tộc; đấu tranh loại bỏ các tệ nạn xã hội và mê tín dị đoan.

- Thực hiện sáng tạo và hiệu quả các cuộc vận động xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, phong trào xây dựng cuộc sống mới trên địa bàn dân cư, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự xã hội vùng nông thôn, vùng biên giới...

Đảng bộ, quân và dân Phước Long - Bù Gia Mập đã được Đảng, Nhà nước nhiều lần tặng cờ Đảng bộ huyện vững mạnh; Chủ tịch Hội đồng Nhà nước (nay là Chủ tịch nước) tặng 12 Huân chương các loại; Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và các bộ ngành tặng 14 Bằng khen; Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh tặng 370 Bằng khen⁽¹⁾.

Chắc chắn không phải chỉ có những con số được thống kê như vậy, bởi thời chiến không ai thống kê được sự hy sinh đóng góp của con người dành tất cả cho cách mạng và kháng chiến; thời bình cũng không ai đếm được sự cống hiến sức người, sức của, trí tuệ, sáng tạo của con người cho sự hồi sinh và phát triển trên chính mảnh đất quê hương mình.

Lãnh đạo và nhân dân các xã, ấp vẫn đang đợi chờ thêm những tổng kết, đánh giá, thống kê, xét duyệt các hình thức khen thưởng; cả những khai báo ghi nhận của tập thể, cá nhân về đóng góp sức người, sức của của cán bộ, chiến sĩ, đồng bào từng sống, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hy sinh đóng góp cho mảnh đất và quê hương Bù Gia Mập suốt gần 70 năm qua.

3. Những chuyển biến mới

Từ sau giải phóng đến nay, cả một quá trình khắc phục hậu quả của chiến tranh, khôi phục, xây dựng và phát triển buôn sóc, bản làng; bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc, đập tan các thế lực phản động đặc biệt là bọn Fulro đem lại bình yên cho bản làng. Trong buổi đầu theo con đường xã hội chủ nghĩa, đồng bào các dân tộc thiểu số trong huyện từng bước giác ngộ cách mạng, phát huy truyền thống đoàn kết, chiến đấu anh dũng, lao động cần cù, theo lời cách mạng đã định canh định cư, bỏ tập quán cũ và đã có nhiều điển hình tiên tiến về con đường làm ăn mới, xây dựng các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất... đem lại cuộc

1. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Phước Long, *Lịch sử Đảng bộ, quân và dân Phước Long (1975 - 2014)*, Sơ thảo, tr. 78.

sống không ngừng được cải thiện cả vật chất lẫn tinh thần. Trên mặt trận nông nghiệp của huyện từ 1983 - 1985 đã thay đổi một bước dài về trình độ sản xuất, đã thiết lập quan hệ sản xuất ở nông thôn theo cách làm ăn mới; ý thức tự lực tự cường, tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân được phát huy. Thắng lợi đó mở ra triển vọng chuyên canh cây cao su, cây điều, cây cà phê, cây tiêu, kết hợp với cây lương thực, cây thực phẩm; xây dựng vùng chuyên canh mỳ, bắp và phát triển chăn nuôi trâu, bò, hồ nuôi cá trong từng nông trường, từng hợp tác xã thậm chí đến cả hộ gia đình. Đây là hướng đi lên của huyện vừa cơ bản, vừa lâu dài, phải biết kết hợp giữa nông nghiệp với lâm nghiệp, giữa cây lương thực, thực phẩm với cây công nghiệp, giữa chăn nuôi với trồng trọt...

Trong vùng đồng bào dân tộc, phong trào định canh định cư, tách hộ lập vườn được thực hiện từ rất sớm là cuộc vận động cách mạng, cải biến cách mạng một cách rất sâu sắc. Phong trào ấy đã tạo ra cho các hộ đồng bào dân tộc cuộc sống gia đình ổn định hơn, người dân quan tâm đến gia đình đến ngôi nhà mình hơn, rừng ít bị tàn phá hơn, người dân làm ăn tính toán hiệu quả trên mảnh vườn của mình nhiều hơn, để có hiệu quả cao người dân biết học tập, xây dựng kinh nghiệm và dần dần ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Đặc biệt trong đó việc tách hộ lập vườn là “biện pháp chiến lược” có tính cách mạng sâu sắc đối với phong tục tập quán và đời sống kinh tế cổ truyền trong vùng đồng bào dân tộc, một bài toán kinh tế từ lợi ích kinh tế tạo ra động lực thúc đẩy kinh tế hộ gia đình phát triển. Tách hộ lập vườn để hộ gia đình có sở hữu đất vườn, tạo cho hộ gia đình sản xuất và thu nhập, từ đó ổn định sinh hoạt, làm chuyển biến phong tục tập quán theo hướng tích cực và xác định rõ hơn bản sắc và giá trị văn hóa tộc người; cũng từ đó góp phần thiết thực vào phát triển kinh tế địa phương và thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo...

Các xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số như Đăk Ô, Bù Gia Mập, Phú Nghĩa, Phước Minh, Đakia tuy còn nhiều hộ nghèo, nhưng đều từng bước thoát nghèo; không còn cảnh mùa giáp hạt phải đi vận động các nhà hảo tâm ủng hộ, góp tiền, quà cho các gia đình nghèo; nhiều hộ có vườn điều, hồ tiêu, cà phê, cao su; nhiều hộ nhận bảo vệ rừng; xã nào cũng có đàn gia súc, gia cầm hàng ngàn con, có hộ gia đình đồng bào dân tộc thu nhập gần 500 triệu đồng/năm⁽¹⁾... Các xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số, cũng như các xã biên giới Bù Gia Mập, Đăk Ô đều có đường liên xã, liên thôn rộng rãi đủ cho cả xe hơi, xe tải tránh nhau; công nghệ thông tin được người dân áp dụng trong sản xuất, sinh hoạt; mọi biến động giá cả các mặt hàng điều, tiêu, cà phê, cao su, phân bón... được người dân cập nhật hàng giờ.

4. Nhân tố thắng lợi

Nhân tố rất quan trọng đầu tiên là sự đoàn kết thống nhất, đồng tâm nỗ lực của các ngành, các cấp, của toàn thể cán bộ, đảng viên và sự đồng thuận của nhân dân đã khắc phục khó khăn, nỗ lực thực hiện để hoàn thành những mục tiêu, nhiệm vụ chính trị chung của Đảng bộ qua các thời kỳ.

Đạt được những chiến công, thành tích, kết quả trong hành trình cách mạng gần 70 năm qua còn có nguyên nhân quan trọng từ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của Tỉnh ủy, Huyện ủy, các cấp ủy và sự hỗ trợ, giúp đỡ kịp thời của các ban ngành, đoàn thể đã góp sức, góp trí tuệ, góp xương máu, cả sự hy sinh không nề hà, không tính toán thiệt hơn trong suốt quá trình tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị trong mỗi thời kỳ và mỗi nhiệm kỳ.

Trong quá trình đổi mới, nhất là từ khi đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng bộ huyện Bù Gia Mập luôn

1. Đảng Bậy, “Bù Gia Mập ngày mới”, báo *Biên phòng*, ngày 21-2-2019.

nắm vững đường lối, quan điểm đổi mới của Đảng, vận dụng sáng tạo, kịp thời vào điều kiện thực tiễn của địa phương để lãnh đạo và thực hiện các mục tiêu đề ra trong nghị quyết. Nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường đã tạo ra môi trường thuận lợi cho phát triển ngành nghề, kinh tế trang trại tạo việc làm cho người lao động. Cơ chế bao cấp được xóa bỏ, đời sống nhân dân được cải thiện, các chính sách xã hội được thực hiện tốt. Phát huy mạnh mẽ nguồn lực bên trong, kết hợp với những yếu tố bên ngoài để khơi dậy sức dân, tạo thành phong trào hành động cách mạng, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng của địa phương.

Từ trong thực tiễn, mặc dù nền kinh tế của huyện vẫn còn nhiều yếu kém, mất cân đối, đời sống của đại bộ phận nhân dân, nhất là nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn còn khó khăn, nhưng nhìn chung huyện cũng đạt được thắng lợi to lớn trên các lĩnh vực và tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu. Nhờ làm tốt việc phê bình, tự phê bình và chấn chỉnh, củng cố tổ chức tạo cho Đảng bộ từng bước đổi mới về tư duy phát triển kinh tế, phong cách lãnh đạo, lề lối làm việc, từ đó tạo ra một khí thế mới. Quán triệt sâu sắc tư tưởng chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tiếp thu những ý kiến đóng góp chân thành của các cấp ủy Đảng và nhân dân, Đại hội đại biểu Đảng bộ các cấp luôn có nhiệm vụ đánh giá đúng tình hình, nhìn thẳng vào sự thật, thấy rõ những ưu, khuyết điểm, nghiêm khắc kiểm điểm những sai lầm thiếu sót, đề ra phương hướng, mục tiêu thiết thực nhằm làm chuyển biến mạnh mẽ tình hình kinh tế - xã hội của huyện theo tinh thần đổi mới về cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, đổi mới cơ chế quản lý, cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng quan hệ sản xuất mới, củng cố an ninh quốc phòng, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tăng cường công tác xây dựng Đảng, tạo ổn định và

phát triển sản xuất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Bên cạnh việc đồng lòng, đồng ý chí, đồng thuận, đồng hành, các cấp ủy Đảng trên địa bàn Bà Rịa Vũng Tàu xưa và huyện Đảng bộ nay còn có một thói quen làm việc nghiêm túc kiểm điểm và rút ra một số hạn chế, khiếm khuyết, tồn tại để tìm ra cách khắc phục và vươn lên.

Chuyện thời đổi mới phát triển và hội nhập còn ghi trong nhiều văn bản nghị quyết những cách nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật để làm theo sự thật chỉ dẫn: chuyển dịch cơ cấu các ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ và nông nghiệp còn chậm, chưa đạt mục tiêu đề ra; thu ngân sách gặp nhiều khó khăn, nguồn thu chưa bền vững; lĩnh vực dịch vụ tuy có tăng trưởng nhưng chưa tương xứng với tốc độ phát triển, chưa hình thành được các khu trung tâm thương mại đầu mối. Việc người dân tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất không theo quy hoạch vẫn còn xảy ra; cơ sở vật chất trường học tuy được đầu tư nhiều, nhưng trước mắt so với yêu cầu vẫn còn thiếu về trang thiết bị dạy học; an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo tiềm ẩn nhiều yếu tố ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng, khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật tuy đã giảm nhiều nhưng vẫn còn xảy ra; việc cụ thể hóa nghị quyết của Đảng ở một số ít cơ sở chưa sát thực tiễn của địa phương; cải cách thủ tục hành chính tuy bước đầu đạt được kết quả nhưng chưa thực sự đáp ứng yêu cầu đặt ra...

Văn bản nghị quyết, báo cáo hàng năm còn nhiều trang như thế, đó là cách để càng nhìn thấy nhiều hạn chế và tồn tại, càng rõ công việc cụ thể phải làm, càng hiểu phong cách lãnh đạo, chỉ đạo không quen chỉ tay năm ngón, thường nhận thấy liền và hành động liền.

5. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của địa phương qua các thời kỳ, Bù Gia Mập rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc lãnh đạo của Đảng bộ. Đó là:

1) Quan tâm chăm lo xây dựng Đảng bộ các cấp vững mạnh, bởi Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi, Đảng mạnh, đồng thời có Ban Chấp hành vững mạnh, có người đứng đầu có tài, có đức, có tinh thần trách nhiệm cao là có tất cả. Đó là ngọn nguồn của việc quán triệt và vận dụng sáng tạo, phù hợp đường lối của Trung ương Đảng và Đảng bộ tỉnh vào tình hình thực tế của địa phương; là cơ sở để được nhân dân đồng tình ủng hộ trong lãnh đạo điều hành và triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết. Đó là phương thức đưa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng đi vào cuộc sống, là biện pháp hiện thực để cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nêu cao truyền thống tự lực, tự cường, cần cù lao động sáng tạo và làm theo Nghị quyết của Đảng đề ra.

2) Đảng phải gần dân, tin dân, trọng dân, quan tâm chăm lo đời sống nhân dân. Bởi cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, ở một nước dân chủ thì “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân”, do đó người cán bộ đảng viên “*Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công*”. Muốn vậy phải giữ gìn và tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ, từng cấp ủy và toàn Đảng bộ phải không ngừng nâng cao nhận thức về nắm vững đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách đối về mối quan hệ quân - dân, quan hệ cá nước, quan hệ sống còn. Gần dân mới nắm vững tình hình thực tế của dân, đề ra được các chủ trương, biện pháp bước đi thích hợp với dân, cùng dân tháo gỡ khó khăn, cùng dân xử lý tình hình phức tạp mới phát sinh từ trong cuộc sống của dân. Gần dân và tin dân như Bác Hồ từng chỉ dẫn lợi

thể “Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách đơn giản, mau chóng, đầy đủ mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn nghĩ mãi không ra”.

3) Đảng bộ các cấp năng động sáng tạo trong vận dụng chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và giải quyết các vấn đề cụ thể của địa phương. Thực tế lãnh đạo, chỉ đạo vẫn thường tồn tại những thiếu sót, chủ quan, việc đề ra một số chỉ tiêu không phải lúc nào, thời kỳ nào cũng sát hợp và đáp ứng đúng yêu cầu, nhiệm vụ lịch sử. Ấy là chưa nói đến thói quen lãnh đạo và cơ chế lãnh đạo kiểu cũ đeo bám, việc dự kiến chưa hết diễn biến phức tạp của tình hình. Mặt khác do sự yếu kém của từng bộ phận cấp ủy đảng, sự điều hành thiếu năng động của các cấp chính quyền, chưa phát huy được lợi thế của huyện, những khuyết điểm, yếu kém trong mỗi con người... Như vậy, phải thường xuyên đổi mới và nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, không buông lơì vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với cơ quan nhà nước. Nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, củng cố và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, làm hạt nhân trong hệ thống chính trị cũng như các phong trào của quần chúng.

4) Phải đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực được quần chúng tín nhiệm, nhất là phải chọn cán bộ vừa có tâm, vừa có tầm, biết quản lý nhà nước, để bố trí vào các chức danh chủ chốt. Thực hiện nghiêm túc tự phê bình và phê bình, đảm bảo sự đoàn kết thống nhất cao trong Đảng bộ mà trước hết là trong Ban Chấp hành Đảng bộ. Khi đời sống của nhân dân và cán bộ công nhân viên chức nhà nước, lực lượng vũ trang, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, khi mức thu nhập giữa các vùng, các tầng lớp dân cư ngày càng có sự cách biệt, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng, ảnh hưởng đến đội ngũ cán bộ; khi tệ nạn xã hội, hành vi phạm

tội còn tồn tại... Hơn lúc nào hết, phải chăm lo cho chính đội ngũ cán bộ Đảng, cán bộ chính quyền, cổ vũ động viên họ trau dồi phấn đấu vươn lên, giữ vững bản lĩnh chính trị, kiến thức và năng lực quản lý, điều hành kinh tế - xã hội, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của sự nghiệp cách mạng.

5) Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng vững mạnh cũng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng. Đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, đoàn kết tương trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa người Kinh và đồng bào các dân tộc thiểu số; trong kháng chiến ở các vùng căn cứ cách mạng, đại bộ phận nhân dân là người dân tộc, việc thực hiện chính sách dân tộc được nhận thức đầy đủ và thiết thực, đội ngũ cán bộ, chiến sĩ và các tầng lớp đồng bào luôn đoàn kết, bình đẳng, tương trợ lẫn nhau, từ đó kết thành một khối làm thành sức mạnh vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, ác liệt và làm nên thắng lợi. Đó vừa là thực tiễn cách mạng địa phương, vừa là bài học thiết thực của Đảng bộ từ hôm qua, đến hôm nay và mãi về sau.

* * *

Nhân dân Bù Gia Mập đã và đang có một Đảng bộ lãnh đạo theo ý chí và hành động vì dân; Đảng bộ huyện Bù Gia Mập có một đội ngũ cán bộ chủ chốt từ huyện xuống cơ sở, đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công cuộc phát triển địa phương. Lịch sử Bù Gia Mập vì vậy trong hành trình đi tới sẽ tiếp tục ghi thêm nhiều trang mới của thời kỳ xây dựng, phát triển và hội nhập.

Mục lục

- Lời nói đầu 5

Mở đầu

BÙ GIA MẬP - MẢNH ĐẤT VÀ CON NGƯỜI

1. Điều kiện tự nhiên..... 9
2. Sự thay đổi hành chính qua các thời kỳ..... 13
3. Đặc điểm kinh tế, xã hội và dân cư..... 15
4. Đặc điểm văn hóa và truyền thống 18

Chương Một

BÙ GIA MẬP TRONG ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG (1954 - 1975)

- I. Vài nét lịch sử trước năm 1954..... 22
- II. Bù Gia Mập trong giai đoạn đầu kháng chiến
chống Mỹ (1954 - 1965) 25
 1. Từ đấu tranh chính trị tiến lên kết hợp với tự vệ vũ trang,
hình thành các K trên địa bàn Bù Gia Mập (1954 - 1960) 25
 2. Đấu tranh diệt ác phá kìm, củng cố và mở rộng vùng
giải phóng, hình thành vùng căn cứ Bù Gia Mập
(1961 - 1965) 30
- III. Bù Gia Mập phát huy vai trò căn cứ địa kháng chiến
(1965 - 1975)..... 35
 3. Đấu tranh chống địch càn quét đánh phá
những năm 1965 - 1968 35
 4. Bám trụ chống càn, bảo vệ và củng cố vùng giải phóng,
góp phần giải phóng miền Nam (1969 - 1975)..... 41

Chương Hai
BÙ GIA MẬP TRONG 10 NĂM XÂY DỰNG
VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1985)

- I. Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng đời sống mới (1975 - 1977)..... 53
 - 1. Giữ gìn an ninh trật tự những ngày đầu giải phóng 53
 - 2. Khôi phục sản xuất, ổn định đời sống dân cư, xây dựng củng cố hệ thống chính trị 57
- II. Phối hợp chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ tuyến biên giới, từng bước xây dựng kiến thiết quê hương (1977 - 1979) 61
 - 3. Phục vụ chiến đấu trên tuyến biên giới 61
 - 4. Xây dựng và phát triển kinh tế, nông nghiệp là mặt trận hàng đầu..... 66
- III. Vượt qua khó khăn, từng bước phát triển kinh tế - xã hội những năm 1979 - 1986 70
 - 5. Thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động những năm 1979 - 1982 70
 - 6. Từng bước thiết lập quan hệ sản xuất tập thể và hợp tác ở nông thôn những năm 1982 - 1986 76

Chương Ba
BÙ GIA MẬP TRONG 23 NĂM THỰC HIỆN ĐỔI MỚI
VÀ CÔNG NGHIỆP HÓA (1986 - 2009)

- I. Phát huy thế mạnh để phát triển trong 10 năm đầu đổi mới (1986 - 1996)..... 87
 - 1. Buổi đầu thực hiện đường lối đổi mới..... 87
 - 2. Góp phần tháo gỡ cơ chế cũ, từng bước phát triển (1987 - 1990) 90
 - 3. Đẩy mạnh chuyển biến kinh tế - xã hội những năm 1991 - 1996 94
- II. Ổn định phát triển kinh tế - xã hội, bước đầu thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông thôn (1996 - 2000)..... 102

4. Xây dựng và phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa.....	102
5. Phát triển văn hóa - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng địa phương.....	109
III. Chuyển biến kinh tế - xã hội trong thập niên đầu thế kỷ XXI (2000 - 2009)	113
6. Thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế.....	113
7. Chuyển biến đời sống văn hóa, xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng.....	119
8. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế	124

Chương Bốn

HUYỆN BÙ GIA MẬP 10 NĂM XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP (2009 - 2019)

I. Huyện Bù Gia Mập thành lập.....	132
1. Diên cách hành chính	132
2. Đại hội Đảng bộ huyện Bù Gia Mập và những quyết sách phát triển mới.....	135
II. Những bước phát triển mới trong chặng đường đầu tiên	139
3. Duy trì tốc độ phát triển kinh tế - xã hội	139
4. Xây dựng cơ cấu kinh tế - xã hội phù hợp với tiềm lực địa phương.....	142
5. Từng bước đẩy nhanh tốc độ phát triển và năng lực cạnh tranh.....	153
III. Mục tiêu năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	163

KẾT LUẬN

1. Những chặng đường lịch sử vẻ vang.....	168
2. Những đóng góp to lớn.....	170
3. Những chuyển biến mới	173
4. Nhân tố thắng lợi	175
5. Bài học kinh nghiệm	178

PHỤ LỤC

LỊCH SỬ
TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG
CỦA ĐẢNG BỘ, QUÂN VÀ DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
(1954 - 2019)

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
HUYỆN BÙ GIA MẬP - TỈNH BÌNH PHƯỚC

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

ĐINH THỊ THANH THỦY

Biên tập : **HOÀNG THỊ HƯỜNG**
Sửa bản in : **VIỆT ANH**
Trình bày : **HOÀNG VĂN**
Bìa : **MINH HIẾU**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 028.38225340 - 028.38296764 - 028.38256713 - 028.38223637 - 028.38247225
Fax: 028.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Sách online: www.nxbhcm.com.vn - Ebook: www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ♦ **ĐT: 028.38256 804**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ♦ **ĐT: 028.39433 868**

GIAN HÀNG M01 - ĐƯỜNG SÁCH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đường Nguyễn Văn Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

In số lượng 1.000 cuốn. Khổ 16 x 24 cm

Tại: Xí nghiệp in FAHASA

774 Trường Chinh, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

XNĐKXB: 102-2018/CXBIPH/01-05/THTPHCM cấp ngày 10/01/2018

QĐXB số: 40/QĐ-THTPHCM-2018 ngày 15/01/2018

ISBN: 9 7 8 - 6 0 4 - 5 8 - 7 3 0 2 - 1

In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2019